

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN THỊ NGỌC MY

**BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN GÓM KYO
TRUYỀN THỐNG Ở NHẬT BẢN
- BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Chuyên ngành: Châu Á học

Hà Nội - 2016

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN THỊ NGỌC MY

**BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN GÓM KYO
TRUYỀN THỐNG Ở NHẬT BẢN
- BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM**

Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Châu Á Học

Mã số: 60 31 50

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS NGUYỄN DUY DŨNG

Hà Nội - 2016

LỜI CẢM ƠN

Trước khi vào phần trình bày luận văn “Bảo tồn và phát triển gốm Kyo truyền thống ở Nhật Bản – Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam” - Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến giáo viên hướng dẫn của tôi là PGS. TS Nguyễn Duy Dũng. Trong quá trình hoàn thành luận văn, do tình hình sức khỏe không tốt khiến cho quá trình thực hiện luận văn bị gián đoạn, thầy đã luôn nhiệt tình động viên và giúp đỡ, tạo mọi điều kiện để tôi hoàn thành đề tài của mình.

Tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới các thầy cô giáo trong Khoa Đông Phương học – Trường Đại học KHXH & NV Hà Nội đã đóng góp cho tôi những ý kiến quý báu để tôi có thể hoàn thành luận văn này.

Cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới Phòng Đào tạo sau đại học, Đại học KHXH & NV Hà Nội, đặc biệt là Bộ phận Đào tạo sau đại học – Khoa Đông Phương học đã tạo điều kiện cho tôi trong quá trình học tập.

Cuối cùng tôi xin gửi lời cảm ơn đến gia đình, bạn bè, những người đã luôn bên tôi, động viên và khuyến khích tôi trong quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu của mình.

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan toàn bộ Luận văn tốt nghiệp với đề tài “Bảo tồn và phát triển gốm Kyo truyền thống ở Nhật Bản – Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam” là công trình nghiên cứu của riêng tôi, thực hiện dưới sự hướng dẫn của PGS.TS Nguyễn Duy Dũng.

Mọi trích dẫn trong Luận văn này đều được ghi rõ nguồn đầy đủ và cụ thể. Nội dung Luận văn này không trùng lặp với bất cứ nội dung luận văn nào đã công bố.

Tác giả

Nguyễn Thị Ngọc My

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	4
Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ GÓM KYO TRUYỀN THỐNG NHẬT BẢN.....	10
1.1. Sự hình thành và phát triển của gốm Kyo đến hết thời Minh Trị	10
1.1.1. Gốm Kyo sơ kỳ.....	10
1.1.2. Sự hình thành và phát triển của gốm Kyo truyền thống.....	13
1.2. Một vài nét khái quát về gốm Kyo truyền thống	26
1.2.1. Các công đoạn sản xuất gốm Kyo.....	26
1.2.2. Lò nung gốm và quá trình nung gốm	30
1.2.3. Vẽ trang trí men gốm Kyo truyền thống	33
1.2.4. Gốm Raku – Dòng gốm trà đặc sắc	35
Chương 2: BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN GÓM KYO TRUYỀN THỐNG	41
NHẬT BẢN: THỰC TRẠNG VÀ CHÍNH SÁCH	41
2.1. Thực trạng gốm Kyo truyền thống từ thời kỳ Đại Chính đến nay	41
2.1.1. Quy mô các khu vực sản xuất gốm Kyo từ sau thời Minh Trị đến nay	42
Đốc Gojo - Kiyomizu.....	42
2.1.2. Vai trò của gốm Kyo truyền thống trong cơ cấu sản phẩm của sản	
xuất gốm sứ ở Kyoto.....	44
2.1.3. Nguyên vật liệu sản xuất gốm Kyo.....	46
2.1.4. Các nhà buôn gốm ở Kyoto.....	48
2.1.5. Về vấn đề xuất khẩu gốm Kyo	50
2.1.6. Lò nung leo và vấn đề ô nhiễm môi trường	52
2.1.7. Phương pháp tạo hình gốm và vẽ tranh trên gốm	55
2.1.8. Về lao động.....	57
2.1.9. Phong trào bảo tồn và phát triển nghệ gốm truyền thống tại Kyoto	59
2.2. Chính sách bảo tồn và phát triển gốm sứ Kyo truyền thống	64
2.2.1. Cơ sở pháp lý bảo tồn và phát triển gốm sứ Kyo truyền thống	64

2.2.2. <i>Hoạt động bảo tồn và phát triển gôm Kyo truyền thống tại địa phương: Chính sách và thực hiện</i>	72
Chương 3: KINH NGHIỆM BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN GÓM KYO TRUYỀN THỐNG Ở NHẬT BẢN VÀ MỘT VÀI GỢI Ý CHO VIỆT NAM ..	99
3.1. <i>Khái quát về nghề gôm truyền thống ở Việt Nam</i>	99
3.1.1. <i>Sự hình thành và phát triển nghề gôm truyền thống ở Việt Nam</i> ..	99
3.1.2. <i>Vài nét về thực trạng nghề gôm truyền thống ở Việt Nam hiện nay</i> ..	104
3.2. <i>Kinh nghiệm bảo tồn và phát triển gôm Kyo truyền thống ở Nhật Bản và một vài gợi ý cho Việt Nam</i>	111
KẾT LUẬN	125
Tài liệu tham khảo.....	128
PHỤ LỤC	133

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Giá trị sản lượng theo năm của ngành gốm sứ Kyoto [22, tr. 82] .	45
Bảng 2.2: Sự thay đổi cơ cấu nhóm sản phẩm gốm sứ Kyoto theo kim ngạch xuất khẩu đường biển [22, tr. 84]	46
Bảng 2. 3: Sự tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu gốm sứ theo đường biển tại thành phố Kyoto từ năm 1967 đến năm 1980 (đơn vị : lần)	51
Bảng 2.4: Tỷ lệ sở hữu các công cụ tạo hình gốm sứ thành phố Kyoto năm 1974 [22, 108].....	56
Bảng 2.5 : Cơ cấu chi phí một sản phẩm gốm sứ Kyoto năm 1976 [21, tr. 105]..	58
Bảng 2.6: Cơ cấu về độ tuổi lao động ngành sản xuất gốm sứ thành phố Kyoto – Năm 1981.....	59

LỜI MỞ ĐẦU

1. Mục đích, ý nghĩa của đề tài

Mục đích nghiên cứu

Mục đích chung: Trên cơ sở phân tích thực trạng công tác bảo tồn và phát triển gốm Kyo truyền thống, luận văn đưa ra những bài học kinh nghiệm và gợi ý cho Việt Nam về lĩnh vực này.

Mục đích cụ thể:

+ Cung cấp một cái nhìn khái quát về gốm Kyo truyền thống cũng như công tác bảo tồn và phát triển gốm Kyo truyền thống nói riêng.

+ Giúp hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của nghề thủ công truyền thống nói chung và nghề gốm sứ truyền thống nói riêng với xã hội, cũng như có cái nhìn đúng đắn hơn về công tác bảo tồn và phát triển nghề truyền thống này ở Việt Nam hiện nay.

+ Đưa ra một vài gợi ý nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác bảo tồn và phát triển nghề gốm sứ truyền thống Việt Nam trong tương lai.

Ý nghĩa đề tài

Cố đô Kyoto – Nơi được mệnh danh là “Trái tim của Nhật Bản” - Với chiều dài lịch sử là thủ đô nước Nhật hơn 1000 năm, Kyoto có rất nhiều di sản văn hóa nghệ thuật nổi tiếng. Ở Kyoto có sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại. Nơi đây cũng được biết đến như một trong những địa phương sản xuất gốm truyền thống nổi tiếng nhất ở Nhật Bản.

Tuy sản xuất gốm ở Kyoto ra đời muộn hơn các địa phương khác, nhưng người dân Kyoto từ chính cảm quan nghệ thuật và lối sống của mình đã sáng tạo nên nghệ thuật gốm Kyo truyền thống độc đáo với phong cách đặc trưng riêng biệt. Chính vì vậy mà gốm Kyo truyền thống (mà ta vẫn gọi là Kyoyaki) với vẻ đẹp của nó không chỉ là nguồn cảm hứng của những nhà sưu tập hay các nhà nghiên cứu ở Nhật Bản và trên khắp thế giới từ xưa tới nay mà nó còn đóng một vai trò rất quan trọng trong đời sống xã hội, tinh thần của người dân Nhật Bản nói chung và người dân Kyoto nói riêng. Gốm Kyo truyền thống Nhật Bản không chỉ có giá trị về mặt thẩm mỹ mà còn có giá trị tinh thần rất lớn lao. Vì vậy, nghiên cứu về gốm Kyo,

đặc biệt là ở khía cạnh “Bảo tồn” và “ Phát triển” gốm Kyo ở Nhật Bản sẽ có rất nhiều ý nghĩa thực tiễn trong bối cảnh hội nhập và phát triển ngày nay.

Cũng giống như gốm Kyo truyền thống, rất nhiều những sản phẩm gốm ở Việt Nam cũng được thế giới biết đến như: gốm Bát Tràng (Hà Nội), hay gốm Phù Lãng (Bắc Ninh)..... Thế nhưng cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, trào lưu chạy theo lợi nhuận và lối sống đô thị hiện đại đang đặt các làng nghề gốm truyền thống của Việt Nam trước rất nhiều những khó khăn và thách thức về cơ sở hạ tầng, giá trị nghệ thuật sáng tạo của các làng nghề và nhất là vấn đề ô nhiễm môi trường tại các làng nghề... Do đó, nghiên cứu về công tác bảo tồn và phát triển gốm Kyo truyền thống ở Nhật Bản cũng là để từ đó rút ra được một vài bài học kinh nghiệm bổ ích cho công tác bảo tồn và phát triển gốm truyền thống Việt Nam.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Tại Nhật Bản, nghiên cứu về Thủ công truyền thống Nhật Bản nói chung hay gốm Kyo nói riêng cũng như công tác bảo tồn và phát triển nghề gốm truyền thống tại các địa phương là một trong những đề tài hấp dẫn thu hút được sự quan tâm của rất nhiều các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Trong đó có thể kể đến hai tài liệu nghiên cứu chính của luận văn là “Tuyển tập gốm sứ Nhật Bản ” (日本陶磁大系 gồm 28 quyển) – Trong đó quyển số 26 với tựa đề Kyo-yaki (京焼) của tác giả Kawahara Masahiko (河原正彦) - Xuất bản lần đầu vào năm 1990 đã trình bày một cách rõ ràng về sản xuất gốm sứ tại Kyoto qua các giai đoạn lịch sử . Hay cuốn sách Kyo – yaki của tác giả Taniguchi Ryoza (谷口良三) xuất bản năm 1997 đã đưa ra cái nhìn khái quát về lịch sử hình thành và phát triển của gốm Kyo từ xưa cho đến nay đồng thời giúp người đọc có cái nhìn khái quát về những hoạt động bảo tồn và phát triển gốm truyền thống tại Kyoto. Cũng theo tác giả, gốm Kyo tuy phát triển muộn hơn các địa phương sản xuất gốm truyền thống khác ở Nhật Bản nhưng cùng với việc trở thành kinh đô của cả nước, Kyoto đã thu hút được rất nhiều kỹ thuật sản xuất gốm tiên tiến cũng như các thợ thủ công lành nghề từ khắp nơi đến đây, kết hợp với thẩm mỹ cổ đô tạo nên một bản sắc gốm Kyo không lẫn với bất kỳ địa phương sản xuất gốm nào khác trên nước Nhật.

Ngoài ra cũng có nhiều tác phẩm của các tác giả nước ngoài khác viết về gốm truyền thống Nhật Bản như Richard L. Wilson với ấn phẩm “Inside Japanese Ceramics” viết năm 1995. Tác phẩm của ông không chỉ cho ta cái nhìn về gốm truyền thống Nhật Bản nói chung mà còn cho thấy cái nhìn đối sánh về quá trình hình thành và phát triển, kỹ nghệ chế tác giữa các lò gốm truyền thống Nhật Bản trong đấy có gốm Kyo.

Tại Việt Nam, cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, vấn đề về bảo tồn và phát triển các làng nghề thủ công truyền thống với hàng loạt các hội thảo về phát triển làng nghề truyền thống nói chung và gốm truyền thống nói riêng đã được tổ chức tại nước ta như: Hội thảo thúc đẩy và phát triển nghề thủ công và làng nghề Việt Nam, Hà Nội, 1996 hay hội thảo vào tháng 7/2002; Hội thảo chuyên đề "Gốm sứ Việt Nam trong tiến trình hội nhập" diễn ra vào tháng 9 năm 2010 tại Bình Dương... cũng đưa ra nhiều bản tham luận có giá trị như: Vấn đề khôi phục và những đặc tính của sản phẩm thủ công truyền thống Nhật Bản của tác giả Kiyoshi Miyazaki; Hay Những biện pháp thể chế ở Nhật Bản và hoạt động của trung tâm thủ công mỹ nghệ truyền thống Nhật Bản của tác giả Takayuki Maruoka.. Đáng chú ý là cuốn sách “Vấn đề bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống ở Nhật ” xuất bản năm 2002 do TS. Hồ Hoàng Hoa chủ biên cũng là những tác phẩm đem đến cho ta cái nhìn khái quát về công tác bảo tồn nghề thủ công truyền thống tại Nhật Bản trong đó có gốm truyền thống. Tuy nhiên, những nghiên cứu chuyên sâu về gốm Nhật Bản cũng như vấn đề bảo tồn và phát triển các làng nghề gốm truyền thống Nhật Bản vẫn còn mang tính chất các bài nghiên cứu nhỏ lẻ và thường chủ yếu chỉ nhằm mục đích đối sánh với gốm sứ truyền thống Việt Nam. Thực tế, ở Việt Nam vẫn chưa có một nghiên cứu cụ thể nào về gốm Kyo truyền thống ở Nhật Bản hay công tác bảo tồn và phát triển loại gốm sứ truyền thống độc đáo này. Vì vậy, kinh nghiệm của Nhật Bản và những gợi ý cho Việt Nam về vấn đề này chính là khoảng trống cần nghiên cứu bổ sung.

3. Đối Tượng, Phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu

Luận văn với đề tài " Bảo tồn và phát triển gốm Kyo truyền thống ở Nhật Bản - bài học kinh nghiệm cho Việt Nam " lấy gốm Kyo truyền thống (Mà Nhật Bản vẫn gọi là Kyo - yaki) làm đối tượng nghiên cứu.

Về khái niệm, cơ bản có thể phân chia gốm Nhật Bản thành ba loại chính theo thứ tự dựa vào độ cứng của xương gốm: Đồ gốm tráng men Toki (陶器 - đồ sành); Đồ sành Sekki (炻器 - Thạch khí) ; Đồ sứ Jiki (磁器 - Từ khí). Trong đó thì gốm Kyo (Kyo – yaki) là thuật ngữ chỉ chung các loại gốm và sứ được sản xuất tại vùng sản xuất gốm sứ lấy thành phố Kyoto thuộc Phủ Kyoto, Nhật Bản làm trung tâm – hình thành nên kinh đô gốm sứ Nhật Bản hiện nay.

Trong luận văn, trừ những đoạn cần nói rõ về kỹ thuật chế tác, tác giả sẽ dùng thuật ngữ “ gốm” hoặc “sứ” kèm theo phù hợp. Còn nhìn chung, cụm từ “ gốm Kyo ” sẽ được dùng thường xuyên để chỉ chung cho các sản phẩm gốm sứ truyền thống Kyo - yaki ở Kyoto vì “ sứ” về cơ bản cũng là một loại gốm được tạo ra bởi kỹ thuật cao hơn mà thôi.

Phạm vi nghiên cứu

Về thời gian: Nghiên cứu về gốm truyền thống – nhất là một loại gốm nổi tiếng về sự tinh tế và tỉ mỉ với số lượng không thật nhiều như gốm Kyo là một vấn đề hết sức phức tạp cũng như cần nhiều thời gian nghiên cứu và phải thông qua nghiên cứu thực địa mới có thể chỉ rõ được các đặc điểm cũng như sự biến đổi của nó qua từng thời kỳ. Trong khuôn khổ luận văn của mình, tác giả chỉ có thể mang đến cái nhìn khái quát của quá trình phát triển cũng như các đặc điểm chung của gốm Kyo qua các giai đoạn để từ đó đi sâu vào phân tích thực trạng và các công tác bảo tồn của loại gốm Nhật Bản đặc sắc này từ thời Đại Chính đến nay, đặc biệt là giai đoạn sau khi Luật Bảo tồn di sản văn hóa (1950) và Luật Nghề truyền thống (1974) ra đời là cơ sở pháp lý tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bảo tồn và phát triển gốm Kyo truyền thống ở địa phương.

Về không gian : Nếu như trước thời Minh Trị, vùng sản xuất gốm Kyo bao gồm các khu Awataguchi, Kiyomizu khu vực dốc Gojo mở rộng ra khu Hiyoshi, Sennyuji và cả thành phố phía Nam phủ Kyoto là Nagaoka – Kyo; Thành phố Mukou (向日市) thuộc phía Tây Nam thành, khu phố Kyoto; Khu Yamashina (山科区) – một quận nằm phía Đông Kyoto; Thành phố Uji 宇治市 hay Tanzan 炭山 ...Thì nay vùng sản xuất gốm sứ Kyoto chỉ còn tập trung chủ yếu ở các khu như Gojo, Hiyoshi, Sennyuji, Yamashina, Tanzan.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn “ Bảo tồn và phát triển gốm Kyo truyền thống ở Nhật Bản - bài học kinh nghiệm cho Việt Nam” dựa trên các nguồn tài liệu tiếng Việt và tiếng nước ngoài, cũng như những nguồn tài liệu tham khảo từ các trang web như: trang web của hiệp hội thủ công mỹ nghệ dân gian Nhật Bản và bảo tàng thủ công mỹ nghệ dân gian Nhật Bản; Trang web của Phủ Kyoto, thành phố Kyoto và trang web về Thủ công dân gian Kyoto... bằng phương pháp nghiên cứu tổng hợp và phân tích các số liệu, các kết quả nghiên cứu để từ đó đưa ra những nhận xét, đánh giá khách quan nhất. Trong luận văn, tác giả cũng sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành kết hợp giữa những kiến thức về lịch sử, văn hóa và kiến thức về kinh tế, pháp luật nhằm đưa ra một góc nhìn mới cho vấn đề nghiên cứu.

5. Đóng góp mới của luận văn

Ở Việt Nam đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về lĩnh vực gốm sứ Nhật Bản nhưng nghiên cứu về gốm Kyo truyền thống ở Nhật Bản cũng như khía cạnh bảo tồn và phát triển của loại gốm độc đáo này thì hầu như chưa có. Thông qua việc làm rõ quá trình hình thành cũng như công tác bảo tồn và phát triển gốm Kyo của Chính phủ Nhật Bản và người dân Nhật Bản, bằng phương pháp nghiên cứu liên ngành, tác giả hy vọng sẽ mang đến một cái nhìn cụ thể về loại gốm độc đáo này. Từ đó, đưa ra một vài gợi ý về bài học kinh nghiệm phù hợp để áp dụng vào thực tế ở Việt Nam hiện nay – Khi mà các làng nghề truyền thống của Việt Nam cũng đang đứng trước rất nhiều khó khăn.

6. Kết cấu của luận văn: Ngoài Lời mở đầu, Kết luận, phần Phụ lục và Tài liệu tham khảo, luận văn bao gồm 03 chương:

Chương 1: Khái quát về gốm Kyo truyền thống Nhật Bản.

Chương 2: Bảo tồn và phát triển gốm Kyo truyền thống ở Nhật Bản: Thực trạng và chính sách.

Chương 3: Kinh nghiệm bảo tồn và phát triển gốm Kyo truyền thống ở Nhật Bản và một vài gợi ý cho Việt Nam.

Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ GỐM KYO TRUYỀN THỐNG NHẬT BẢN

1.1. Sự hình thành và phát triển của gốm Kyo đến hết thời Minh Trị

1.1.1. Gốm Kyo sơ kỳ

Như ta đã biết, đồ gốm ở Nhật Bản đã xuất hiện từ rất lâu đời, cách đây khoảng hơn 10000 năm. Quần đảo Nhật Bản vốn có nguồn tài nguyên đất sét dồi dào để làm gốm và việc phát hiện ra công dụng của đất sét và sử dụng nó để tạo ra những đồ đựng hay tích trữ thức ăn, những đồ cúng tế ...chính là một sự tác động rất lớn tới văn hoá Nhật Bản trong suốt hàng bao thiên niên kỷ nay.

Từ thời kỳ jomon (từ 8000 đến 300 năm trước công nguyên) người Nhật Bản đã bắt đầu phát minh ra kỹ thuật làm đồ gốm. Loại gốm jomon (thăng vãn)¹ được nặn bằng tay, nung lộ thiên ở nhiệt độ thấp (600-700 °C) nên thường có màu đen ám khói. Sang đến thời Yayoi (300 năm trước công nguyên đến 300 năm sau công nguyên), cùng với việc phổ biến kỹ thuật trồng lúa nước, người dân Nhật Bản cũng di chuyển trung tâm cư trú ở vùng cao xuống vùng đồng bằng để trồng lúa. So với gốm Jomon, gốm Yayoi được làm bằng tay hay bàn xoay, nung ở nhiệt độ cao hơn (800-1000 °C) nên bền chắc hơn và có màu đỏ nâu. Hơn nữa những món đồ gốm này được làm bằng loại đất sét mịn dẻo ở các vùng đồng bằng nên mỏng hơn và những họa tiết cũng đơn giản hơn chứ không nặng nề và cầu kỳ như gốm Jomon..

Khoảng thế kỷ thứ V, có một sự thay đổi lớn khi các kỹ thuật mới du nhập vào Nhật Bản bởi các thợ thủ công đến từ bán đảo Triều Tiên và cư trú ở khu vực thuộc Nara và Osaka ngày nay. Loại đồ gốm mới sueki (須恵器) có màu tro ra đời được làm bằng đất sét chứa một lượng đá nhỏ nung ở nhiệt độ cao trong những lò thông gió được xây trên các sườn đồi nên cứng và chất lượng cũng tốt hơn hẳn.

Không như những địa phương sản xuất gốm khác ở Nhật Bản, lịch sử ra đời và phát triển của gốm Kyo không thực sự rõ ràng. Từ trước tới nay có rất nhiều quan điểm trái ngược nhau. Có nhiều ý kiến cho rằng, gốm Kyo chỉ thực sự ra đời vào thời kỳ Momoyama (từ cuối thế kỷ XV đến hết thế kỷ XVI). Nhưng cũng có

¹ Đồ gốm thời kỳ này được trang trí chủ yếu bằng cách lấy dây thừng quấn quanh thân gốm tạo hoa văn trước khi nung nên được gọi là gốm Thăng Vãn (Jomon)

những quan điểm trái chiều cho rằng, gốm Kyo tuy ra đời muộn hơn các địa phương sản xuất gốm sứ khác của Nhật Bản nhưng cũng xuất hiện từ rất sớm. Cụ thể là ngược về đầu thế kỷ thứ VII - tức là vào thời điểm đồ gốm men bắt đầu xuất hiện ở Nhật Bản do du nhập được kỹ thuật làm gốm từ những người thợ gốm Triều Tiên - đồ gốm ở Kyoto đã bắt đầu xuất hiện. Có nhiều giả thiết cho rằng nhà sư Gyoki (668-749) - trong thời gian thừa lệnh Thiên hoàng Shomu chu du khắp nơi kêu gọi dân chúng phát tâm cúng dường để xây dựng Đại điện và pho Đại Phật Tỳ Lô Giá Na đã dừng chân tại ngôi chùa Seikan-ji ở Kyoto và xây dựng lò nung đồ gốm. Ngày nay, một phần của ngôi chùa đã trở thành con dốc gốm sứ Chawan -zaka nổi tiếng ở Kyoto.

Bước sang thế kỷ thứ VIII, cùng với việc xây dựng kinh đô Heian (794 – 1185), Tại các khu vực như Hataeda (幡枝); Kurisuno (栗栖野) phía Bắc Kyoto hay khu vực đền Kamo phía Tây Bắc kinh đô, các đồ thờ cúng hay các viên gạch ngói đã được sản xuất. Vào thời gian này, một số lượng gạch gốm men xanh lục đã được làm ra để phục vụ cho việc xây dựng các cung điện của kinh đô mới. Các nhà nghiên cứu Nhật Bản đã tìm ra được rất nhiều mảnh gạch gốm men xanh hay các đồ gốm sứ men xanh lục tại các lò gốm cổ trên toàn quốc. Đặc biệt trong số đó, tại khu vực Hataeda hay Kurisuno phía Bắc Kyoto, người ta còn tìm thấy các bàn xoay tạo hình gốm. Với những bàn xoay tạo hình như vậy sẽ cho ra những sản phẩm gốm với hình dáng tinh xảo hơn hẳn đồ gốm đá Sueki vốn được tạo hình bằng tay hoặc các dụng cụ bằng gỗ một cách thô sơ. Tuy nhiên, những bàn xoay tạo hình này từ đâu tới, có từ bao giờ và tạo ra những sản phẩm hình dáng như thế nào thì cho đến nay vẫn chưa có cơ sở để đưa ra kết luận chính xác. [15, tr. 98]

Ở những địa phương sản xuất gốm nổi tiếng khác ở Nhật Bản như Shigaraki, Seto, Tanba hay Kotoname, Bizen có nghề sản xuất đồ gốm phát triển khá sớm. Vào khoảng thế kỷ thứ V, VI, ở các địa phương này đã du nhập được kỹ thuật tráng men từ Triều Tiên. Những đồ gốm men thời kỳ này được nung ở nhiệt độ thấp, tráng nước men màu xanh lục thậm chí sử dụng men chì là chất nền có thêm đồng đỏ là chất xúc tác. Những món đồ này được sử dụng để đựng lương thực thực phẩm trong

cuộc sống hàng ngày. Còn ở Kyoto, chỉ sau khi kinh đô Heian được xây dựng thì sản xuất gốm mới bắt đầu được biết đến. Như vậy có thể nói, sản xuất gốm sứ của Kyoto được hình thành và phát triển cùng với quá trình hình thành và phát triển của kinh đô Heian. Đây cũng trở thành điểm đặc sắc của gốm Kyo so với những địa phương sản xuất gốm sứ khác ở Nhật Bản.

Theo ghi chép, vào năm năm 815, một số thợ gốm Seto đã đến Kyoto. Có lẽ những thợ gốm này đã mang đến đây những kỹ thuật chế tác gốm mới từ Trung Quốc và Triều Tiên. Nhờ vậy mà trong thời gian này, số lượng đồ gốm được sản xuất ở Kyoto tăng nhanh. Tuy nhiên, những sản phẩm đồ gốm này vẫn có chưa thực sự được tráng men với bề mặt khá thô ráp. Trong thời kỳ này, cũng chỉ có những người thuộc Hoàng tộc hay các đền chùa mới được sử dụng các sản phẩm đồ gốm. Còn trong đời sống của người dân kinh đô, các đồ đựng làm từ gỗ vẫn là những món đồ dùng thiết yếu hàng ngày. Còn dấu ấn đồ gốm sản xuất ở Kyoto trong cuộc sống người dân giai đoạn này khá mờ nhạt.

Sang thế kỷ thứ IX, cùng với việc xây dựng những đền đài rực rỡ, hào nhoáng thì những món đồ trà hay những món đồ thờ cúng và gạch ngói đã được sản xuất với số lượng lớn. Cũng theo các ghi chép cổ cho thấy quanh khu vực Fukakusa có khá nhiều lò nung gạch ngói. Tuy nhiên, các nguồn sử liệu ghi chép về sản xuất gốm Kyo giai đoạn này khá rời rạc và không rõ ràng. Do vậy, chúng ta cũng không thể biết chính xác về tình hình sản xuất gốm ở Kyoto thời gian này.

Như vậy, từ khi xuất hiện tại Kyoto cho đến khoảng cuối thời kỳ Heian, sản xuất gốm chủ yếu vẫn chỉ phục vụ cho một bộ phận rất nhỏ quý tộc; Cho việc thờ cúng hay đặc biệt là để cung cấp số lượng gạch ngói lớn cho công tác xây dựng kinh đô mới. Các kỹ thuật sản xuất gốm giai đoạn này vẫn còn thấp so với các địa phương lân cận và chưa thực sự có thành tựu gì nổi bật .

1.1.2. Sự hình thành và phát triển của gốm Kyo truyền thống

1.1.2.1. Sự ra đời của trà đạo và ảnh hưởng của nó đến sản xuất gốm ở Kyoto

Cùng với việc trở thành kinh đô của cả nước, Heian đã thu hút rất nhiều nghệ nhân tài hoa trên khắp cả nước tới đây. Những nghệ nhân với lòng thành ngưỡng mộ và trái tim hướng về kinh đô của cả nước là một trong những nhân tố giúp văn hóa nghệ thuật ở kinh đô Heian– trong đó có nghề thủ công dân gian như nghề gốm phát triển mạnh mẽ. Những kỹ thuật làm gốm ở kinh đô cho đến thế kỷ XIII vẫn còn ở trình độ thấp và chủ yếu vẫn chỉ để phục vụ cho một bộ phận rất nhỏ tầng lớp quý tộc cung đình tại đây chứ chưa tiếp xúc được với tầng lớp bình dân. Nếu nhìn vào sản xuất gốm thời kỳ này thì không có lý gì Kyoto lại có thể trở thành “kinh đô gốm sứ” của cả nước được. Vậy yếu tố nào đã tạo nên sự phát triển thần kỳ của nền sản xuất gốm sứ tại Kyoto trong một thời gian ngắn chỉ vài thế kỷ so với những địa phương sản xuất gốm sứ khác trên cả nước? Có lẽ, yếu tố đó không gì khác chính là sự xuất hiện của Trà đạo vào thời Kamakura. Và thực sự thì chúng ta không thể tách rời sự phát triển gốm sứ Kyo với sự phát triển của trà đạo ở Kyoto. Hay có thể nói ngược lại, nếu không có sự ra đời của trà đạo ở Kyoto thì trong một thời gian ngắn, gốm Kyo cũng không thể phát triển như vậy được.

Vốn dĩ, trà đã được du nhập vào Nhật Bản từ khá sớm. Năm 729, Hoàng đế Shomu từng ban thưởng tiệc trà nhập từ Trung Hoa Đòi Nhà Đường cho 100 nhà sư của triều đình trong cung điện thời Nara (710 – 794). Sau một thời gian bị thất sủng, với sự kiện Thiên sư Eisai (Vĩnh Tây, 1141 -1215) đã mang theo một số hạt trà từ Trung Quốc về Nhật Bản cùng với việc Zen (Thiền) trở thành một môn phái độc lập thì uống trà mới dần trở thành nét văn hoá phổ biến. Sau này chính Eisai này đã sáng tác ra cuốn “Khiết Trà Dưỡng Sinh Ký” (Kissa Yojoki), nội dung ghi lại mọi chuyện liên quan tới thú uống trà.

Văn hóa uống trà giai đoạn đó giống như những trò chơi xa xỉ và các quý tộc thời bấy giờ rất thích dụng cụ uống trà Trung Quốc. Giai đoạn này, các sản phẩm thủ công mỹ nghệ tuyệt phẩm được nhập khẩu từ Trung Quốc vào Nhật Bản. Trong

các sản phẩm đồ gốm dùng cho việc uống trà thì dòng gốm men ngọc bích Tenmoku (天目) của một lò gốm sứ ở tỉnh Phúc Kiến, Trung Hoa rất được ưa chuộng. Văn hóa uống trà trong giới quý tộc vẫn được duy trì như vậy trong suốt thời kỳ nắm quyền của Ashikaga Yoshimitsu (1358 -1408) cho đến thời kỳ của Ashikaga Yoshimasa (1435 – 1490). Việc uống trà kiểu Nhật chỉ thực sự phát triển khi Thiền sư tên là Murata Shuko² đã từng bước kết hợp tìm thấy vẻ đẹp giản dị trong văn hóa uống trà. Ông đến với trà với tư cách là một nhà sư, rất coi trọng cuộc sống tinh thần. Shuko yêu cái đẹp “Wabi” (侘 – Nghèo nhưng thanh bạch) và “Sabi” (寂 – Vẻ đẹp của những đồ vật mòn cũ và thô sơ) với triết lý “không gì vĩnh hằng, bất biến; không gì trọn vẹn và không có gì hoàn hảo”.

Sau Shuko, Takeno Joou³ đã đưa ra cách thức uống trà đối nghịch với hàng loạt các nghi thức uống trà hào hoa, kiểu cách theo phương thức Trung Hoa. Ông đề cao sự giản đơn, hòa nhã. Các món đồ trà cũng theo đó mà có sự đổi mới. Những món đồ gốm truyền thống từ Seto, Shigaraki, Bizen cũng bắt đầu được ưa chuộng hơn. Thêm vào đó là các món đồ gốm từ Cao Ly – Triều Tiên thích hợp với tinh thần Wabi và Sabi cũng được đưa vào Nhật Bản.

Cùng với sự phát triển của trà đạo, dân chúng ở những thành phố sầm uất và giàu có như Sakai⁴, Nara và nhất là Kyoto ngày càng bị thu hút bởi việc uống trà khiến cho nhu cầu về các món đồ trà tăng cao. Bước vào thế kỷ XVI, Sen no Rikkyu là người hoàn thành tư tưởng Wabi và Sabi đưa ra bước ngoặt quan trọng, tạo nên một nền văn hóa trà đạo trong giới võ sĩ (Samurai). Ông đã cách mạng hóa Trà đạo bằng cách thay thế trà cụ đắt tiền của Trung Hoa nhập nội, bằng trà cụ thô sơ bình dân dùng hàng ngày của Nhật Bản, với nhiều mẫu mã truyền thống dân tộc, kích thước rất phù hợp với Trà thất nhỏ bé. Việc sử dụng trà cụ Nhật Bản bình dân đã đẩy lên một phong trào sáng tạo trong mỹ nghệ gốm sứ ở Nhật Bản và thúc đẩy khả năng tăng trưởng, cung cấp trà cụ cho người dân thường. Người dân bắt

² 村田珠光 (1423 – 1502)

³ 武野紹鷗 (1502-1555)

⁴ 坂井 : Thành phố thuộc phía Bắc tỉnh Osaka ngày nay

đầu nhiệt liệt hưởng ứng Trà đạo. Gốm trà từ các địa phương sản xuất gốm nổi tiếng ở Nhật Bản đều được chuyển đến trung tâm trà đạo là kinh đô Heian. Tuy nhiên, có một thực tế là so với việc đặt hàng gốm sứ từ những địa phương xa xôi mang đến thì việc sản xuất gốm trà tại chính kinh đô sẽ mang tính kinh tế hơn hẳn. Hơn nữa, trong những người yêu thích trà đạo thời bấy giờ tại kinh đô cũng có những người thật sự yêu thích gốm sứ và muốn trực tiếp chỉ đạo sản xuất ra những món đồ gốm trà. Rất nhiều thợ gốm giỏi được mời đến Kyoto chính là cơ hội để bắt đầu từ đây, các món đồ gốm mang dấu ấn kinh đô được sản xuất ra đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân trong cuộc sống hàng ngày.

Dựa vào các dấu tích của những lò gốm cũ được phát hiện ở Kyoto thì vào khoảng cuối thời kỳ Muromachi, ở khu vực chùa Kiyomizu (清水) thuộc chân núi Higashi (東山), hay xung quanh khu vực Otowa (音羽) đã xuất hiện nhiều lò gốm sản xuất ra những sản phẩm gốm trà với vỏ ngoài thô ráp. Bước sang thời kỳ Momoyama, các lò gốm ở đây bắt đầu có cấu trúc khá giống với các lò gốm Kyo hiện nay. Dựa trên những tổng hợp về các loại gốm Kiyomizu cổ được sản xuất ở chân núi Higashi như Ko-Kiyomizu; Otowa; Seikanji (清閑寺), Awataguchi (粟田口) hay lò gốm ở vùng ngoại ô Kyoto là Mizoro (御菩薩) thì ta cũng nhận thấy dưới đáy các sản phẩm gốm cổ này có biểu tượng. Có những trường hợp chỉ có một chữ duy nhất in dưới đáy như chữ “Kinh” (京). Các nhà nghiên cứu thường dựa vào những dấu in dưới các sản phẩm gốm có thể biết được đây là sản phẩm của lò gốm nào. Nhưng nếu chỉ có một chữ “Kinh” thì chỉ có thể xác định được đây là sản phẩm gốm được sản xuất tại kinh đô mà thôi. Tại thời điểm này, các lò gốm ở kinh đô cũng khá gần nhau nên sự giao lưu giữa các thợ gốm khá dễ dàng. Thêm nữa nguyên liệu làm gốm giữa các lò gốm cũng khá giống nhau nên các sản phẩm làm ra rất khó để phân biệt. Nói chung, những tác phẩm gốm sứ được nung ở nhiệt độ thấp, kỹ thuật sử dụng màu và bút lông vẽ họa tiết và rất nhiều kỹ thuật tạo hình chính là nét đặc trưng của gốm sứ Kyo trong giai đoạn này.

Như vậy, khác với giai đoạn trước khi trà đạo trở nên phổ biến ở Kyoto, thời kỳ này các sản phẩm gốm Kyo đã chính thức ra đời được biết đến với tên gọi là

Kyo-yaki và trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống của những người dân kinh kỳ. Các sản phẩm gốm thời kỳ này cũng đa dạng hơn từ các đồ thờ cúng cho đến các món đồ tiếp khách như gạt tàn, bát đĩa bánh kẹo, đồ trà... để phục vụ cho mọi tầng lớp xã hội từ Thân vương, quý tộc đến các võ sỹ hay giới thường dân. Các món đồ gốm cũng được sử dụng như những món đồ yêu thích của mỗi người, thể hiện cảm quan theo mùa hay đơn thuần là sự mến khách của chủ nhà. Nó đã thực sự trở thành niềm tự hào của Kyoto.

1.1.2.2. Những nghệ nhân đã góp phần nuôi dưỡng và phát triển gốm Kyo truyền thống đến trước thời Minh Trị Duy Tân

Cùng với những điều kiện lịch sử trở thành yếu tố thuận lợi để gốm Kyo phát triển mạnh mẽ thì không thể không kể tới những cá nhân kiệt xuất – là những người đã sinh ra và góp phần nuôi dưỡng gốm Kyo phát triển. Thông qua những cá nhân này, ta sẽ thấy được sự biến chuyển của gốm Kyo cũng như sự hình thành những dấu ấn riêng biệt của loại gốm sứ chốn kinh đô so với những địa phương sản xuất gốm sứ khác trên toàn nước Nhật.

Nonomura Ninsei (野々村 仁清 - Thế kỷ 17): Nonomura Ninsei vốn xuất thân là thợ gốm Tamba sống vào khoảng giữa thế kỷ XVII. Trước khi đến Kyoto, ông đã từng ghé học gốm sứ ở Seto. Tại đây, ông đã lĩnh hội hầu như hoàn toàn những kiến thức về gốm trà cũng như kỹ thuật làm đồ gốm trà ở mức cao siêu nhất về mọi mặt trước khi về mở lò tại trường Omuro ở Ninnaji. Cứ nhìn vào những tác phẩm gốm của Ninsei còn lại cho đến ngày nay, không ai có thể phủ nhận ông là bậc thầy về tạo hình bàn xoay gốm. Trong thế giới của thợ làm gốm vốn phân biệt thành rất nhiều bộ phận: Từ thợ tạo hình bàn xoay Rokuro – shi (ロクロ師); Thợ trang trí gốm E- Shi (絵師); Thợ lò gốm – Kama Shi (窯師)...Để thành thạo và am hiểu tất cả các lĩnh vực trong việc tạo tác ra một sản phẩm gốm như Ninsei có thể nói là thiên tài nghìn năm chỉ có một.

Các họa phẩm được trang trí trên các tác phẩm gốm của Ninsei cũng rất phong phú. Có tác phẩm mang hơi hướng của trường phái hội họa Tosa⁵ hay kano⁶ rất thịnh hành ở Kyoto thời kỳ này. Thậm chí, cả phong cách tranh sơn mài cũng được ứng dụng vào trang trí các tác phẩm gốm của ông.

Ninsei trong thời gian lưu học ở Seto đã gặp người bạn tri kỷ của ông là trà sư Kanamori Shuwa⁷ và nhận được sự chỉ giáo về tạo hình và màu sắc gốm trà. Chính cuộc tao ngộ này đã có ảnh hưởng lớn đến phong cách mỹ thuật trong các tác phẩm gốm trà mộc mạc và đơn sơ theo tinh thần Wabi và Sabi của Ninsei sau này.

Các sản phẩm gốm của Ninsei rất đa dạng về chủng loại mẫu mã. Từ những đồ vật lớn như bình trà cho đến những thứ nhỏ nhắn như hộp đựng trà, muỗng múc trà...tất cả đều có hình dạng tinh xảo khiến cho ai nhìn vào cũng không thể không ngả mũ thán phục.

Để có thể làm ra nhiều chủng loại mẫu mã đồ gốm như vậy cũng không thể bỏ qua yếu tố chọn nguyên liệu. Ninsei đã rất cẩn thận trong khâu xử lý đất gốm. Để chế ra đất gốm, đất sét sau khi được ông mang từ núi về sẽ được thêm nước và cho vào trong một chiếc thùng nhỏ, khuấy thật kỹ cho đến khi các hạt đất nặng chìm xuống đáy thùng và các hạt đất sét nhỏ mịn nổi lên phía trên. Ninsei sẽ hớt phần đất nhỏ mịn phía trên để làm những món đồ nhỏ nhắn tinh xảo như cốc trà, muỗng múc trà hoặc hộp đựng hương. Trong khi đó, phần đất thô ráp chìm xuống đáy thùng sẽ được ông tận dụng để tạo nên vẻ ngoài thô ráp, mộc mạc của những chiếc bình trà cỡ lớn hay bình châm nước pha trà.

Ngoài ra thì Ninsei cũng là thợ gốm đầu tiên để lại dấu ấn cá nhân lên những tác phẩm của mình. Điều này có lẽ đã chứng minh sự tự tin của Ninsei với các tác phẩm của mình. Như tác giả Taniguchi Ryoza nhận xét : Trên các sản phẩm gốm sứ

⁵ *Phái Tosa (土佐派: tosa-ha) được hình thành vào t.k. XV thuộc dòng tranh Nhật (yamato-e), với các kỹ thuật và họa phẩm Nhật Bản vẽ các đề tài Nhật Bản. Tên của phái được lấy từ nghệ danh của người sáng lập, Tosa Yukihiko. (<https://nguyendinh dang.wordpress.com/tag/hoi-hoa/>)*

⁶ *Phái Kano thuộc dòng tranh đời Đường – Trung Quốc (kara-e). Kano Masanobu (1434 – 1530), người sáng lập phái này, là họa sĩ trưởng của mạc phủ Ashikaga. Đôi khi còn được gọi là kanga 漢画 tức Hán họa, phái này thống trị hội họa Nhật Bản suốt từ cuối t.k. XV tới thời Minh Trị đầu thời kỳ XIX. (<https://nguyendinh dang.wordpress.com/tag/hoi-hoa/>)*

⁷ *Người đứng đầu môn phái Trà đạo nổi tiếng ở thế kỷ thứ XVII (1584 – 1686)*

Triều Tiên hay Trung Quốc du nhập vào Nhật Bản thời kỳ này cũng chủ yếu chỉ có dấu ấn ghi lại tên niên hiệu chứ chưa hề có dấu ấn cá nhân trên các tác phẩm gốm. Qua đó, tác giả cho rằng việc làm của Ninsei không chỉ mang dấu ấn cá nhân của riêng ông, mà đó còn mang tính dân tộc. Và quả thật, với những tác phẩm của ông để lại cho hậu thế, dù hàng trăm năm hay hàng nghìn năm trôi qua vẫn không khỏi khiến chúng ta phải kinh ngạc. [45; tr.126]

Các tác phẩm của Ninsei cho đến nay vẫn được trưng bày một cách trang trọng tại các viện bảo tàng hay bảo tàng mỹ thuật và là nguồn cảm hứng cho rất nhiều những thế hệ thợ gốm sau này. Không thể phủ nhận rằng, ông chính là tác giả tiêu biểu nhất – là cha đẻ của dòng gốm Kyo tao nhã ngày nay.

Ogata Kenzan (尾形乾山) : Nói tới gốm Kyo cũng không thể không nhắc tới Ogata Kenzan (1663-1743) - một trong những đại diện tiêu biểu góp phần tạo nên gốm Kyo truyền thống.⁸ Người ta còn nhắc đến ông với tư cách là em trai của nghệ sỹ hội họa theo trường phái Rimpa⁹ nổi tiếng là Ogata Korin. Ông cũng là chất của Honami Koetsu¹⁰ nên sớm nhận được những bài học đầu tiên từ ông về gốm Raku.

Năm ông 27 tuổi, ông đã xây Tập Tĩnh Đường ở chân hai ngọn đồi phía Tây Kyoto và bắt đầu một cuộc sống ẩn dật. Ngẫu nhiên địa điểm ông chọn để tu hành lại khá gần với nơi Ninsei mở lò gốm ở Ninnaji. Điều này đã vô tình tạo cơ hội cho Kenzan học tập được cách làm việc của Ninsei ở lò gốm. Năm ông 37 tuổi, ông đã mở lò gốm của riêng mình ở Narutaki, phía Tây Bắc kinh đô – đặt tên là “乾” (Inui) - có nghĩa là “phía tây Bắc”.

Năm 1716, anh trai của Keizan, họa sư Korin qua đời. Đây là một mất mát lớn với Keizan và ảnh hưởng trực tiếp đến lò gốm của ông. Phải đến giữa những

⁸ 鳴滝 : Địa danh thuộc khu vực phía Đông thành phố Kyoto

⁹ Rimpa: là một trường phái hội họa chính của Nhật bản từ thế kỷ 17 do Tawaraya Soutasu sáng lập và Otaga Korin phát triển.

¹⁰ (1558-1637) là một trà nhân sinh ra ở Kyoto, đồng thời cũng là thợ làm gốm, nghệ nhân sơn mài, là nhà thư pháp nổi tiếng, được xem là người mở đường cho trường phái hội họa Rimpa, một trong những trường phái hội họa lớn nhất Nhật Bản. ông cũng là nghệ nhân gốm với những tác phẩm Raku nổi tiếng trong giới Trà đạo.

năm Kyoho, Keizan nhờ cuộc gặp gỡ với thân vương Kitashirakawa Yoshihisha¹¹ đã chuyển đến Edo và định cư ở Iriya thuộc chùa Rinnoji. Tại đây, tài năng của ông trong các lĩnh vực nghệ thuật như hội họa, thư pháp và nhất là gốm sứ cũng được thăng hoa. Một trong những điểm đặc trưng trong kỹ thuật làm gốm của Kenzan được ông nghiên cứu trong thời gian này phải nói đến phương pháp trang trí gốm bằng đất sét trắng. Đầu tiên, trên lớp da gốm được nung sơ, ông sử dụng đất sét trắng để tạo lớp trang trí. Sau đó ông vẽ lên đó lớp trang trí dưới men và nung để đạt hiệu quả trang trí làm nổi bật lớp tranh vẽ trên gốm sau khi tráng men. Đây là một trong những phong cách làm gốm độc đáo của Kenzan mà cho đến tận ngày nay vẫn có không biết bao nhiêu thợ gốm tìm tòi nghiên cứu phương pháp này.

Nét phong cách đặc trưng nữa không thể không nhắc tới trong các tác phẩm gốm của Kenzan chính là phong cách sáng tạo gốm hoa văn nhiều màu bằng bút lông. Vốn ảnh hưởng bởi người anh trai là họa sư thiên tài Korin của trường phái tranh Rinpa - ở các tác phẩm gốm của Kenzan cũng thể hiện sự khéo léo qua từng nét bút tạo nên những bức tranh trên gốm hoàn thiện, tạo cảm giác tươi mới, làm lay động trái tim của bao người.

Nếu như ta nói Ninsei là người đã tạo ra những nền tảng kỹ thuật thủ công gốm ban đầu cho dòng gốm chôn kinh đô, thì Kenzan chính là người hấp thụ và biến đổi nó mang phong cách của riêng ông. Ông học các kỹ thuật gốm của Ninsei nhưng không hề sao chép đơn thuần mà dốc tâm nghiên cứu để tạo ra những sản phẩm mang tính nghệ thuật cũng như tính cá nhân rất cao.

Okuda Eisen (奥田頴川): Okuda Eisen (1753–1811) – Là một thợ gốm nổi tiếng Nhật Bản thời kỳ Edo. Ông cũng được biết đến như cha đẻ của đồ sứ ở Kyoto.

Sứ (磁器 - jiki) – Có nguyên liệu và cách làm khác hẳn so với gốm. Nguyên liệu của sứ là cao lanh – là một loại đất sét trắng có khả năng chịu lửa tốt hơn so với đất sét làm gốm. Sau khi được nung khử lửa ở nhiệt độ cao là 1300°C người ta mới nung hoàn thiện sứ. Thực ra, từ thời Kenzan, ông đã nghiên cứu để làm đồ sứ nhưng

¹¹ Kitashirakawa Yoshihisha (北白川宮能久親王 - 1847 – 1895) là con trai thứ 9 của hoàng tử Fushimi Kuniie (1802 1875). Ông quy y dưới cái tên Rinnoji Nomiya và làm trụ trì tại chùa Kaneji ở Edo

do Kyoto không có sẵn nguyên liệu tốt để làm sứ, nên việc tạo hình sứ là rất khó khăn. Bởi vậy ông mới dùng ở việc trang trí gốm bằng đất sét trắng. Thời bấy giờ, tại lò gốm Narita thuộc khu vực Kyushu đã sản xuất đồ sứ trắng với số lượng lớn nhờ có nguồn nguyên liệu làm gốm đá phong phú và những kỹ thuật làm đồ sứ được du nhập từ Triều Tiên. Thế nhưng do tính chất bí mật nhằm tạo ra những sản phẩm độc nhất, riêng biệt của địa phương nên các kỹ thuật làm đồ sứ tại Narita bấy giờ không được lưu truyền ra ngoài.

Eisen đã dựa trên các món đồ sứ nhà Minh, dày công nghiên cứu về nguyên liệu cũng như cách làm đồ sứ. Theo nhiều văn kiện còn sót lại đến ngày nay có ghi lại sự kiện phát hiện ra một loại đất sét trắng ở khu vực ven con sông Kidugawa và núi Kase phía Nam Kyoto. Eisen đã sử dụng loại đất sét này hòa trộn cùng loại đất sét trắng mà Kenzan lấy từ khu Hirasanchi (thuộc tỉnh Hyogo ngày nay). Thực ra mà nói thì nguyên liệu này không thể sánh với loại cao lanh có chất lượng tốt như ở khu vực Seizan thuộc Arita, tỉnh Saga hay Amakusa thuộc tỉnh Kumamoto được. Nhưng với sự nỗ lực của mình, Eisen đã sử dụng nó để bắt đầu sản xuất sứ.

Về mặt kỹ thuật lò nung thì quy trình nung gốm Kyo từ trước tới nay chỉ chủ yếu sử dụng cho gốm đất. Quá trình nung gốm không sử dụng lửa hoàn nguyên mà chỉ nung ở độ lửa oxy. Trong khi đó, quá trình nung sứ không thể thiếu lửa hoàn nguyên (lửa khử oxy ở nhiệt độ cao 1300°C đến 1400°C). Nếu thất bại trong quá trình đốt lò nung gốm thì màu men gốm phát ra không thể có màu trắng xanh do bụi tro lò đốt thấm qua lớp men sứ tạo thành những vệt đen hoặc những vết nâu vàng lốm đốm. Chính vì kỳ công như vậy mà trong quá trình nghiên cứu chế tạo gốm Kyo, Eisen đã phải vứt bỏ không biết bao nhiêu những sản phẩm lỗi, để thu được những tuyệt phẩm còn tồn tại cho đến ngày nay.

Thêm nữa, trong quá trình nung gốm sẽ xảy ra hiện tượng co rút nước men khiến cho lớp men gốm bị nứt hoặc những tranh vẽ trên gốm sẽ rời ra chứ không bám chặt vào lớp áo gốm. Cũng do nguyên liệu, nhiệt độ và phương pháp nung giữa gốm và sứ hoàn toàn khác nhau nên Eisen thực sự đã phải lao động rất vất vả để tính toán tỷ lệ thành phần men và độ nung lửa phù hợp.

Trên lớp nền đất sét trắng, Eisen đã sử dụng men đỏ Gosu - akae (呉須赤絵) theo phong cách sứ nhà Minh - Trung Quốc để vẽ trang trí. Để có màu đỏ này, ông đã sử dụng sắt II oxit cho thêm vào thành phần màu vẽ gốm. Công đoạn này rất quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến việc những hoa văn màu đỏ trên tranh gốm có phát ra màu như ý hay không. Có một giai thoại kể lại rằng Eisen đã thuê những người mù và những người câm nghiền bột sắt vì chỉ có họ mới đủ kiên trì để thực hiện công đoạn này.

Như vậy, từ Ninsei cho đến Kenzan và Eisen, sản xuất gốm sứ tại Kyoto đã có những bước phát triển vượt bậc bắt kịp những địa phương gốm sứ khác trên khắp nước Nhật. Để từ đây, những thế hệ nghệ nhân gốm sứ tiếp theo như Mokubei Aoi hay Nin-ami Dohachi sẽ kế tiếp họ, góp phần tạo thành bức tranh sôi động của các lò gốm quanh con dốc Gojo và khu vực Awataguchi.

Aoki Mokubei (青木木米) (1767 – 1833): Aoki Mokubei cùng với Kenzan và Ninsei được xếp vào hàng ba nghệ nhân gốm nổi tiếng nhất Kyoto bấy giờ. Tuy nhiên, khác với hai vị tiền bối của mình, các tác phẩm của Mokubei chủ đạo là dòng gốm trà. Nếu nói rằng Eisen là người đã tiếp tục hoàn thiện gốm Kyo về mặt kỹ thuật với việc tạo ra đồ sứ, thì Mokubei là người đã đưa nghệ thuật gốm Kyo lên một tầm cao mới.

Mokubei không chỉ được biết đến như một nghệ nhân gốm tài ba, ông còn được đánh giá cao trong giới văn nhân bởi những họa phẩm kèm thư pháp trên gốm. Ông mở lò gốm đầu tiên của riêng mình tại khu Awataguchi tại chùa Shoren (青蓮院). Sau đó ông còn được mời đến vùng Kishu và Kaga (thuộc tỉnh Nishigawa ngày nay) để hướng dẫn kỹ thuật làm gốm và mở lò gốm tại địa phương.

Kỹ thuật gốm tâm đắc nhất của ông phải kể đến các tác phẩm làm theo phong cách sứ xanh hay sứ trắng Trung Quốc, gốm Giao Chi hay Namban hay các món đồ gốm sứ màu. Đặc biệt trong đó phải kể đến những tác phẩm bình trà nhỏ mang dáng dấp gốm đất với cách tạo hình độc đáo mà cho đến ngày nay cũng khó có thợ gốm nào làm được.



Hình 1.1: Ấm trà theo phong cách Namban của Aoki Mokubei¹²

Nin-ami Dohachi (仁阿弥道人) (1783 – 1855): Ninami Dohachi cũng giống như Mokubei – là một trong những học trò của Eisen. Nhìn vào những tác phẩm của Ninami còn lại cho đến ngày nay, ta nhận thấy những món đồ gốm ông làm đều mang dáng dấp mạnh mẽ, chắc chắn. Nếu như những món đồ gốm sứ của Mokubei phỏng theo các món gốm thiền trà mang phong cách Trung Quốc thì các tác phẩm của Nin-ami lại mang hơi hướng những món đồ trà theo kiểu truyền thống Nhật Bản.

Khác với người thầy Eisen hay người đàn anh Mokubei, do xuất thân trong một gia đình làm gốm truyền thống, nên ông lập nghiệp từ rất sớm. Từ lúc 20 tuổi, ông đã thường xuyên lui tới chùa Shouren ở khu Awataguchi để học làm gốm. Các tác phẩm của ông rất phong phú từ mô phỏng phong cách các tiền bối như Ninsei, Keizan cho tới phong cách gốm Tam Đảo¹³ hay Gốm Ira¹⁴ của nước Cao Ly.

Nhìn vào những tác phẩm của ông, ta thấy ở đây không đơn thuần là sự sao chép, mà Nin-ami đã có sự tiếp thu chọn lọc và phát triển các dòng gốm này để tạo nên những tuyệt tác gốm sứ mang đậm dấu ấn văn hóa kinh đô. Trong số các tác phẩm của ông, phải kể đến dòng gốm “vân gấm” (雲錦手鉢). Với sự khéo léo trong sắp xếp họa tiết, nét bút lông thư pháp uyển chuyển nhưng mạnh mẽ ông đã mang lại một cảm nhận sắc màu rực rỡ mà ta chỉ có thể thấy ở những sản phẩm gốm sứ cao cấp nhất. Thêm nữa cũng phải kể đến một trong những kỹ thuật gốm tâm đắc nhất của ông là phương pháp tạo hình vắn thừng bằng tay, không dùng bàn xoay.

¹² http://www.wikiwand.com/de/Aoki_Mokubei

¹³ Gốm Tam đảo (三島) Loại gốm sứ đến từ Cao Ly – Triều Tiên có hoa văn thừng nhỏ làm từ đất sét trắng trang trí, du nhập vào Nhật Bản từ cuối thời Muromachi và được đánh giá cao

¹⁴ Gốm Ira (伊良保 – Một loại gốm của Triều Tiên có lớp men cát vàng từ kim loại

Hiện nay còn lưu lại rất nhiều tác phẩm tâm đắc của ông dùng phương pháp tạo hình này.

Vào năm 27 tuổi, Ninami đã chuyển từ khu Awataguchi về khu vực dốc Gojo và hòa cùng không khí phát triển sôi động của hoạt động sản xuất gốm sứ nơi đây.

Nói đến các thế hệ thợ gốm tiêu biểu thời kỳ này cũng sẽ thật thiếu sót nếu không nhắc đến *Shimizu Rokubei (Rokubei đời thứ I - 清水六兵)*(1735 – 1799) và *Shimizu Rokubei đời thứ II*(1790 – 1860) - Được biết đến như những người đứng đầu gia đình sản xuất gốm Kiyomizu - dòng gốm sứ với bề dày lịch sử gần 300 năm mang đậm dấu ấn của gốm sứ cổ đô. Cùng với sự hoạt động sáng tác của mình, các bậc tiền bối và các thế hệ của dòng họ gốm Rokubei là những người có ảnh hưởng rất mạnh mẽ đến sự tồn tại và phát triển của gốm sứ Kyoto. Hay có thể nói họ chính là những người đặt viên gạch đầu tiên cho sự hưng thịnh của gốm Kyo quanh con dốc Gojo sau này.



Hình 1.2: Dấu ấn của các sản phẩm gốm sứ Rokubei¹⁵

1.1.2.3. Gốm Kyo thời Minh Trị (1868 – 1912)

Từ cuối thời kỳ Mạc phủ đến đầu thời kỳ Minh Trị, Nhật Bản bước sang thời kỳ cận đại cùng với những biến chuyển dữ dội về mặt chính trị, kinh tế. Kinh đô Heianđã tồn tại hơn 1000 năm nay được chuyển sang Edo tạo nên sự thay đổi đột ngột khiến mảnh đất của những nghề thủ công truyền thống như Kyoto – nơi sản sinh ra một thế hệ vàng của những thợ gốm nổi tiếng trên đà suy thoái. Cùng với sự suy thoái về sản xuất kinh tế, các ngành thủ công nghiệp, nghệ thuật ở Kyoto đều

¹⁵ <http://kagedo.com/wordpress/g/kiyomizu-rokubei-iv-kashiki-bitter-melon-vine/>

suy giảm nhanh chóng. Nhưng với sản xuất gôm Kyo truyền thống thì lúc bấy giờ, các sản phẩm gôm sứ truyền thống đã thực sự thâm nhập vào cuộc sống và có vai trò quan trọng trong đời sống thường ngày của người dân nơi đây nên không chịu nhiều sự tác động.

Gôm sứ Kyoto phong phú về chủng loại từ các món gôm trà đến các món đồ dùng thường nhật và cả gôm mỹ nghệ. Chính vì thế sản xuất gôm sứ ở Kyoto ảnh hưởng trực tiếp tới kinh tế chính trị khu vực. Bước vào thời kỳ Minh Trị duy tân, cũng như các địa phương khác trên cả nước, Kyoto nhanh chóng bắt kịp làn sóng cận đại hóa và trở thành một vùng đất khai hóa văn minh.

Cùng với sự phát triển của thời đại, sản xuất gôm sứ Kyoto thời kỳ này cũng có sự chuyển biến quan trọng với việc học tập phương Tây về kỹ thuật và mẫu mã. Trong đó không thể không kể đến Rokubei thế hệ thứ III (1820 – 1883) là người đã đứng ra bảo vệ lò gôm của gia đình và chịu trách nhiệm duy trì truyền thống sản xuất gôm sứ của gia đình ông. Vào cuối những năm 1860, Rokubei III cũng như những người đứng đầu các lò sản xuất gôm sứ lâu đời khác ở Kyoto, đã nhanh chóng bắt kịp xu hướng của thời đại và cố gắng thích nghi với văn hóa Tây phương ngay một phát triển ở chốn đô thị Nhật Bản. Ông cũng tham gia vào những phong trào nhằm vực dậy nền sản xuất truyền thống ở Kyoto khi thủ đô Nhật Bản được dời về Edo vào năm 1868. Bên cạnh việc bảo tồn những kỹ thuật gôm truyền thống của tổ tiên, ông cũng là người có tư tưởng tiến bộ khi tiếp nhận những yếu tố nước ngoài trong sản xuất gôm. Ông đã cải tiến mẫu mã sản phẩm và bên cạnh những sản phẩm cốc trà, ông còn làm những sản phẩm kiểu phương Tây như cốc uống cà phê hay đĩa ăn...

Năm Minh Trị 1868, Rokubei đã học kiểu tạo hình gôm sứ dụng nguyên liệu mới là tạo khuôn thạch cao ở Yokohama và trở về áp dụng cho gôm Kyo. Cách tạo hình mới này đã tạo nên sự thay đổi trong sản xuất gôm sứ theo phương thức truyền thống ở Kyoto và bắt kịp với nhu cầu ngày càng tăng của thời đại. Cũng trong năm này, tại chợ bán lẻ đầu tiên ở nước ngoài cung cấp mặt hàng gôm Kyo, Rokubei lần đầu tiên đã sáng tác các sản phẩm gôm ăn với lớp men nhiều màu sắc theo phong

cách phương Tây. Dưới đây các sản phẩm này đều được in dấu ấn của lò sản xuất gốm và được khách hàng phương Tây đánh giá rất cao. Sự cố gắng thay đổi này của ông cùng những đồng nghiệp đã được ghi nhận bằng giải thưởng của chính phủ dành cho những thợ thủ công xuất sắc theo phong cách hiện đại phương Tây.

Vào năm 1879, Rokubei là một trong những thợ gốm có vinh dự được chọn để làm bộ đồ trà cho Tổng thống Mỹ thứ 18 – Ulysses S. Grant nhân dịp ông ghé thăm Nhật Bản. Những sản phẩm của ông được biết đến với phong cách “táo bạo”, “độc đáo” và đầy tính “phiêu lưu” đã dành được rất nhiều giải thưởng danh giá trong nước và quốc tế như ở kỳ triển lãm Pari, Sydney hay Amsterdam - góp phần không nhỏ trong việc giới thiệu gốm sứ Nhật Bản nói chung hay gốm Kyo – Kiyomizu nói riêng ra thị trường thế giới.

Bên cạnh hoạt động của Rokubei đời thứ III, thời gian này, ở Kyoto cũng diễn ra rất nhiều các hoạt động khác nhằm phát triển sản xuất gốm sứ. Minh Trị năm thứ V, Kinkozan Shubei (hay Kinkozan đời thứ V) đã tạo ra các sản phẩm gốm xuất khẩu và mở quầy hàng bán thử nghiệm tại một thương quán nước ngoài ở Kobe và các sản phẩm này rất được yêu thích. Về mặt kỹ thuật công nghệ, nếu ta lùi về thời gian trước một chút, khoảng vào năm 1870, ở Kyoto cũng đã thành lập Cục hóa học – Chuyên nghiên cứu về những vấn đề liên quan đến hóa học từ việc chế tạo bánh xà phòng tới làm đồ thất bảo hay gốm sứ. Đây cũng là tiền thân của trụ sở thử nghiệm công nghiệp hiện nay. Sự ra đời của Cục hóa học góp phần giải quyết vấn đề khan hiếm nguyên liệu, tạo tiền đề rất lớn cho sự phát triển sản xuất gốm sứ tại đây.

Cùng với việc mở cửa Nhật Bản vào cuối thế kỷ XIX đã đem lại nhiều cơ hội mới trong việc xuất khẩu đồ gốm và phát triển các trung tâm đồ gốm ở Kyoto và Yokohama. Vào năm 1878, Kỹ thuật viên người Đức là Gottfried Wagener (1831-1892) đã được mời đến Kyoto. Bằng trực giác và kinh nghiệm lâu năm của mình, ông đã truyền đạt lại cho các thợ gốm ở Kyoto cách tính toán nhiệt độ trong quá trình nung gốm bằng nhiệt kế cũng như phương pháp vẽ màu trang trí của gốm sứ phương Tây. Thông qua hoạt động của kỹ thuật viên người Đức Gottfried Wagener (1831-1892) ở Kyoto cũng như các kỳ triển lãm gốm sứ Nhật Bản ở châu Âu và Mỹ

mà các công nghệ làm gốm phương Tây cũng như thị hiếu của người phương Tây cũng dần được du nhập vào Kyoto .

Như vậy từ đầu thời kỳ Minh Trị trở đi, gốm Kyo đã có bước chuyển mình lớn với sự xuất hiện của những sản phẩm gốm sứ màu mang vẻ đẹp hiện đại và cũng nhẹ nhàng hơn trước rất nhiều. Danh tiếng của gốm sứ cổ đô cũng không còn giới hạn ở một vài địa phương lân cận mà đã được biết đến trên khắp nước Nhật và bước đầu tạo được tiếng vang tại thị trường quốc tế.

1.2. Một vài nét khái quát về gốm Kyo truyền thống

1.2.1. Các công đoạn sản xuất gốm Kyo

Để làm ra một sản phẩm gốm Kyo phải trải qua rất nhiều công đoạn và thường bao gồm các bước cơ bản sau: ¹⁶

Hình 1.3: Công đoạn 1- Nhồi đất



Hình 1.4: Công đoạn 2 - Tạo dáng sản phẩm bằng bàn xoay



Hình 1.5: Công đoạn 3 - Gọt tỉa sản phẩm

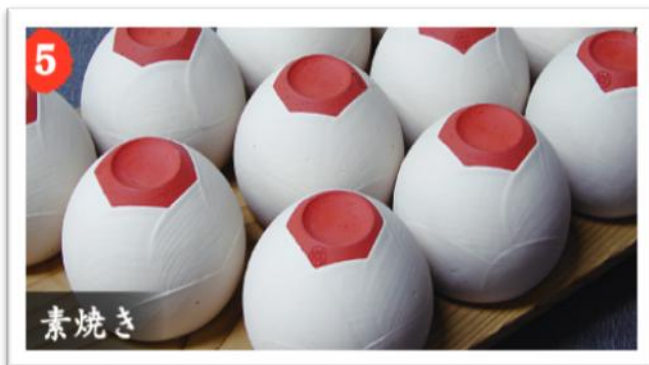
¹⁶ <http://www.touan.co.jp/process.html>



Hình 1.6: Công đoạn 4 - Dùng bút lông sơn lớp men lót tạo lớp nền cho sản phẩm



Hình 1.7: Công đoạn 5 - Nung sản phẩm thô



Các sản phẩm gốm sẽ được nung thô lần một ở nhiệt độ thấp từ 700- 800 độ C để tạo sự rắn chắc cho xương gốm. Bước này sẽ giúp cho các bước vẽ và tráng men trang trí sau được dễ dàng.

Hình 1.8: Công đoạn 6 - Vẽ trang trí dưới men



Ở bước này, người thợ gốm sẽ dùng màu vẽ khoáng để vẽ các hoa văn trên sản phẩm gốm đã được nung thô. Màu vẽ thường được pha thêm oxít sắt hoặc đồng... tùy theo màu sắc mà người thợ gốm muốn thu được sau khi nung gốm.

Hình 1.9: Công đoạn 7- Tráng men - Lớp men này tùy theo công thức pha chế có thể tạo ra hiệu ứng men bóng, men mờ hay men trong suốt....



Hình 1.10: Công đoạn 8 - Nung tráng men



Các món đồ gốm sau khi tráng men sẽ được nung ở nhiệt độ 1200 – 1300 độ C hoặc cao hơn nếu là đồ sứ. Qua quá trình nung, các chất hóa học có trong men gốm sẽ phát ra những màu sắc khác nhau tùy theo dụng ý của người thợ gốm.

Hình 1.11: Công đoạn 9 - Vẽ trang trí trên men



Ở bước này, người thợ gốm sẽ dùng bút lông và màu vẽ pha oxit vàng, oxit bạc hay men đỏ Gosu - Akae để thêm đường nét trên bức họa gốm. Bước này sẽ giúp tăng thêm độ sâu, tạo hiệu ứng hoa văn như nổi trên mặt gốm. Cách trang trí hai lớp trên men và dưới men này cũng chính là điểm tạo ra nét khác biệt của dòng gốm kinh đô so với những sản phẩm gốm sứ tại các địa phương khác.

Hình 1.12: Công đoạn 10 - Nung hoàn thiện sản phẩm



Nung sản phẩm lần cuối ở nhiệt độ thấp sẽ giúp lớp trang trí bám chặt trên sản phẩm.

Trong các công đoạn trong quy trình sản xuất gốm theo phương thức truyền thống nói chung và gốm Kyo nói riêng, thì nung gốm và lò nung gốm có thể được coi là bước quan trọng nhất. Vì dù tay nghề thợ khéo léo thế nào, tạo hình gốm đẹp

ra sao, tráng men và trang trí gốm đặc sắc thế nào, thì nếu thất bại trong khâu nung gốm thì cũng chỉ tạo ra được một sản phẩm không có giá trị.

Bên cạnh nung gốm mang tính quyết định thành bại của sản phẩm, thì tráng men và vẽ trang trí trên gốm lại chính là khoác lên lớp áo mang lại vẻ đẹp riêng cho mỗi tác phẩm gốm sứ. Đây cũng là điểm tạo nên sự khác biệt giữa gốm Kyo với các loại gốm sứ khác trên toàn nước Nhật.

Ngoài ra, tác giả cũng quyết định xếp dòng gốm Raku vào một phần riêng để nói về những đặc trưng của gốm Kyo vì gốm Raku – với lịch sử và vẻ đẹp của nó đã tạo nên một dòng gốm trà đặc sắc nhất. Đó là niềm tự hào của gốm Kyo nói riêng và gốm sứ Nhật Bản nói chung mà không thể trộn lẫn với bất kỳ một loại gốm sứ nào khác

1.2.2. Lò nung gốm và quá trình nung gốm

Có một thành ngữ cổ trong giới thợ gốm sứ Nhật Bản là “Nhất đất – Nhì lò – Ba mới là tay nghề khéo léo”¹⁷. Nhưng theo như tác giả Taniguchi thì lò nung gốm mới là quan trọng nhất. [45, tr. 28] Vì xây dựng được một lò gốm thuận tiện để có thể tạo ra nhiệt độ và độ ẩm thích hợp là một vấn đề khá thần bí. Đặc biệt là những sản phẩm gốm trà ở Nhật Bản như dòng gốm Raku – một trong những dòng gốm Kyo nổi tiếng - lại được mệnh danh là “nghệ thuật của thiên nhiên”. Một sản phẩm có nguyên liệu tốt đến đâu, tạo hình đẹp và độc đáo đến đâu chẳng nữa mà nung hỏng thì sản phẩm đó cũng không sử dụng được. Vì vậy mà cho đến thời Showa, cho thêm vào lò rượu và cây Sasaki¹⁸ để cầu khấn Thần linh đã trở thành một nghi thức không thể thiếu khi đốt lò gốm ở Kyoto. Những người dân ở đây tin rằng, sự cầu nguyện thành tâm sẽ lay động các vị Thần lò, dẫn đường cho những ngọn lửa lò tạo ra những sản phẩm gốm sứ chất lượng.

Vậy các lò nung gốm ở Kyoto được xây dựng từ bao giờ, có đặc điểm như thế nào? Cũng theo tác giả Taniguchi, các lò nung gốm ở Kyoto bắt đầu được xây dựng từ thời Momoyama, nhưng chính xác là xây từ năm nào, ai là người đầu tiên

¹⁷ “一土一窯一三細工”

¹⁸ Cây Sasaki : Tên tiếng Việt là hậu bì hương, thường được dùng trong những nghi thức Thần đạo của Nhật Bản

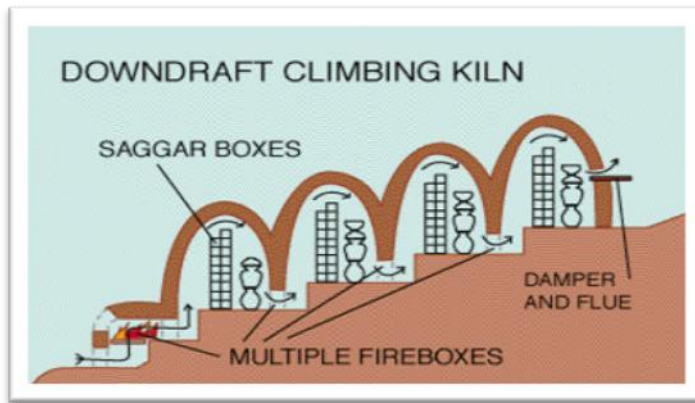
xây thì không có tài liệu nào ghi chép lại rõ ràng. Vào khoảng cuối thời kỳ Muromachi, đầu thời kỳ Momoyama, người ta đã phát hiện ra ở khu Otowa, chân núi Higashi, Kyoto có các lò gốm thô sơ sản xuất loại gốm có bề ngoài khá thô ráp. Các lò gốm kiểu này ngày càng xuất hiện nhiều vào thời kỳ Momoyama và có cấu trúc khá giống với lò gốm Kyo còn lại hiện nay. Cũng vào thời gian này thì ở các khu vực sản xuất gốm nổi tiếng như lò Seto hay Shigaraki, cùng với các thợ gốm tài ba, các kỹ thuật chế tác gốm đã được du nhập vào Kyoto. Và đương nhiên, theo đó thì các kỹ thuật về lò nung gốm cũng được truyền bá vào theo.

Các lò gốm ở Kyoto thời kỳ này khi xây dựng đã được tính toán để thuận tiện cho việc đạt được độ lửa cũng như độ ẩm thích hợp trong quá trình nung gốm. Các lò này được xây theo kiểu bậc thang (登り窯) và khá giống với các lò nung gốm ở Seto. Chúng có hình dáng miệng phun lửa nên người ta gọi chung là Sama (サマ). Tuy nhiên, lò gốm Seto thì cao thẳng đứng còn lò gốm Kyoto lại hình dáng miệng phun lửa nằm ngang nên giống với kiểu lò ở Shigaraki hơn. Từ điều này đã có nhiều giả thuyết cho rằng, lò gốm Kyo được du nhập từ Shigaraki. Tuy nhiên điều này cũng chưa có căn cứ để kết luận chính xác. Thực ra, lò nung gốm dạng leo như thế này là một hình thức biến đổi của loại lò nung gốm hình tổ ong xuất hiện đầu tiên ở Trung Quốc vào khoảng thế kỷ thứ V – VI sau công nguyên. Sau đó nó được truyền qua Triều Tiên và vào Nhật Bản. Nó được làm dựa trên thiết kế của lò tổ ong, nhưng điểm khác biệt là có nhiều buồng nung gốm hơn. Người ta cũng dựa vào thế đồi núi hoặc đắp đất để tạo độ nghiêng cho lò, nhằm giúp lưu thông không khí tốt hơn và điều chỉnh độ lửa dễ dàng hơn. Lò bậc thang được thiết kế cho việc nung gốm với số lượng lớn, và giúp nung những sản phẩm gốm sứ có kích thước lớn hơn. Thường thì số buồng lò dao động khoảng từ 10 đến 12 buồng. Nhưng cũng tùy vào quy mô sản xuất mà số buồng nung có thể lớn hơn. Ví dụ như lò Fujihira ở khu vực dốc Gojo thì có đến 17 buồng nung gốm. Trong đó, tổng chiều dài của cả lò nung (bao gồm cả buồng đầu tiên được đặt ngầm dưới đất để tạo độ nghiêng của lò so với mặt đất gọi là Dogima) lên tới 19m. Chiều rộng của lò lên tới 5,5 m; Cao 6,5 m và dung tích lò tới 102 m³. Tuy nhiên, do khá lớn nên việc vận hành nó

không hề đơn giản và không phải công việc mà một người thợ gốm đơn lẻ có thể làm được. Những người thợ gốm chuyên trách việc vận hành lò này được gọi là Kamataki. Họ sẽ là người quyết định thời gian phù hợp để tiến hành quá trình Oxy – hóa hay Khử - Oxy trong lúc vận hành lò để cho ra sản phẩm phù hợp. Thông thường, với đồ sứ phải sử dụng lửa hoàn nguyên – tức là lửa khử oxy để lớp men được trong và đạt được độ thấu minh, hoa văn nổi rõ qua lớp men mà vẫn sắc nét và không bị chìm. Để đạt được độ lửa hoàn nguyên nhiệt độ của lò phải lên cao tới 1300 – 1400 độ C. Lúc đó, những người thợ đốt lò sẽ dừng quá trình thổi lò để cất oxy trong lò. Cũi thông được chắt vào khoang lò nung sứ để tiếp thêm nhiên liệu. Khí oxy trong lò bị cất giảm khiến quá trình oxy hóa – khử diễn ra song song. Theo đó mà oxy trong men gốm và lớp xương gốm được rút ra để duy trì nhiệt độ trong lò, khiến tăng thêm độ kết dính cho lớp men và các phân tử đất sét trong xương sứ. Chính vì phải thực hiện quá trình phức tạp như vậy các Kamataki còn được gọi là “ người dẫn đường cho lửa” – góp phần tạo nên những món đồ gốm sứ tuyệt hảo.

Bên cạnh lò nung leo, còn một loại lò nhỏ thường được xây bên cạnh lò nung leo, dùng để nung tráng men với nhiệt độ thấp gọi là Nishiki – gama.

Về cách vận hành lò nung leo, nhìn vào biểu đồ bên dưới, ta có thể thấy mỗi khoang nung gốm có một cửa tò vò giống như kiểu lò nung tổ ong. Những lỗ cửa này giúp gió lò có thể lưu thông giữa các buồng nung. Sau khi đốt lò nung, lửa sẽ cháy ở lò nung thấp nhất trước. Sau đó, lửa và hơi nóng sẽ theo những lỗ tò vò này để đến các buồng nung kế tiếp. Qua sơ đồ ta có thể thấy khí nóng được xoay vòng từ dưới lên trên và xuống dưới qua cửa lò kế tiếp ở đáy mỗi buồng nung gốm. Khi buồng đầu tiên đã đạt nhiệt độ thích hợp, người thợ đốt lò tiếp tục nạp thêm gỗ đốt lò vào lỗ lò thứ hai (ở Kyoto các thợ gốm thường dùng gỗ thông làm củi đốt lò). Và cứ như thế, quá trình lưu chuyển khí nóng và đốt lò được thực hiện cho đến khi buồng lò cuối cùng đạt độ lửa.



Hình 1.13: Sơ đồ mặt cắt lò nung gốm dạng leo¹⁹

Có một điều chú ý là loại lò nung này dùng để nung một lượng gốm khá lớn và việc vận hành lò phải tiến hành một cách đồng nhất. Vậy nên việc phối hợp ăn ý giữa những thợ đốt lò là rất cần thiết. Loại lò nung leo này không chỉ giúp làm tăng số lượng sản phẩm làm ra, mà còn giúp nâng cao chất lượng sản phẩm vì nó có thể đạt đến nhiệt độ nung cao hơn hẳn so với những loại lò gốm trước đây, thích hợp cho việc nung gốm đá và đồ sứ. Chính vì có thể đạt nhiệt độ cao vậy, nên tường lò cũng được xây khá dày và chắc chắn. Với lò nung dạng leo này có thể nung được rất đa dạng các chủng loại từ gốm trắng men cho tới đồ sứ. Nhưng riêng loại gốm trà Raku lại thường được nung trong các lò loại nhỏ, có nắp hình trụ. Điều này sẽ được trình bày riêng trong phần nói về gốm Raku của luận văn.

Trước năm 1945, ở con dốc Gojo có rất nhiều lò bậc thang nung gốm ngày ngày đổ lửa. Nhưng sau năm 1945, rất nhiều lò nung gốm kiểu bậc thang này đã bị phá hủy. Thêm vào đó, sau chiến tranh, lò điện cũng dần được thay thế cho các lò nung truyền thống quanh khu vực dốc Gojo vì vấn đề ô nhiễm môi trường. Hiện nay, chỉ còn một số ít lò nung gốm theo kiểu truyền thống còn nguyên vẹn ở Kyoto và những lò nung này được coi như tài sản văn hóa quý giá ở đây.

1.2.3. Vẽ trang trí men gốm Kyo truyền thống

Những dòng gốm phát triển sớm trước gốm Kyo như Seto, Mino hay gốm Karatsu vùng Kyushu từ cuối thời kỳ Momoyama đã sớm phát triển kỹ thuật sử dụng màu chứa Oxit sắt để vẽ hoa văn phác thảo trên mặt gốm mà người ta gọi là

¹⁹ <http://www-01.glendale.edu/ceramics/kilns.htm>

Sabie (錆絵). Hệ thống màu nhuộm thời gian đầu này có ba màu chính là màu đỏ, đen và xanh lục. Sau đó, kỹ thuật nhuộm màu gốm (染付け) bằng cách sử dụng Oxit Coban để tạo màu xanh chàm theo kiểu Trung Quốc gọi là men Gosu (呉須) cũng được phát triển tại các địa phương gốm sứ này.

Cùng với những kỹ thuật gốm sứ được truyền vào Kyoto thì kỹ thuật vẽ tranh trang trí phác họa trên gốm thô là Shitae (下絵) cũng dần trở nên phổ biến. Theo kỹ thuật này thì trước tiên, gốm được nung ở nhiệt độ thấp khoảng 700 – 800 độ C cho xương gốm cứng lại. Người ta cũng có thể tráng lên trên thân gốm một lớp men chàm Gosu rồi mới nung thô đủ cho lớp men bám vào thân gốm nhưng chưa nóng chảy. Sau đó, trên bề mặt lớp gốm thô này, người ta bắt đầu tiến hành tô màu cho gốm rồi nung ở nhiệt độ cao từ 1200 độ C đến 1250 độ C. Nhiệt độ cao sẽ giúp oxy hóa sắt có trong xương gốm tạo ra lớp men màu nâu rỉ sắt hoặc làm tan chảy hợp chất Gosu bao phủ lấy những họa tiết vẽ dưới men tạo nên lớp men trong suốt như thủy tinh vậy. Những sản phẩm gốm nung kiểu này khi hoàn tất thường có màu nâu thẫm hoặc màu xanh chàm.

Một phương pháp trang trí nữa ngược lại với Shitae là phương pháp vẽ trên men Uwae (上絵). Theo đó, gốm thô được nung ở nhiệt độ cao 1200 đến 1250 độ C trước để lớp men oxit sắt chảy ra bám vào mặt gốm. Sau đó, trên bề mặt này, người thợ gốm dùng bút lông và màu vẽ được pha chế theo tỷ lệ phù hợp để trang trí các họa tiết cho thân gốm. Cuối cùng gốm được nung lần nữa ở nhiệt độ thấp 700 đến 800 độ C để lớp vẽ bám chặt vào bề mặt gốm tạo nên những màu sắc nổi bật tuyệt đẹp trên thân gốm hơn hẳn phương pháp Shitae.

Chất liệu để vẽ màu gốm được sử dụng trong phương pháp Uwae cũng phong phú hơn Shitae. Không chỉ sử dụng oxit sắt tạo màu đỏ mà người thợ gốm còn dùng cả oxit đồng tạo màu xanh lục; mangan tạo màu tím; hay cho thêm chì và silic dioxit vào với tỷ lệ phù hợp để tăng thêm độ sắc nét cho màu vẽ....

Trước khi phương pháp vẽ trang trí Shitae và Uwae ra đời, các sản phẩm gốm đất hay gốm đá Sueki ở Kyoto chủ yếu được trang trí bằng cách dùng dao trúc hoặc gỗ tạo khắc hoa văn trên thân gốm. Việc du nhập và phát triển phương pháp

dùng bút lông vẽ màu trang trí trên thân gốm là một bước phát triển lớn của sản xuất gốm sứ nơi đây. Tuy chậm hơn so với các địa phương sản xuất gốm khác nhưng nó đã tạo đà cho một phong cách trang trí gốm đặc trưng mang màu sắc kinh đô ra đời và phát triển ở Kyoto từ nay về sau. Đó là phương pháp vẽ trang trí kết hợp lối vẽ dưới men (Shitae) cùng lối vẽ trên men (Uwae) để tạo ra hiệu ứng biến đổi màu sắc phong phú. Thêm nữa, thời kỳ sau này, khi mà phương pháp trang trí sơn mài bắt đầu được áp dụng vào việc trang trí gốm sứ đã tạo nên những sản phẩm gốm sứ kinh đô với thiết kế lộng lẫy.

Nói đến phương pháp trang trí đặc trưng tạo nên phong cách của loại gốm sứ Kyoto mang phong cách vừa thanh nhã lại vừa hào hoa chốn kinh đô này không thể không một lần nữa đề cập đến cha đẻ của nó là bậc thầy gốm sứ Nonomura Ninsei. Ninsei cùng với việc tiếp thu và phát triển phong cách vẽ trang trí trên men cùng với việc áp dụng những kỹ thuật trang trí tranh sơn mài vào gốm sứ đã tạo ra một sự ảnh hưởng mạnh mẽ đến phong cách thiết kế gốm sứ trên toàn nước Nhật với dòng gốm sứ Iromono – Tức là đồ gốm sứ màu, trái ngược hẳn với dòng gốm Utsushimono trang trí theo cách thông thường trước đây.

1.2.4. Gốm Raku – Dòng gốm trà đặc sắc

Trong các loại đồ gốm ở Kyoto, có vô số sản phẩm gốm sứ mang lại cái nhìn độc đáo. Nhưng dòng gốm mang trong mình lịch sử cổ kính của cố đô Kyoto thì trên thế giới này chỉ có gốm Raku (楽焼). Những đường nét mềm mại với lớp men đơn giản đỏ hoặc đen - tạo ra cảm giác rất gần gũi với đất - là sản phẩm hoàn hảo để lưu giữ màu xanh sống động của nước trà trong nghệ thuật trà đạo. Chẳng thế mà trong giới trà đạo Nhật Bản có câu : “ Nhất Raku – nhì Hagi – Ba là Karatsu” để chỉ cái vị trí hàng đầu không thể thay thế được của những cốc, ấm trà Raku trong lòng những trà nhân Nhật Bản.

Vào đầu thời Momoyama, một người thợ gốm Triều Tiên tên là Ameya đã mở lò nung gạch ngói ở Kyoto và sáng tạo ra gốm Raku. Sau đó, con trai trưởng của ông là Chojirou (長次郎) – dưới sự chỉ đạo trực tiếp của thiền sư Rikkyu đã phát triển gốm Raku để phù hợp với tinh thần trà đạo lúc bấy giờ.

Năm 1588, hai anh em Chojirou và Yoji (与次) được gọi đến Jukudai (Tụ Lạc Đê) – dinh thự của Hideyoshi để mở lò nung ngói phục vụ cho công tác xây dựng dinh thự và đồng thời cũng là để sản xuất những món đồ gốm trà. Sự khéo léo của hai anh em Chojirou đã nhận được sự tán dương của Hideyoshi. Ông đã ban cho họ chữ “Raku – 楽”. Vậy là, từ những thợ làm ngói, anh em Chojirou đã có một bước tiến lớn khi được ban họ và trở thành gia đình chuyên sản xuất gốm trà Raku cho Hideyoshi.

Những cốc trà Raku thời bấy giờ được ưa chuộng chính là do tính ứng dụng trong trà đạo. Khi người uống cầm cốc trà hay chạm môi vào cốc đều không bị bỏng mà nước trà vẫn được giữ nóng. Thêm nữa là màu đen và đỏ nồng ấm có chiều sâu cùng sự vừa vặn với lòng bàn tay người thưởng trà khiến cho những cốc trà Raku thích hợp một cách hoàn hảo với việc uống trà mà ta không thể tìm thấy ở bất kỳ một sản phẩm gốm trà nào khác.

Dựa vào màu men gốm mà người ta phân ra dòng Raku đen và Raku đỏ. Nguyên liệu chính làm nên nước men đen của gốm Raku là đá bên dòng sông Kamo thuộc Kyoto. Loại đá này có lượng sắt rất cao. Những người thợ gốm sau khi nghiền nhỏ đá thành bột mịn sẽ đắp lên vỏ đất sét thô của món đồ gốm và nung ở nhiệt độ 1100 độ C. Lúc ấy, sắt có trong đá sẽ chảy ra tạo thành lớp men đen bóng.

Cũng có nhiều người so sánh gốm trà Raku đen với Gốm đen Seto vì nước men đen bóng khá giống nhau của hai dòng gốm này. Nhưng thực tế ta có thể nhìn thấy sự khác nhau rất rõ giữa chúng. Gốm đen Seto được tạo hình bằng bàn quay gốm và nung ở nhiệt độ cao của sành sứ nên bóng láng hơn. Trong khi đó gốm đen Raku lại được tạo khắc bằng tay; Tráng men bằng lớp bột đá và nung nhẹ lửa hơn nên tuy có cảm giác cứng rắn và chắc chắn nhưng lại nhẹ, xốp và dễ vỡ. Việc tạo tác bằng tay cũng đem đến vẻ tự nhiên và tình cờ cho những sản phẩm gốm Raku, phù hợp hoàn hảo với tinh thần mộc mạc, hướng đến thiên nhiên của những buổi tiệc trà.



Hình 1.14: Cốc trà Raku Đen (trái) – Tác giả Chojirou và Bát trà gốm Raku đỏ - khuyết danh²⁰

Nếu như lớp men của gốm Raku đen được tạo nên do pha trộn chì với loại bột đá chứa nhiều sắt của sông Kamo thì với lớp men gốm Raku đỏ lại được tạo thành do đất hoàng thổ. Trên bề mặt lớp đất sét thô, người ta dùng đất hoàng thổ chất lượng tốt đắp lên sau đó nung nhẹ lửa một lần để tạo ra màu men khói trong suốt. Đến khi lò đạt nhiệt độ 700 độ C thì sản phẩm hoàn thành có lớp da gốm mềm mại, màu sắc đỏ tươi sáng, mộc mạc.

Ngày nay, cùng với sự phát triển của hóa học, người ta dễ dàng tạo ra loại men gốm như vậy. Nhưng vào thời của những thợ gốm Raku đầu tiên như Chojiro, để những người thợ nung gốm tạo ra được màu men như vậy có lẽ không chỉ nằm ở sự tình cờ mà còn mất rất nhiều công sức thử nghiệm và nghiên cứu.

Nước men gốm Raku ban đầu thực ra khá mờ và chưa có được độ bóng như ngày nay. Dựa trên cơ sở ứng dụng những kỹ thuật nung gốm được tích lũy từ thế hệ trước, Donyu (道入 – Tên thường gọi là Konko - コンコウ) – thợ gốm Raku đời thứ III đã tạo ra màu men có sắc độ đậm nét hơn rất nhiều với việc tăng tỷ lệ khoáng chất khi trộn nguyên liệu. Kết quả là những sản phẩm gốm trà của ông có nước men không chỉ hơi đen như của Chojirou mà có màu đen bóng sinh động. Những cốc trà Raku đỏ cũng có màu sắc tươi sáng mà bóng bẩy chứ không chỉ hơi đỏ và ánh vàng như thế hệ trước. Để tạo ra những sản phẩm tuyệt đẹp này không chỉ do Konko đời thứ III dòng họ Raku đã phát triển kỹ thuật làm gốm Raku lên một

²⁰ <http://www.trocadero.com/stores/>

tầm cao mới mà còn bởi cảm quan nghệ thuật của ông không hề thua kém mà còn có phần hơn hẳn các bậc tiền bối.

Mặc dù những sản phẩm gốm Raku làm ra có cái nhìn thanh thoát và tinh cò. Nhưng kiểu dáng của nó lại là sự thúc đẩy tinh táo của các nghệ nhân để biến đổi từ một món đồ gốm thông thường thành một món đồ gốm trà. Chính nhờ kinh nghiệm của những người thợ làm gốm đã ảnh hưởng đến cách họ tạo hình các sản phẩm gốm Raku. Đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa sự ép, nén và sự chạm khắc các họa tiết trên thân gốm. Có lẽ một phần những thợ làm gốm ở Kyoto ban đầu đã bị ảnh hưởng bởi phong cách và phương pháp làm gốm của những sản phẩm gốm Seto đen. Và họ đã sao chép lại kiểu dáng của những sản phẩm này bằng những kỹ thuật nung gốm của riêng họ.

Một điểm cần chú ý nữa là lò nung gốm Raku. Khác với các loại gốm Kyoto khác sử dụng lò nung leo khá phức tạp thì những lò gốm Raku ban đầu chỉ là loại lò cơ bản hình trụ, sử dụng dòng vận động của khí nóng để nung gốm. Dần dần, kiểu lò nung này được cải tiến thành những lò nung hình trụ có nắp. Than củi loại tốt được cắt thành những mảnh nhỏ và gài vào các khe của sạp gốm và tường lò. Những người thợ gốm dùng ống thổi cung cấp không khí cho than củi ở đáy lò cháy có thể nâng nhiệt độ lò lên đến được 1100 độ C. Bình gốm trước khi đốt lò nung được gài vào những sạp gốm. Sau khi sạp gốm đóng lại, quá trình thổi gốm được bắt đầu. Than củi tiếp tục được nhét vào để nung gốm theo sự chỉ dẫn của những nghệ nhân gốm – là những người điều khiển và chỉ dẫn ngọn lửa. Thời gian để lò nung gốm nâng nhiệt độ lên cao như vậy mỗi lần mất khoảng 5 phút. Khi lớp men bắt đầu tan chảy, những người thợ gốm ngừng việc thổi khí và nhìn vào sạp gốm để kiểm tra sản phẩm. Sau khi những chiếc bình, cốc gốm còn nóng đỏ lửa được đưa ra và đặt lên những chiếc giá sạch và khô ráo thì công việc nung gốm đã hoàn thành. Khi những chiếc bình và cốc gốm Raku được lấy ra khỏi lò nung ở nhiệt độ cao nhất có màu men bóng mờ với kết cấu xốp như được phủ lớp đá cuội. Người ta gọi nó là lớp vỏ men thanh yên. Lớp men đó tương chừng như không hoàn hảo và làm cho bề mặt gốm Raku không đồng đều và gồ ghề. Tuy vậy, lớp vỏ với những vết rỗ

li ti như không tráng men ấy lại là ý tứ tuyệt vời cho những thức uống nóng như trà vì nó có tính dẫn xuất. Gốm Raku được yêu thích ở Nhật Bản đến mức mà người ta có cái nhìn khá thiên vị để có thể bỏ qua những thiếu sót ở vẻ bề ngoài có vẻ không mấy hoàn hảo của nó.

Cho đến nay, đã trải qua 14 thế hệ các nghệ nhân gốm Raku. Nghệ nhân gốm Raku đời thứ XV là Raku Kichizaemon (1949 ~) vẫn không ngừng nghiên cứu những phương pháp chế tác gốm mới, tiếp nối những thành tựu mà các bậc tiền nhân đã đạt được trong suốt 400 năm của dòng họ Raku nổi tiếng.

Tiểu kết chương 1

Như vậy, qua chương 1, ta có thể thấy rằng lịch sử hình thành và phát triển của gốm sứ Kyo cho đến thời kỳ Minh Trị Duy Tân luôn gắn liền với sự phát triển của kinh đô Heian. Tuy ra đời muộn nhưng với thế mạnh là kinh đô Nhật Bản, Kyoto đã thu hút được nguồn nhân lực và kỹ thuật làm gốm từ khắp nơi trên nước Nhật cũng như Triều Tiên hay Trung Quốc để nhanh chóng bắt kịp các địa phương gốm sứ khác.

Bên cạnh những điều kiện lịch sử trở thành yếu tố thuận lợi để gốm Kyo phát triển mạnh mẽ thì không thể không kể tới những cá nhân kiệt xuất – là những người đã sinh ra và góp phần nuôi dưỡng gốm Kyo. Từ Ninsei cho đến Kenzan rồi đến Eisen, sản xuất gốm sứ tại Kyoto đã có những bước phát triển vượt bậc. Để từ đó, những thế hệ nghệ nhân gốm sứ tiếp theo như Mokubei Aoi hay Nin-ami Dohachi... kế tiếp họ, góp phần tạo nên dấu ấn riêng biệt của loại gốm sứ chốn kinh đô.

Bước sang thời kỳ Minh Trị, các sản phẩm gốm sứ truyền thống đã thực sự thâm nhập vào cuộc sống và có vai trò quan trọng trong đời sống thường ngày của người dân Kyoto. Sản xuất gốm sứ Kyoto thời kỳ này cũng có sự chuyển biến quan trọng với việc học tập phương Tây về kỹ thuật và mẫu mã. Cùng với việc mở cửa Nhật Bản vào cuối thế kỷ XIX đã tạo ra một thời kỳ hoàng kim của xuất khẩu gốm sứ Kyoto. Những sản phẩm gốm sứ màu kể từ giai đoạn này đã thực sự mang vẻ đẹp hiện đại và nhẹ nhàng hơn trước rất nhiều. Danh tiếng của gốm sứ cố đô cũng không còn giới hạn ở một vài địa phương lân cận mà đã được biết đến trên khắp nước Nhật và bước đầu tạo được tiếng vang tại thị trường quốc tế.

Bắt đầu từ thời kỳ Đại Chính, các thế hệ của những thợ gốm Kyo cùng với sự hỗ trợ của Chính quyền Phủ, thành phố Kyoto bên cạnh việc nghiên cứu các phương pháp kỹ thuật sản xuất mới đáp ứng nhu cầu thời đại còn có nhiệm vụ giữ gìn các phương thức sản xuất gốm truyền thống – để Kyoto luôn xứng đáng với danh hiệu “kinh đô gốm sứ Nhật Bản”

Chương 2: BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN GÓM KYO TRUYỀN THỐNG

NHẬT BẢN: THỰC TRẠNG VÀ CHÍNH SÁCH

2.1. Thực trạng gốm Kyo truyền thống từ thời kỳ Đại Chính đến nay

Thời kỳ Minh Trị đã đánh dấu một bước chuyển biến mới cho sản xuất gốm sứ Kyoto truyền thống với sự xuất hiện của những sản phẩm gốm sứ màu mang vẻ đẹp hiện đại và cũng nhẹ nhàng hơn trước rất nhiều. Danh tiếng của gốm sứ cổ đô cũng không còn giới hạn ở một vài địa phương lân cận mà đã được biết đến trên khắp nước Nhật và bước đầu tạo được tiếng vang tại thị trường quốc tế.

Bắt đầu từ thời kỳ Đại Chính²¹, sản xuất gốm sứ ở Kyoto (bao gồm phát triển chất lượng sản phẩm; Đa dạng mẫu mã và tăng cường các hoạt động thương mại) được phát triển song song với các hoạt động bảo tồn kỹ nghệ truyền thống. Các thể hệ của những thợ gốm Kyo cùng với việc nghiên cứu các phương pháp kỹ thuật sản xuất mới, còn có nhiệm vụ giữ gìn các phương thức sản xuất gốm truyền thống. Các sản phẩm gốm Kyo tuy được sản xuất ra với số lượng không thật nhiều, nhưng đều dựa trên tiêu chuẩn kỹ thuật cao. Không những thế, các sản phẩm gốm Kyo thời kỳ này bên cạnh kế tục phong cách truyền thống còn tạo ra cảm giác tươi mới, hiện đại, phong cách mạnh mẽ và mang dấu ấn cá nhân rất cao. Những người thợ thủ công đã hoàn toàn dốc sức với công việc làm gốm, không dựa vào máy móc để tạo ra những sản phẩm vừa mang tính thẩm mỹ, vừa mang tính nghệ thuật và còn mang đến niềm vui cho người sử dụng nó.

Ngành sản xuất gốm sứ Kyoto hiện nay cùng với quá trình hiện đại hóa, xã hội hóa đã có phân hóa rất rõ ràng với sự xuất hiện của những nhóm sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của thời đại như gốm sứ phục vụ công nghiệp điện hay lý hóa học, kiến trúc... Qua phần nói về thực trạng của sản xuất gốm sứ truyền thống ở Kyoto, tác giả sẽ làm rõ vai trò, vị trí của sản xuất gốm Kyo truyền thống – với vai trò là một bộ phận cấu thành nên ngành công nghiệp gốm sứ Kyoto. Qua đó nêu bật được những mặt mạnh, mặt hạn chế của sản xuất gốm Kyo truyền thống từ thời Đại Chính đến nay.

²¹ Thời kỳ Đại Chính : 1912- 1926

2.1.1. Quy mô các khu vực sản xuất gốm Kyo từ sau thời Minh Trị đến nay

Dốc Gojo - Kiyomizu

Nói đến khu vực sản xuất gốm sứ lâu đời ở Kyoto thì đầu tiên phải nhắc đến khu Awataguchi. Nhưng hiện nay thì khu vực dốc Gojo là nơi tập trung một số lượng lớn các cửa hàng và cơ sở sản xuất gốm sứ. Nơi đây cũng được gọi là thiên đường gốm sứ ở Nhật Bản. Mặt khác, đây cũng là nơi hướng dẫn các kỹ thuật chế tác gốm sứ từ thời phong kiến tại Kyoto. Ngoài Kiyomizu, các khu Hiyoshi, Sennyuji xung quanh dốc Gojo cũng là nơi tập trung các xưởng sản xuất gốm lớn nhỏ. Các lò gốm này thông qua các hàng buôn bán gốm sứ để bán các sản phẩm của mình.

Hiện nay, khu vực dốc Gojo có khoảng 70 hộ buôn bán gốm sứ truyền thống. Trong đó chỉ có 40% số hộ là khởi nghiệp từ trước thời Minh Trị. Về quy mô thì có khoảng chưa đầy 10% là các cơ sở sản xuất kinh doanh lớn, còn lại là kinh doanh nhỏ lẻ cá nhân, vốn bỏ ra không nhiều.[36, tr. 190] Tháng 7 năm 1949, 26 cơ sở kinh doanh các mặt hàng gốm sứ cao cấp ở đây đã lập ra Hợp tác xã gốm sứ Kiyomizu (清水陶磁器協同組合). Cũng trong năm này, Hợp tác xã gốm sứ Đông Sơn (東山陶磁器協同組合) và Hợp tác xã Tougi (陶技協同組合) cũng được thành lập. Đây là ba hợp tác xã sản xuất gốm sứ được thành lập góp phần bảo vệ và duy trì hoạt động sản xuất của gốm Kyo tại khu vực dốc Gojo. Ba tổ chức này đã hoạt động hiệu quả và góp phần thúc đẩy sự phát triển của sản xuất gốm sứ trong khu vực để đến tháng 9 năm 1951 thì hợp nhất thành hợp tác xã gốm sứ phủ Kyoto (京都府陶磁器協同組合) – Tổ chức ra đời nhằm mục đích hỗ trợ thiết bị cho các cơ sở sản xuất nhỏ, nhằm thúc đẩy phát triển của sản xuất gốm Kyo truyền thống ở địa phương. Nhờ sự hoạt động tích cực của tổ chức mà đến tháng 5 năm 1952, Phủ Kyoto đã viện trợ kinh phí cho hợp tác xã xây dựng lò nung leo liên hoàn có tám buồng lên tới 30m³. Sau đó, tổ chức lại được nhận viện trợ của thành phố Kyoto để xây dựng kho chứa gỗ thông đốt lò và bắt đầu chính thức tham gia vào hoạt động sản xuất gốm sứ tại địa phương. Các hội viên thông qua hợp tác xã cũng được thuê lò nung gốm, vay tiền sản xuất hay thông qua hợp tác xã để mua nguyên liệu gốm

với giá rẻ và ổn định. Đây cũng chính là nhân tố tạo ra sự kích thích phát triển ở các cơ sở sản xuất nhỏ và vừa, đồng thời tạo ra sự liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở sản xuất trong khu vực.

Khu Hiyoshi

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của sản xuất gốm sứ truyền thống ở khu vực dốc Gojo cũng kéo theo sự phát triển của các cơ sở sản xuất ở khu vực lân cận trong đó có khu Hiyoshi. Nhân cơ hội thuận lợi mà cuộc Thế chiến thứ nhất mang lại cho nền kinh tế Nhật Bản thì rất nhiều thợ gốm ở Aichi hay Nishigawa cũng đã chuyển đến Hiyoshi. Chính nhờ việc tận dụng được các kỹ thuật cũng như phương thức sản xuất mới từ nơi khác mà sản xuất gốm sứ truyền thống ở khu vực có bước phát triển rất ấn tượng. Số cơ sở sản xuất của khu Hiyoshi thời kỳ này lên tới 50 cơ sở với 400 thợ gốm. Số lò gốm sau chiến tranh cũng tăng lên 32 lò so với con số 20 lò nung trước chiến tranh. Tuy con số này nhỏ hơn so với khu vực dốc Gojo nhưng đây là một bước phát triển vượt bậc của sản xuất gốm sứ ở khu Hiyoshi so với thời kỳ Minh Trị. Cho đến nay, khu Hiyoshi vẫn giữ vững vị trí là một trong ba khu vực sản xuất gốm sứ truyền thống phát triển nhất Kyoto cùng với dốc Gojo và khu vực Sennyuji.

Khu Sennyuji

Sự phát triển của sản xuất gốm sứ ở khu vực Hiyoshi từ thời Đại Chính kéo theo sự cải tổ của khu Sennyuji trở thành mảnh đất vàng để phát triển sản xuất gốm sứ thủ công truyền thống. Sau chiến tranh có nhiều cơ sở sản xuất được thành lập ở đây. Các cơ sở này đều có quy mô tương đối nhỏ. Đến năm 1959 thì cả khu vực có 70 cơ sở sản xuất gốm sứ. Trong đó có đến 60 cơ sở sản xuất gốm sứ tiêu dùng truyền thống. Trong khu vực cũng có đến 30 lò nung leo, 6 lò nung than và 3 lò nung điện. [36, tr.190]

Ngoài 3 khu vực sản xuất gốm sứ truyền thống sôi động kể trên thì sau chiến tranh còn có khu Awataguchi – vốn là lò gốm chuyên sản xuất loại gốm cổ Awata ở Kyoto, sau được mở rộng ra khu vực lân cận thành khu vực sản xuất gốm sứ truyền thống từ thời Đại Chính. Tuy nhiên, cho đến ngày nay thì sản xuất gốm sứ ở khu

vực này đã suy tàn và chỉ còn nhận thấy được qua một số lượng ít các tác phẩm gốm sứ nghệ thuật sót lại. Hay như khu Nagaoka nằm ở phía Tây Nam phủ Kyoto – trước chiến tranh chỉ có 2,3 xưởng sản xuất linh kiện gốm sứ cho đồ điện. Trong thời kỳ chiến tranh số lượng này phát triển nhanh chóng và hiện có 15 cơ sở sản xuất gốm sứ. Trong đó cũng có một vài cơ sở sản xuất gốm sứ sinh hoạt theo phương thức truyền thống. [36, tr. 191]

Hiện nay, ở phủ Kyoto có hơn 400 hộ sản xuất gốm sứ truyền thống. Quanh khu vực dọc Gojo, khu Hiyoshi, chùa Sennyu và khu sản xuất gốm sứ Kiyomizu ở Yamashina hay quanh khu Sumiyama thuộc thành phố Uji cũng có nhiều lò gốm thu hút rất nhiều thợ gốm trẻ cùng sản xuất ra những sản phẩm gốm sứ chất lượng cao mang đậm dấu ấn cá nhân của từng người nghệ nhân gốm. [Phụ lục 4; tr. 137]

2.1.2. Vai trò của gốm Kyo truyền thống trong cơ cấu sản phẩm của sản xuất gốm sứ ở Kyoto

Về cơ cấu sản xuất gốm sứ được chia làm nhiều nhóm. Chia theo nhóm lớn thì có 3 nhóm là Gốm dùng trong gia đình; Gốm công nghiệp và Gốm kiến trúc. Không như các vùng sản xuất gốm sứ phát triển theo hướng công nghiệp hóa khác như Kutani nay Mino, Kyoto vẫn duy trì sản xuất các sản phẩm gốm gia dụng theo phương thức truyền thống với bàn xoay và lối vẽ tranh tỉ mỉ trên từng sản phẩm. Chính vì vậy mà có thể nói, Kyoto là nơi duy nhất ở Nhật Bản mà gốm gia dụng cũng đồng nghĩa với các sản phẩm gốm truyền thống.

Sau khi chiến tranh thế giới thứ 2 kết thúc, nhu cầu gốm gia dụng và gốm điện trong nước tăng lên đột biến khiến cho sản xuất gốm sứ ở Kyoto cũng như các địa phương khác trong cả nước phục hồi nhanh chóng. Sản xuất gốm sứ ở Kyoto bước vào thời kỳ “ sản xuất được là bán được “ khiến gốm sứ Kyoto có bước phát triển nổi bật. Thêm nữa cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950 đến 1953) cũng là một cơ hội thuận lợi để sản xuất gốm sứ trong nước phát triển. Nhìn vào bảng 2.1 ta thấy trong thời gian này sản xuất cầu chì và chất cách điện bằng gốm sứ tăng đột biến trong khi gốm truyền thống giảm hẳn. Năm 1951, giá trị sản lượng gốm sứ ở Kyoto vào khoảng 458 triệu yên nhưng chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ so với kim ngạch sản

xuất gốm sứ của cả nước là 2.7%. Trong khi con số này vào thời Minh Trị dao động từ 8 đến 10 %. Có tình trạng như vậy là do dù điều kiện trong nước và quốc tế rất thuận lợi thì nhiều xí nghiệp và cơ sở sản xuất bị phá hủy các thiết bị làm gốm trong cuộc thế chiến thứ II khiến cung không đáp ứng được cầu. Năm 1952, số cơ sở sản xuất duy trì hoạt động chỉ còn lại ½ so với năm 1940. Thêm nữa, quy mô sản xuất của các cơ sở này lại rất nhỏ. Năm 1956 có đến 50% cơ sở sản xuất gốm sứ Kyoto có quy mô nhỏ dưới 4 người.

Bảng 2.1. Giá trị sản lượng theo năm của ngành gốm sứ Kyoto [22, tr. 82]

Năm	Giá trị sản lượng Gốm sứ (vạn yên)	Các nhóm sản phẩm gốm sứ				Tỷ lệ so với cả nước
		Gốm sứ gia dụng	Gốm sứ trong ngành điện	Gốm sứ trong ngành lý hóa học	Khác	
1948	9.110	82.6 %	9.1 %	---	8.3 %	1.2 %
1951	45.806	43.4 %	51.3 %	4.9 %	0.4 %	2.7 %
1954	47.831	30.0 %	51.4 %	12.5 %	5.8 %	2.1 %
1957	69.392	31.5 %	54.6 %	12.3 %	1.6 %	1.9 %
1960	91.844	30.4 %	56.7 %	5.7 %	6.2 %	1.6 %

Nhìn vào bảng 2.2 ta có thể thấy năm 1960, xuất khẩu đường biển vào khoảng 1 tỷ 279 triệu yên – đến năm 1966 tăng lên là 1 tỷ 586 triệu yên. Như vậy là trong vòng 6 năm kim ngạch xuất khẩu đường biển chỉ tăng 1.2 lần . Tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu đường biển của ngành gốm sứ ở Kyoto so với cả nước năm 1966 cũng giảm 0.8 % so với năm 1960. Tuy nhiên, nhìn vào cơ cấu các nhóm sản phẩm gốm sứ Kyo theo kim ngạch xuất khẩu đường biển trong bảng 2.2 ta nhận thấy có sự tăng đột biến của nhóm các sản phẩm gốm gia dụng – hay chính là nhóm các sản phẩm gốm sứ truyền thống so với nửa trước những năm 1950. Trong khi đó các sản phẩm gốm cho ngành công nghiệp hay lý hóa học lại sụt giảm rõ rệt. Như vậy, cho đến thời điểm những năm 1960, khi Nhật Bản bước vào thời kỳ phát triển kinh tế cao độ đã tạo đà cho sản xuất gốm sứ ở Kyoto phát triển. Tuy nhiên, do đặc trưng của sản xuất gốm sứ Kyoto sau chiến tranh với quy mô các xí nghiệp nhỏ, mức độ

xã hội hóa chưa cao, hình thức sản xuất kinh doanh theo mô hình hộ gia đình vẫn còn là chủ yếu nên gốm sứ phục vụ công nghiệp không có cơ hội phát triển như các địa phương khác. Về việc phát triển nhóm sản phẩm gốm sứ truyền thống, tuy đến giai đoạn này đã lấy lại được vị trí chủ chốt trong cơ cấu sản phẩm ngành sản xuất gốm sứ Kyoto những cũng gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh việc thiếu thốn nguyên vật liệu thì Kyoto cũng vẫn phải phát huy chức năng văn hóa của mình là nơi lưu giữ những kỹ thuật thủ công truyền thống của cả nước nên không thể cạnh tranh về giá cả và số lượng với các địa phương gốm sứ khác. Ngoài ra thì đặc điểm của các sản phẩm gốm sứ ở kinh đô gốm sứ Kyoto là “ sự đa dạng với số lượng hạn chế”²² nên sản xuất gốm sứ truyền thống ở Kyoto không theo kiểu ồ ạt mà tỉ mỉ và chi tiết với số lượng nhỏ cùng mẫu mã đa dạng. Tóm lại, kể từ những năm 60 cho đến nay, mặt hàng gốm sứ truyền thống chiếm vị trí quan trọng nhất trong cơ cấu nhóm sản phẩm của ngành sản xuất gốm sứ Kyoto. Kyoto cũng là địa phương gốm sứ duy nhất trong cả nước được coi là kinh đô gốm sứ Nhật Bản với cơ cấu trong đó sản phẩm gốm sứ truyền thống chiếm chủ yếu dù với số lượng không thật nhiều.

Bảng 2.2: Sự thay đổi cơ cấu nhóm sản phẩm gốm sứ Kyoto theo kim ngạch xuất khẩu đường biển [22, tr. 84]

Năm	Kim ngạch XK đường biển (Đơn vị : Vạn yên)	Nhóm sản phẩm cấu thành					Tỉ lệ so với cả nước
		Gốm gia dụng	Gốm sứ dùng trong công nghiệp điện	Gốm sứ công nghiệp (lý hóa học)	Gốm kiến trúc	Khác	
1960	1279.4	28.6 %	56 %	4.3 %	10.2 %	0.9 %	2.0 %
1963	1882.6	42.5 %	46.9 %	6.0 %	2.5 %	2.1 %	2.1 %
1966	1585.8	68.4 %	20.3 %	4.7 %	5.2 %	1.4 %	1.2 %

2.1.3. Nguyên vật liệu sản xuất gốm Kyo

Không như những địa phương sản xuất gốm sứ nổi tiếng khác ở Nhật Bản như Shigaraki, Seto, Tamba hay Kotoname, Bizen vốn phát triển nghề gốm sứ truyền thống dựa trên nguồn tài nguyên đất gốm dồi dào. Nghề gốm sứ ở Kyoto vốn

²² “ Tradition of the splendid ceramics will be kept with the policy of "in wide variety in small quantity" - <http://www.jtco.or.jp/en/japanesecrafts/?act=detail&id=184&p=26&c=31>

xuất hiện khá muộn cùng với việc hình thành kinh đô Heian. Hầu như nguyên liệu làm gốm ở Kyoto từ đá hay đất gốm và nhất là cao lanh đều phải nhập từ các địa phương sản xuất gốm khác (Tham khảo phụ lục 1) nên trong giá thành sản phẩm gốm Kyo truyền thống thì giá nguyên vật liệu đã chiếm đến 16%. [36, tr 196] Đã từng có giai đoạn trong thời gian cuộc chiến tranh châu Á – Thái Bình Dương diễn ra (1937 – 1945), nguồn nguyên liệu sản xuất gốm sứ truyền thống như đất sét, cao lanh, thạch cao, gỗ thông hay màu men vẽ gốm đều rất khan hiếm khiến hoạt động sản xuất gốm sứ tại các địa phương trên khắp nước Nhật, trong đó có Kyoto lâm vào tình trạng khó khăn trong nhiều năm. Chính vì vậy, việc nghiên cứu phối hợp để tạo ra nguyên liệu làm gốm tốt với giá thành rẻ và thiết lập các cơ sở sản xuất nghiên cứu nguyên vật liệu làm gốm với trang thiết bị phù hợp là rất cần thiết. Nó không chỉ cần sự nỗ lực của những hãng kinh doanh sản xuất nguyên vật liệu mà cần có cả sự hỗ trợ của chính quyền Phủ và thành phố Kyoto. Trước thời Đại Chính, cung cấp những nguyên liệu trên chủ yếu do công ty Cổ phần nguyên liệu gốm sứ Nhật Bản (日本陶料株式会社) cung cấp. Nhưng đến những năm Chiêu Hòa, lần đầu tiên hợp tác xã dưới tư cách là xí nghiệp liên hiệp đã xây dựng trang bị các xưởng sản xuất nguyên vật liệu sứ điện hay sản xuất đất gốm. Và bắt đầu từ năm 1950 thì Hội liên hiệp hợp tác xã gốm sứ Kyoto (京都陶磁器協同組合連合会)²³ dưới sự viện trợ của Phủ và thành phố Kyoto đã xây dựng được xưởng tinh chế đất gốm ở phía nam khu Hiyoshi. Vào năm 1952, nhờ tiền viện trợ của Nhà nước và Phủ Kyoto mà Xưởng gia công bột đất tại Fukakusha, khu Fushimi, thị trấn Hirata (伏見区深草平田町) đã được xây dựng. Các hội liên hiệp này tiến hành sản xuất, tinh chế đất gốm cũng như tái chế, tiêu hủy rác thải và tạo ra thuốc nhuộm gốm chất lượng tốt để cung cấp cho Hội viên. Cũng thông qua đó, nhiều đơn vị là Hội viên đã trở thành trung gian cung cấp nguyên vật liệu gốm sứ cho các cơ sở sản xuất để kiếm lời. Hiện nay, việc cung cấp này vẫn diễn ra thường xuyên và những hiệp hội, hợp tác xã này cung cấp đến 80% nguyên liệu cho các cơ sở sản xuất gốm sứ ở Kyoto. [36, tr 193]

²³ <http://www.kyoyaki.com/kamamoto/4-1-8.htm>

2.1.4. Các nhà buôn gốm ở Kyoto

Trước chiến tranh, khu vực dốc Gojo vốn được coi là trung tâm bán buôn gốm sứ ở Kyoto với 50 hộ buôn bán lớn. Do những cơ sở sản xuất gốm truyền thống ở Kyoto thời kỳ này tương đối nhỏ, sản phẩm đa dạng từ đồ dùng gia đình đến đồ trang trí nhà cửa, gốm trà và gốm sứ theo phong cách phương Tây... nên sự có mặt của những hãng buôn gốm Kyo là một nhân tố giúp ổn định thị trường tiêu thụ gốm Kyo bấy giờ. Các nhà buôn gốm sứ với số vốn lớn, lại có mối liên hệ mạnh mẽ với thị trường phân phối cả nước nên các nhà sản xuất thông qua đó nhận được sự tài trợ về vốn và đảm bảo về thị trường. Ngược lại, các nhà buôn cũng dựa trên tỷ lệ vốn đầu tư vào các cơ sở sản xuất mà có sự chi phối ngược lại với các lò gốm.

Theo khảo sát của Tạp chí tin tức địa phương thành phố Kyoto thì vào năm 1940 các cơ sở sản xuất gốm Kyo truyền thống có ba cách buôn bán chủ yếu:

1. Chỉ giao dịch thông qua các nhà buôn gốm sứ
2. Kết hợp giữa buôn bán nhỏ lẻ và thông qua các nhà buôn
3. Không giao dịch qua các nhà buôn gốm sứ

Trong trường hợp “Chỉ giao dịch thông qua các nhà buôn” và “Kết hợp giữa buôn bán nhỏ lẻ và thông qua các nhà buôn” thì số lượng cũng như mẫu mã sản phẩm các lò gốm làm ra đến 80% dựa trên đơn đặt hàng từ các nhà buôn. Và ngược lại, chỉ 20% các sản phẩm làm ra dựa trên dự đoán thị trường của các nhà sản xuất. Tỷ lệ này cũng cho ta thấy mức độ ảnh hưởng và chi phối của các nhà buôn gốm sứ ở Kyoto đến tình hình sản xuất của các lò gốm ở Kyoto thời kỳ này. [36, tr. 196]

Trong thời gian cuộc thế chiến thứ II diễn ra, do điều kiện kinh doanh khó khăn mà hoạt động của các nhà buôn cũng bị ảnh hưởng. Một bộ phận lớn các nhà buôn buộc phải chuyển sang kinh doanh ở lĩnh vực khác hoặc bị phá sản. Đến thời kỳ hậu chiến, nhìn chung vốn của các nhà buôn gốm Kyo giảm đi nhiều. Điều này đã dẫn đến mối quan hệ giữa các nhà buôn gốm sứ với các lò sản xuất gốm sứ truyền thống không còn khăng khít như trước nữa. Sau chiến tranh, các cơ sở sản xuất cũng tách ra khỏi các nhà buôn và cố gắng tự phát triển sản xuất để nâng cao doanh số bán sản phẩm. Do vậy, chức năng của các nhà buôn cũng dần được cải

thiện. Một bộ phận nhà buôn và cơ sở sản xuất đã dần trở lại bình thường. Tuy nhiên, mức độ chi phối của các nhà buôn đến nhà sản xuất không còn như trước nữa. Các nhà sản xuất hiện nay đã năng động hơn khi chủ động được trong khảo sát thị trường và quyết định đến 60% mẫu mã sản phẩm. Trong khi đó, các nhà buôn chỉ quyết định 40% thông qua đơn đặt hàng mà thôi.

Vào năm năm 1956, nhằm mục đích tạo mối liên kết chặt chẽ giữa sản xuất và phân phối sản phẩm gốm sứ mà hợp tác xã gốm sứ công thương (京都陶磁器商工協同組合)²⁴ đã được thiết lập ở khu Hiyoshi. Với mục đích đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm thì mỗi năm, triển lãm mẫu mã gốm sứ cũng được tổ chức tại Kyoto do Hợp tác xã gốm sứ Kyoto đứng ra tổ chức (京都陶磁器後協同組合). Với sự viện trợ của phủ Kyoto và thành phố Kyoto, trên cơ sở đối tượng là các cơ sở sản buôn bán gốm sứ nhỏ lẻ trên toàn quốc, các nhà buôn gốm Kyo đã kết hợp với nhau để tổ chức các hội chợ giới thiệu mẫu gốm sứ mới. Những nhà buôn này lấy khu vực độc Gojo làm trung tâm gồm khoảng 40 hộ sản xuất và buôn bán nhỏ.

Sau chiến tranh, mức độ tiêu dùng cho mặt hàng gốm sứ truyền thống ở Kyoto không được như trước nữa. Bên cạnh đó thì các nhà buôn cũng đang trong giai đoạn hồi phục, vốn không dồi dào khiến cho thị trường bán lẻ gốm Kyo giảm sút. Do vậy, việc giữ vị thế của các sản phẩm gốm sứ cổ đô với giá thành cao là hết sức khó khăn. Trong tình thế như vậy, các nhà buôn gốm sứ ở Kyoto đã tìm đến giải pháp là tiến hành gia công sản phẩm – mở ra một thời kỳ mới cho các nhà buôn gốm ở Kyoto. So với các sản phẩm gốm sứ tại các địa phương sản xuất gốm khác như Seto hay Gifu thì giá thành gốm Kyo cao gấp 3 lần. Chính vì vậy, các nhà buôn đã hợp tác cùng với các cơ sở chuyên gia công tranh vẽ trên gốm sứ. Bằng việc mua các sản phẩm thô với giá rẻ rồi tiến hành vẽ tranh trên gốm, các nhà buôn đã bán ra các sản phẩm gốm địa phương khác dưới mác là các sản phẩm gốm Kyo xa xỉ. Một khía cạnh thứ hai cần đề cập đến khi trả lời câu hỏi : “ Tại sao lại nhập gốm thô từ địa phương khác chứ không phải từ các nhà sản xuất gốm Kyo” còn bởi đặc trưng của gốm Kyo. Vốn gốm Kyo là những sản phẩm tập trung vào tính nghệ thuật với

²⁴ <http://www.eonet.ne.jp/~toujiki/>

số lượng nhỏ chứ không sản xuất ồ ạt nên việc tạo ra những sản phẩm quy cách để đáp ứng nhu cầu thị trường như vậy là không phù hợp.

Bên cạnh các sản phẩm gốm thô từ các địa phương gốm khác, số lượng gốm sứ nhập từ Arita vào Kyoto cũng khá lớn. Các sản phẩm gốm sứ từ Arita vốn có giá thành rẻ hơn do khai thác được nguồn nguyên liệu đá gốm ở địa phương và chất lượng lại tương đương với gốm Kyo nên những năm gần đây, gốm Arita với vẻ ngoài gốm Kyo xuất hiện khá nhiều trên thị trường. Vậy là, ngoài việc cạnh tranh với mặt hàng gốm sứ từ nước ngoài hay các địa phương gốm sứ khác với giá thành rẻ, sản xuất gốm truyền thống Kyoto còn phải cạnh tranh với chính những sản phẩm được gia công dưới hình thức gốm Kyo với giá thành thấp hơn nhiều. Và để đối phó với hiện trạng gốm địa phương khác được gia công thành gốm Kyo này đòi hỏi phải có sự nỗ lực từ phía các nhà sản xuất gốm Kyo trong việc nghiên cứu, tìm tòi nâng cao kỹ thuật làm gốm, giải quyết vấn đề nguyên liệu và qua đó hạ thấp giá thành sản phẩm. Đồng thời cũng cần có sự phối hợp của chính quyền Phủ và thành phố Kyoto trong việc nâng cao ý thức người dân nhằm bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống ở địa phương.

2.1.5. Về vấn đề xuất khẩu gốm Kyo

Khoảng những 1877 đến 1907 là thời kỳ huy hoàng của xuất khẩu gốm sứ truyền thống ở Kyoto. Thời bấy giờ, xuất khẩu chiếm khoảng 60 % đến 80 % tổng sản lượng của gốm Kyo. Thế nhưng đến những năm Đại Chính (1912 – 1926), cùng với sự xuống dốc của gốm Awata thì xuất khẩu gốm sứ truyền thống ở Kyoto cũng tụt dốc nhanh chóng. Bước vào thời kỳ Chiêu Hòa, giai đoạn đầu cuộc chiến tranh Thế giới thứ II thì xuất khẩu gốm sứ chỉ ở mức trên dưới 10 % sản lượng (bao gồm cả mặt hàng gốm sứ truyền thống và gốm sứ phục vụ công nghiệp điện). Và đến giai đoạn giữa chiến tranh thì tỷ lệ này vẫn không hề tăng. Sau chiến tranh thế giới thứ Hai, cùng với việc quân Đồng Minh chiếm đóng Nhật Bản đã tạo điều kiện cho đồ gốm sứ mỹ nghệ của Nhật Bản – trong đó có gốm Kyo phát triển mạnh nhờ nhu cầu mua gốm mỹ thuật làm quà tặng địa phương tăng đột biến. Theo bản báo cáo điều tra việc gia công sản phẩm gốm sứ xuất khẩu ở Kyoto do Hiệp hội thương mại

Kyoto tiến hành năm 1960 thì tổng kim ngạch xuất khẩu gốm sứ Kyoto là 153 triệu yên, trong đó gốm sứ truyền thống là 14 triệu yên và chủ yếu là các sản phẩm gốm mỹ thuật với thiết kế độc đáo, mang tính thẩm mỹ cao. Về thị trường xuất khẩu thì phân nửa là được xuất sang Bắc Mỹ (chiếm đến 50%). Đến năm 1961, kim ngạch xuất khẩu gốm sứ truyền thống Kyoto tăng hơn năm trước 9 triệu 520 nghìn yên. Năm 1962, con số này vẫn tiếp tục tăng lên so với năm trước. Nhìn vào bảng 2.3, ta có thể thấy kim ngạch xuất khẩu đường biên của gốm gia dụng – hay chính là gốm sứ truyền thống ở Kyoto từ năm 1967 đến năm 1980 tăng đến 5.44 lần – hơn hẳn con số 5.07 lần trên toàn nước Nhật. Trong khi đó, gốm phục vụ công nghiệp điện chỉ tăng 3.25 lần – quá thấp so với con số 6.66 lần trung bình cả nước. Điều này càng khẳng định thêm vị trí quan trọng của nhóm sản phẩm gốm sứ truyền thống trong ngành sản xuất gốm sứ Kyoto.

Bảng 2. 3: Sự tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu gốm sứ theo đường biên tại thành phố Kyoto từ năm 1967 đến năm 1980 (đơn vị : lần)²⁵

Nhóm gốm sứ	Thành phố Kyoto	Toàn quốc
<i>Gốm gia dụng</i>	5.44	5.07
<i>Gốm điện</i>	3.25	6.66
<i>Toàn bộ</i>	4.66	4.48

Về mặt tổ chức hỗ trợ công tác xuất khẩu gốm sứ ở các địa phương tại Nhật Bản có Công ty Cổ phần giao dịch gốm sứ Nhật Bản (日本陶磁器交易株式会社) được thành lập vào năm 1948. Sau đó đến năm 1951 đã chuyển thành công ty Cổ phần phát triển xuất khẩu gốm sứ Nhật Bản và chính thức hoạt động trở lại. Vào năm 1952, công ty này lại thay đổi cơ cấu thành Hội Liên hiệp xuất khẩu gốm sứ Nhật Bản (日本陶磁器輸出組合) – là đơn vị đóng vai trò quan trọng trong việc xúc tiến phát triển xuất khẩu mặt hàng gốm sứ Nhật Bản – trong đó có gốm sứ Kyoto truyền thống ra thị trường quốc tế. Đến năm 1999, Hội đã giải thể. Thay thế vào đó là sự thành lập Hiệp hội phát triển công nghiệp gốm sứ Nhật Bản (日本陶磁器産業振興協会). Hiệp hội thông qua việc tập hợp ý kiến của các doanh

²⁵ Số liệu lấy từ bản thống kê của văn phòng bộ Thương mại Nhật Bản

nghiệp và cơ sở sản xuất trong cả nước cũng như trực tiếp tham gia vào công tác giải quyết các vấn đề liên quan đến sản xuất, lưu thông sản phẩm trong và ngoài nước nhằm hướng đến mục tiêu vì sự phát triển sản xuất gốm sứ Nhật Bản, trong đó có sản xuất gốm sứ truyền thống. Hiệp hội được thành lập vào ngày 19 tháng 11 năm 1999 dựa trên nền tảng cơ sở là những hội viên chủ chốt của Hội Liên hiệp xuất khẩu gốm sứ Nhật Bản và Hiệp hội gốm ăn (デイナーウェア協会) trước đây. Hiện nay, cũng như các địa phương sản xuất gốm sứ khác ở Nhật Bản, rất nhiều doanh nghiệp gốm Kyoto thông qua việc hợp tác với hội để thúc đẩy việc xuất khẩu mặt hàng gốm sứ truyền thống của địa phương ra nước ngoài .

Ngoài ra, trong năm 1958 còn có Hiệp hội kiểm tra gốm sứ Nhật Bản (日本陶磁器検査協会) được thành lập. Kể từ thời gian này, tất cả các mặt hàng gốm sứ xuất khẩu trong cả nước đều phải gửi mẫu qua Hiệp hội này để kiểm tra chất lượng trước khi xuất khẩu ra thị trường nước ngoài. Đây cũng là một yếu tố góp phần củng cố hơn chất lượng gốm sứ truyền thống Nhật Bản xuất khẩu trong đó có mặt hàng gốm Kyo nổi tiếng.

Như vậy, khoảng những năm 60 trở đi, xuất khẩu gốm sứ truyền thống của Kyoto phần nào đã hồi phục so với giai đoạn chiến tranh nhưng vẫn không thể quay trở lại thời hoàng kim của xuất khẩu gốm sứ Awata như những năm Minh Trị được. Con đường buôn bán chủ yếu của gốm sứ Kyoto vẫn chủ yếu là ở thị trường nội địa. Những mặt hàng xuất khẩu được ưa chuộng phần lớn là mặt hàng gốm mỹ nghệ. Thông qua các hội chợ triển lãm, hội chợ người tiêu dùng hay các buổi gặp gỡ, giao lưu tiếp xúc văn hóa, gốm Kyo đã được rất nhiều người tiêu dùng ngoài nước biết đến. Tuy nhiên, với đặc thù là những sản phẩm thủ công tinh xảo, coi trọng sự tỉ mỉ chi tiết với số lượng không nhiều thì giá thành của một sản phẩm gốm Kyo truyền thống vẫn quá cao, rất khó để cạnh tranh với những mặt hàng gốm sứ công nghiệp sản xuất hàng loạt với giá thành rẻ và mẫu mã đa dạng.

2.1.6. Lò nung leo và vấn đề ô nhiễm môi trường

Như ta đã biết, vào đầu thời kỳ Edo, lò nung leo bắt đầu được xây dựng ở khu Awataguchi, Kyoto để nung gốm. Đến khoảng nửa đầu thế kỷ XIX thì ở dốc

Gojo bắt đầu dùng lò nung leo để nung sứ. Vào thời kỳ Minh Trị, nhờ vào xuất khẩu đồ sứ mà sản xuất gốm ở Kyo đã có sự phát triển thần kỳ. Lò nung leo cũng theo đó mà từ khu Awataguchi và khu vực dốc Gojo phát triển sang cả khu vực lân cận như Hiyoshi và Sennyuji hay vùng quanh chân núi Touzan. Quy mô cũng như số lượng lò gốm ở những khu vực này tăng lên nhanh chóng. Vào khoảng năm 1936, sự tăng trưởng kinh tế cao độ của Nhật Bản kéo theo cuộc cách mạng năng lượng khiến các lò nung leo ở Kyoto theo xu hướng chung được chuyển sang lò gas và lò điện với hiệu suất cao hơn trước.

Bên cạnh vấn đề hiệu suất kém hơn lò điện và lò gas, cũng không thể không đề cập đến vấn đề ô nhiễm môi trường do lò nung leo gây ra. Trong thời kỳ kinh tế tăng trưởng cao độ như vậy, ở con dốc Gojo, hàng ngày các lò nung gốm phải hoạt động hết công suất để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất ở địa phương. Để ứng phó với tình trạng này thì năm 1971 thì Phủ Kyoto đã thi hành điều luật chống ô nhiễm môi trường. Kết quả là các con phố gốm sứ ở Kyoto bắt đầu là khu Gojo, Hiyoshi và Tennyuji. .. lò nung leo bắt đầu tắt lửa. Trong khoảng thời gian này, Hợp tác xã gốm sứ ở khu vực dốc Gojo trong những nỗ lực nhất định cũng đã tiến hành thử nghiệm thiết bị nhằm loại bỏ tro khói ám của lò nung leo ở hợp tác xã nhưng kết quả không mấy khả quan. Do vậy, đến năm 1982 thì các lò nung gốm cuối cùng của Hợp tác xã gốm sứ dốc Gojo và quần thể lò nung quanh chân núi Touzan cũng hoàn toàn tắt hẳn. Một vấn đề được đặt ra là lò Gas và lò điện có nhiều ưu thế như vậy, tại sao phải đến năm 1982 thì lò gas và lò điện mới thay thế hoàn toàn lò nung leo?

Thứ nhất, ở thời kỳ này, việc có một xưởng gốm hay lò nung gốm riêng không phải điều dễ dàng mà thợ thủ công nào cũng có thể có được. Hơn nữa, cùng với sự phát triển kinh tế cao độ thời bấy giờ, các tác gia gốm sứ gánh trên vai sứ mệnh quan trọng là duy trì và phát triển sản xuất gốm Kyo truyền thống. Mà lò nung leo với quy mô của mình hoàn toàn đáp ứng được việc sản xuất sản phẩm với số lượng.

Thêm nữa, ngoài dòng gốm trà Raku ra, nhắc đến gốm Kyo, người ta sẽ hình dung ra loại gốm sứ nhiều màu sắc hào nhoáng chón cổ đô. Và để tạo ra những màu sắc và nước men rực rỡ đó trên các món đồ sứ thì rất cần lửa hoàn nguyên để nung thành sản phẩm. Với các loại lò điện hay lò gas và lò than thời kỳ đầu vốn nung sản phẩm bằng lửa oxi thì không thể nung thành đồ sứ màu được. Do vậy, dù vấn đề ô nhiễm môi trường và những dự cảm về sự biến mất của lò nung leo ở Kyoto đã có từ rất lâu; Cộng thêm với việc thiếu nguồn nhiên liệu gỗ đốt lò đã được đưa ra từ những năm 1945 thì việc chuyển từ lò nung leo sang dùng lò nung điện vẫn là một lựa chọn rất khó khăn. Phải đến năm 1961 thì một thợ gốm thời kỳ đầu ở khu vực dốc Gojo là Kanou Shokoku đã chỉ đạo tiến hành nghiên cứu thử nghiệm loại lò điện tạo ra lửa hoàn nguyên. Nghiên cứu này đã được một thương nhân gốm sứ tên là Kosaka Susumu giúp sức và thu được thành công vào cùng năm. Cũng phải nói trước rằng phát minh này thực chất không phải vì nền Đại công nghiệp mà nó bắt nguồn từ chính ý chí muốn lưu giữ ngọn lửa lò nung gốm không bao giờ lụi tắt ở Kyoto. Sự kiện này cũng được coi như một biểu hiện của sự liên kết giữa ngành nghề thủ công truyền thống với hiện đại, nhằm duy trì ý thức cộng đồng để cùng bảo vệ bản sắc gốm Kyo. Do vậy, ở đây không phải chỉ đơn thuần là suy nghĩ đến việc lò nung leo có tồn tại hay không mà sâu xa hơn, nó là sự tồn tại của gốm sứ Kyoto.

Một khía cạnh khác mà ta phải nhắc đến là cùng với việc ngừng sử dụng lò nung leo thì mạng thông tin xung quanh khu vực lò nung leo cũng mất theo. Trước đây, cứ một, hai lần một tháng, những thợ gốm không có lò hay xưởng gốm riêng lại mang những tác phẩm của mình đến lò nung leo. Sau khi nung thành sản phẩm, họ lại đến và vận chuyển chúng đi. Thông qua điểm tập kết ở lò nung, những thông tin về tác giả, kỹ thuật làm gốm hay dấu ấn cá nhân của tác giả qua từng tác phẩm cũng được biết đến rộng rãi. Đến thời kỳ lò điện trở nên phổ biến, việc nung thành sản phẩm trở nên dễ dàng hơn trước và việc sản xuất gốm sứ cũng trở nên khép kín. Kết quả là các tác phẩm gốm sứ truyền thống cũng mang tính cá nhân nhiều hơn. Nhưng mặt trái là việc sản xuất gốm sứ trở nên kín đáo hơn cũng làm cho những kỹ thuật gốm sứ của các bậc tiền nhân đáng kính bị phai nhạt dần. Đặc biệt, trong

trường hợp gốm Kyo vốn phần lớn không phải làm từ đất gốm ở Kyoto và cũng không có một kỹ thuật làm gốm mang tính đặc trưng nào, thì lò nung leo với mạng lưới cộng đồng mà nó tạo ra từ khi xuất hiện như một sợi dây kết nối những người thợ gốm Kyoto lại với nhau. Việc lò nung leo tắt lửa ở Kyoto còn là sự mất đi tính tinh thần hay tình thuần nhất đã tạo nên khái niệm gốm Kyo truyền thống.

Cuối cùng thì, việc thay thế lò nung leo bằng lò nung điện hay lò nung gas đã thay đổi ý nghĩa của từ “nung thành gốm” như nó vốn có. Những sản phẩm gốm sứ sau khi nung thành bằng lò nung điện cũng có sự khác biệt so với trước đây. Sự khác biệt đó không nằm ở bề ngoài mà ẩn sâu trong sự cảm nhận về sản phẩm truyền thống của người sử dụng. Việc “gặp gỡ” được một sản phẩm gốm nung thành với nước men lạ và đẹp chính là mối duyên của mỗi nghệ nhân gốm. Thế nhưng với lò nung điện hay gas hiện đại cùng độ nóng đồng đều và có thể điều chỉnh một cách chính xác thì dường như ý nghĩa tinh thần này cũng không còn nữa.

Chính vì những nguyên nhân kể trên mà sau chiến tranh, cùng với sự phát triển kinh tế mạnh mẽ của Nhật Bản thì tiến trình thay thế lò nung leo bằng lò gas và điện ở Kyoto vẫn diễn ra chậm hơn các địa phương khác. Sự thay đổi này là cả một quá trình với nhiều phương pháp khác nhau và có sự hỗ trợ rất lớn từ phía chính quyền Phủ và Thành phố Kyoto.

2.1.7. Phương pháp tạo hình gốm và vẽ tranh trên gốm

Có thể nói, Kyoto là địa phương gốm sứ duy nhất ở Nhật Bản mà hầu hết các công đoạn làm gốm đều mang tính thủ công. Trong đó không thể không nhắc đến công đoạn tạo hình gốm và vẽ tranh trên gốm.

Nhìn vào bảng 2.4 phía dưới ta thấy ở Kyoto, phương pháp tạo hình gốm chủ yếu là tạo hình bàn xoay tay hoặc bàn xoay điện chiếm đến 88.2 %. Trong khi đó bàn xoay tự động và máy tạo hình chỉ chiếm hơn 10 % còn lại. Nếu so sánh tỷ lệ này với các địa phương gốm khác như Arita thì ngày nay hầu hết đều sử dụng phương pháp tạo hình gốm tự động bằng máy để đáp ứng nhu cầu sản xuất hàng loạt. Nhìn vào thực tế đặc trưng của địa phương gốm sứ như Kyoto là sản xuất ra

những sản phẩm gốm cao cấp với số lượng ít thì việc duy trì những phương pháp truyền thống trong khâu tạo hình và vẽ trang trí gốm là không thể thiếu. Đây cũng chính là điểm rất lôi cuốn của dòng gốm sứ cổ đô.

Bảng 2.4: Tỷ lệ sở hữu các công cụ tạo hình gốm sứ thành phố Kyoto năm 1974 [22, 108]

<i>Số lượng công cụ tạo hình gốm /175 cơ sở</i>	<i>tạo hình bằng bàn xoay tay</i>	<i>Bàn xoay tạo hình bằng cách đập chân</i>	<i>Bàn xoay điện</i>	<i>Bàn xoay tự động</i>	<i>Máy tạo hình</i>	<i>Tổng</i>
<i>Số lượng</i>	84	13	509	72	9	687
<i>Tỷ lệ</i>	(12.2%)	(1.9%)	(74.1%)	(10.5%)	(1.3%)	100%

Về nghệ thuật vẽ tranh trên gốm thì trước đây, từ thời những thợ gốm bậc thầy như Ninsei, Kenzan thì nghệ thuật vẽ tranh trên gốm ở Kyoto đã phát triển với những họa tiết mô phỏng những mẫu tranh trên gốm của nhà Minh, Thanh ở Trung Quốc. Ngày nay, với sự phát triển của thời đại, phát huy vai trò là trung tâm văn hóa nước Nhật, các thợ gốm Kyoto với tài hoa của mình đã sáng tạo ra loại gốm sứ cổ đô hào hoa trang nhã với những hoa văn mang đậm phong cách Nhật Bản. Nếu như phải chọn một đặc điểm kỹ thuật đặc trưng của gốm sứ Kyoto, ta sẽ rất khó để chỉ ra được vì gốm sứ Kyoto là sự đúc kết những tinh hoa về kỹ thuật làm gốm từ khắp các địa phương gốm sứ trên đất nước Nhật Bản cũng như các thợ gốm từ Triều Tiên hay Trung Quốc. Vậy, điều gì đã tạo nên sự khác biệt của gốm sứ Kyoto? Đó không gì khác chính là văn hóa Kyoto. Mỗi sản phẩm gốm sứ ở Kyoto đều được trau chuốt một cách cẩn thận từ khâu tạo hình đến vẽ hoàn thành sản phẩm – để mỗi một chiếc cốc, chiếc bình gốm đều chứa đựng trong đó phong vị của cổ đô. Nó chứa đựng sự mộc mạc với triết lý “Wabi” (侘 – Nghèo nhưng thanh bạch) và “Sabi” (寂 – Vẻ đẹp của những đồ vật mòn cũ và thô sơ) vốn ẩn sâu trong tâm hồn mỗi người Nhật. Nó cũng có cả sự trang nhã, tinh tế với những sắc đỏ, vàng, xanh, đen, chàm tím, bạc được hòa quện cùng họa tiết ảnh hưởng của phong cách hội họa Nhật Bản như Kano hay Yamato – e. Nếu so sánh gốm sứ màu ở Kyoto với một địa phương gốm sứ màu nổi tiếng khác như gốm sứ Arita (thuộc tỉnh Saga) thì điểm khác biệt lớn nhất chính là phong cách cổ điển của gốm sứ Kyoto. Trong khi các sản phẩm gốm sứ màu của

Arita do ảnh hưởng nhiều từ hội họa thẩm mỹ Trung Quốc cùng với mục đích để xuất khẩu nước ngoài nên các sản phẩm không có sự trau chuốt và tinh tế như gốm sứ Kyoto. Chính vì đặc trưng tranh vẽ trên gốm tạo nên sự khác biệt về mặt thẩm mỹ này mà mới có tình trạng các nhà buôn gốm Kyo nhập cốt gốm thô từ các địa phương gốm sứ khác về và tiến hành gia công vẽ tranh để giảm giá thành sản phẩm.

Về mặt kỹ thuật vẽ tranh trên gốm, nếu như trước đây vẽ tranh trên gốm chủ yếu là vẽ dưới men hoặc trên men thì nay hầu hết các sản phẩm được trang trí theo cách phối hợp vẽ trên men và dưới men để tạo độ sâu cho màu sắc hoa văn trang trí. Việc phối hợp vẽ trên men và dưới men này cũng rất tỉ mỉ và yêu cầu người thợ gốm phải nắm vững về kỹ thuật pha trộn tỷ lệ men cũng như nắm vững hệ số giãn nở của men và đất gốm. Nếu không nắm được những lý thuyết này thì các sản phẩm làm ra tỷ lệ vỡ, nứt rạn sau tráng men rất cao.

Về các họa cụ sử dụng để trang trí tranh trên men thì hiện nay đã có sự kết hợp các họa cụ truyền thống với các họa cụ của lối vẽ tranh phương Tây mở ra thời đại mới với phong cách trang trí mang đậm phong vị truyền thống nhưng vẫn có sự mới mẻ đáp ứng thị hiếu của người dân và phù hợp với sự phát triển của thời đại.

2.1.8. Về lao động

Sản xuất gốm sứ thủ công truyền thống vốn có đặc thù là cần lượng lao động lớn và sản xuất tập trung. Mà sản xuất gốm sứ ở Kyoto vốn có đặc điểm là phương thức sản xuất thủ công vẫn được bảo tồn. Nhìn vào bảng 2.5 dưới đây, ta có thể thấy trong cơ cấu về giá thành tạo nên một sản phẩm gốm sứ ở Kyoto, yếu tố chi phí lao động chiếm đến gần một nửa (47,6 %) giá thành tạo nên một sản phẩm, rồi mới đến chi phí nguyên vật liệu; Chi phí nung thành gốm và chi phí gia công. Do vậy, có thể nói lao động – hay con người chính là nhân tố quan trọng chủ chốt tạo nên một sản phẩm gốm Kyoto truyền thống.

Về quy mô thì các cơ sở sản xuất gốm sứ ở Kyoto có yếu tố kinh tế hộ gia đình vẫn chiếm phần lớn đến 94,6 %²⁶. Trong khi đó hình thức xí nghiệp chỉ chiếm 5.4%. Điều này cho thấy ngành gốm sứ Kyoto vẫn theo phương thức phát triển sản xuất công

²⁶ 京都陶磁器協同組合連合会 “京都経営実態調査”、10/1981

nghiệp thủ công truyền thống với nòng cốt là kinh doanh hộ gia đình quy mô nhỏ. Điều này cũng rất phù hợp với phương châm phát triển sản xuất gốm sứ Kyoto khi ưu tiên đầu tư cho các mặt hàng gốm sứ truyền thống cao cấp với số lượng ít và chủng loại đa dạng, phong phú. Với hướng phát triển như vậy, Kyoto không cần một lượng lao động quá lớn như các địa phương gốm sứ khác mà chú trọng hơn đến chất lượng thợ thủ công. Vì các khâu như tạo hình, nung gốm cho đến trang trí hoàn thiện sản phẩm hầu như vẫn do bàn tay con người nên đòi hỏi những thợ thủ công ở đây phải nắm rất vững những kỹ thuật gốm sứ không chỉ ở mức cơ bản mà còn phải có sự sáng tạo để tạo ra những sản phẩm gốm sứ chất lượng cao.

Bảng 2.5 : Cơ cấu chi phí một sản phẩm gốm sứ Kyoto năm 1976 [21, tr. 105]

Quy mô cơ sở (người)	Số cơ sở sản xuất	Cơ cấu chi phí một sản phẩm gốm Kyoto					Chi phí bán/quản lý (%)	Tổng (%)
		Nguyên liệu (%)	Đặt hàng gia công (%)	Nung thành gốm (%)	Lao động (%)	Khác (%)		
1 ~4	120	15.7	7.8	14.1	46.7	7.0	8.7	100.0
5~9	36	13.2	10.2	11.2	47.5	8.3	9.5	100.0
10~14	10	11.2	5.1	11.5	53.9	7.3	11.0	100.0
15~19	6	8.6	6.2	12.2	53.6	8.2	11.2	100.0
20 ~	3	9.1	7.3	8.7	50.1	8.4	16.4	100.0
Bình quân	175	14.5	8.0	13.2	47.6	7.5	9.2	100.0

Về cơ cấu độ tuổi thì nhìn vào bảng 2.6, ta thấy ngành sản xuất gốm sứ ở Kyoto có cơ cấu độ tuổi khá hợp lý, thuận lợi để phát triển. Số lao động trong ngành sản xuất gốm sứ ở Kyoto trong độ tuổi lao động sung mãn nhất là 20, 30 và 40 tuổi chiếm đến 68.3 %. Trong khi đó số lao động trong độ tuổi 50 và 60 giàu kinh nghiệm chiếm mức khá tương đối là 28.3 %. Còn lại là lao động ở độ tuổi thanh thiếu niên dưới 20 tuổi chiếm 3.4 %. Cơ cấu lao động theo độ tuổi như trên tạo ra một tháp tam giác với đáy là lực lượng lao động trẻ nhiệt huyết làm cơ sở nền tảng được những người cao tuổi với nhiều kinh nghiệm dẫn dắt ; Và phần đỉnh tam giác chính là đội ngũ kế cận trẻ tuổi. Với cơ cấu độ tuổi lao động như vậy ta thấy được

tiềm năng lớn về nguồn lực lao động trong sản xuất gốm sứ nói chung và gốm sứ thủ công truyền thống ở Kyoto nói riêng. Cùng với những đầu tư và sự quan tâm phù hợp của Chính phủ Nhật Bản, Phủ Kyoto và thành phố Kyoto trong công tác giáo dục, đào tạo đội ngũ thợ thủ công truyền thống kế cận có tay nghề cao cũng như phát huy chức năng của Kyoto với vai trò là trung tâm bảo tồn những kỹ thuật thủ công truyền thống sẽ tạo điều kiện để yếu tố nguồn nhân lực sản xuất gốm sứ ở Kyoto phát triển trong hiện tại và cả tương lai.

Bảng 2.6: Cơ cấu về độ tuổi lao động ngành sản xuất gốm sứ thành phố Kyoto – Năm 1981²⁷

Quy mô	Dưới 20	Độ tuổi 20	Độ tuổi 30	Độ tuổi 40	Độ tuổi 50	Độ tuổi 60	Tổng	Tổng
4> người	1 (0.9%)	30 (25.9%)	29 (26.0%)	28 (24.1%)	16 (13.8%)	12 (10.3%)	116 (100%)	66
5~9 người	16 (5.6%)	80 (28.2%)	58 (20.4%)	61 (21.5%)	49 (17.3%)	20 (7.0%)	284 (100%)	52
10~19 người	1 (0.7%)	30 (20.5%)	40 (27.4)	31 (21.2%)	21 (14.4%)	23 (15.8%)	146 (100%)	13
20~49 người	5 (3.6%)	28 (20.0%)	24 (17.1%)	30 (21.4%)	34 (24.3%)	19 (13.6%)	140 (100%)	5
Tổng	23 (3.4%)	168 (24.4%)	151 (22.0%)	150 (21.9%)	120 (17.5%)	74 (10.8%)	686 (100%)	136

2.1.9. Phong trào bảo tồn và phát triển nghệ gốm truyền thống tại Kyoto

Từ thời Đại Chính trở đi, sản xuất gốm sứ ở Kyoto (bao gồm phát triển chất lượng sản phẩm; Đa dạng mẫu mã và tăng cường các hoạt động thương mại) được phát triển song song với các hoạt động bảo tồn kỹ nghệ truyền thống. Các thể hệ của những thợ gốm Kyo cùng với việc nghiên cứu các phương pháp kỹ thuật sản xuất mới, còn có nhiệm vụ giữ gìn các phương thức sản xuất gốm truyền thống. Các sản phẩm gốm Kyo tuy được sản xuất ra với số lượng không thật nhiều nhưng đều dựa trên tiêu chuẩn kỹ thuật cao. Không những thế, các sản phẩm gốm Kyo thời kỳ này bên cạnh kế tục phong cách truyền thống còn tạo ra cảm giác tươi mới, hiện đại, phong cách mạnh mẽ và mang dấu ấn cá nhân rất cao. Những người thợ thủ công ở

²⁷ 京都陶磁器協同組合連合会

“京都経栄実態調査”

Kyoto đã hoàn toàn dốc sức với công việc làm gốm, không dựa vào máy móc để tạo ra những sản phẩm vừa mang tính thẩm mỹ, vừa mang tính nghệ thuật và còn mang đến niềm vui cho người sử dụng nó.

Trong thời gian cuộc chiến tranh châu Á – Thái Bình Dương diễn ra (1937 – 1945), nguồn nguyên liệu sản xuất gốm sứ truyền thống như đất sét, cao lanh, thạch cao, gỗ thông hay màu men vẽ gốm đều rất khan hiếm khiến hoạt động sản xuất gốm sứ tại các địa phương trên khắp nước Nhật, trong đó có Kyoto lâm vào tình trạng khó khăn trong nhiều năm.

Nhằm phục hồi và phát triển sản xuất gốm sứ truyền thống, Kyoto – phát huy vai trò của kinh đô gốm sứ Nhật Bản trong việc bảo tồn và phát triển kỹ nghệ làm gốm – hòa cùng không khí với các địa phương sản xuất gốm sứ khác trên cả nước đã phát động nhiều phong trào, mà tiêu biểu trong đó, không thể không kể tới phong trào “Thủ công dân gian” (民藝運動) do Yanagi Muneyoshi (柳宗悦; 1889-1961) khởi xướng vào năm 1926 và được Kawai Kanjiro (1890-1966) phát triển tại Kyoto.

Kawai Kanjiro (1890-1966) sinh ra tại thành phố Yasugi, tỉnh Shimane, là con thứ trong một gia đình thợ mộc. Ông tốt nghiệp khoa gốm sứ trường cao đẳng công nghiệp Tokyo. Trong thời gian theo học tại đây, ông đã quen biết với Hamada shoji²⁸ - người sau này là đồng nghiệp với ông ở Viện nghiên cứu gốm sứ Kyoto và nghiên cứu tới hơn 10000 loại men gốm cổ của Trung Quốc và Triều Tiên. Sau này, thông qua Hamada, ông đã tham gia vào phong trào thủ công dân gian do Yanagi khởi xướng và trở thành một trong những hạt nhân của phong trào này với vai trò là một thợ gốm. Điều mà Kawai Kanjiro muốn những người dân Nhật Bản thấy được chính là "vẻ đẹp sử dụng" (用の美) của những sản phẩm gốm Kyo truyền thống. Năm 1936, ông trở thành Ủy viên ban quản trị của Bảo tàng thủ công dân gian Nhật Bản và đã đóng góp vào bảo tàng những bộ sưu tập gốm sứ có giá trị của mình. Dù được phong làm Nghệ nhân quốc bảo đồng thời được đề nghị giữ chức vị Ủy viên

²⁸ 濱田 庄司 (1894 – 1978) – Một trong những nhân tố chủ chốt của phong trào Thủ công dân gian Nhật Bản – Được biết đến như người có công lớn trong việc đưa Mashiko trở thành một trong những địa danh nổi tiếng nhất về đồ gốm sứ truyền thống hiện nay ở khu vực Kanto, Nhật Bản

Viện nghệ thuật quốc gia nhưng ông đã từ chối. Cho đến cuối đời, ông vẫn không ngừng sáng tạo để truyền niềm đam mê nghệ thuật gốm tới cho mọi người thông qua những tác phẩm của mình.



Hình 2.1: Bình gốm (28,8cm) - - tác giả Kawai Kanjiro Giải thưởng của Triển lãm nghệ thuật quốc tế Grand Prix ở Milano, Ý năm 1973.²⁹

Nơi ông mở lò gốm ở dốc Gojo trước đây hiện nay đã được sửa chữa trở thành Bảo tàng kỉ niệm về Kawai Kanjiro do gia đình ông quản lý – Đây cũng là nơi có ý nghĩa rất lớn trong việc bồi dưỡng tình yêu gốm Kyo truyền thống với những người dân Kyoto nói riêng và những người dân Nhật Bản nói chung.

Nhờ có hoạt động truyền bá tích cực của Kawai Kanjiro mà sau khi "Hiệp hội thủ công dân gian Nhật Bản" được thành lập vào năm 1934 thì đến năm 1947, Hiệp hội thủ công dân gian Kyoto cũng được thành lập³⁰ nhằm thúc đẩy phong trào Mingei ở địa phương phát triển. Với những hoạt động được tổ chức thường xuyên như: Các hội nghị; Các khóa học mùa hè; Các buổi tham quan học tập tới các lò xưởng sản xuất sản phẩm thủ công truyền thống; Tìm kiếm và phục hồi những công nghệ thủ công truyền thống và dựa trên cơ sở đó để nghiên cứu phát triển những kỹ thuật mới phù hợp với thời đại... Hội đã thực sự trở thành chỗ dựa vững chắc cho phong trào Mingei ở Kyoto nói chung và nhất là gốm sứ truyền thống Kyoto nói riêng. Bên cạnh đó, Hội cũng có mối liên hệ chặt chẽ các hội, nhóm thủ công truyền

²⁹ <http://www.mingeikan.or.jp>

³⁰ 京都民藝協会

thống trên toàn quốc như "Hiệp hội thủ công dân gian Nhật Bản " cùng 33³¹ cơ sở của Hiệp hội trên toàn nước Nhật; Bảo tàng "Thủ công dân gian Nhật Bản"³²; Các hiệp hội gốm sứ tại các địa phương trên toàn quốc... Đây là một trong những yếu tố thuận lợi để giới thiệu rộng rãi các sản phẩm gốm sứ truyền thống Kyoto tới công chúng cả nước.

Cùng với sự mở đầu của phong trào thủ công dân gian do Yanagi Muneyoshi khởi xướng, dưới sự phát triển của Kawai Kanjiro mà phong trào phát triển nghề thủ công truyền thống trong đó có nghề gốm sứ truyền thống ở Kyoto phát triển mạnh mẽ với sự ra đời của hàng loạt các Hội; Nhóm; Tổ chức đoàn thể dưới nhiều hình thức. Cũng theo đó thì các sự kiện, các cuộc triển lãm hay hội chợ gốm sứ tại Kyoto cũng được tổ chức thường xuyên nhằm tạo đà giới thiệu gốm sứ Kyo đến đông đảo người dân trong và ngoài nước.

Vào năm 1947, Tomimoto Kenkichi đã thành lập ra “Tân Tượng Hội” (Shinshoukai) để vận động cho phong trào sáng tạo gốm sứ mỹ nghệ và mở các cuộc triển lãm gốm sứ hàng năm.

Cũng vào năm này, Yagi Kazuo (1918 – 1979) đã tập hợp những tác giả trẻ nhiệt tình vào “Tẩu Nê Hội” (Soudeisha) và thành lập hội “Nghiên cứu gốm sứ tiên phong” hay nói cách khác là nghiên cứu sáng tạo ra những sản phẩm gốm sứ mỹ nghệ trang trí độc đáo trên khắp nước Nhật.

Dưới sự chủ trì của gia đình Kiyomizu Rokubei vào năm 1947, hội “Các tác gia gốm sứ Kyoto” cũng đã được thành lập. Hội này thành lập dựa trên sự đồng lòng nhất trí của 30 gia đình sản xuất gốm truyền thống ở Kyoto cùng chuyên tâm nghiên cứu, sản xuất gốm sứ truyền thống và mở hội nghị báo cáo thành quả mỗi năm. Cho đến nay, Hội đã mở rộng lên tới 40 dòng họ tham gia hoạt động sáng tạo sản xuất gốm sứ truyền thống tại Kyoto.

Vào thời kỳ sau thế chiến thứ II, do Nhật Bản bị kiệt quệ và tàn phá nặng nề, phải quay về xuất phát điểm xây dựng lại đất nước nên việc phổ biến và khôi phục

³¹ <http://www.mingeikan.or.jp>

³² 日本民藝館

các nghề thủ công truyền thống không hỗ trợ được gì cho Nhật Bản trong công cuộc phục hồi kinh tế, kiến thiết đất nước. Chính vì vậy mà thời gian này, tại các địa phương sản xuất gốm sứ truyền thống Nhật Bản nói chung và ở Kyoto nói riêng, phong trào bảo tồn và phát triển gốm sứ truyền thống cũng bị quên lãng. Để đến khoảng mười năm sau chiến tranh, khoảng vào những năm 1955 khi mà những bất ổn sau chiến tranh đã chấm dứt, văn hóa Nhật Bản đang có sự biến chuyển mạnh mẽ thì tại Mỹ, một trào lưu tìm hiểu và lý giải những triết lý mỹ học Nhật Bản như Wabi và Sabi... lại bùng nổ mạnh mẽ. Những khách du lịch Âu Mỹ đổ tới Nhật Bản trong đó có kinh đô gốm sứ Kyoto để tìm hiểu về nền văn hóa Á Châu đặc sắc này. Đây chính là động lực thúc đẩy những mặt hàng thủ công như gốm Kyo phát triển. Cho tới thời điểm này, khi những món đồ gốm Kyo truyền thống của Nhật Bản trở thành những món đồ sưu tập yêu thích của những vị khách du lịch nước ngoài thì ý nghĩa của nó là "vẻ đẹp sử dụng" không còn được giữ nguyên như trong phong trào "thủ công dân gian" do Kawai Kanjiro phát triển tại Kyoto nữa mà chủ yếu là những món đồ gốm mỹ nghệ để trang trí. Nhưng cũng không thể phủ nhận rằng sau hơn 30 năm phát động phong trào tại Kyoto, các sản phẩm thủ công truyền thống Kyoto – nổi bật trong đó là các sản phẩm gốm Kyo truyền thống với sức sống của nó lại một lần nữa thu hút được sự quan tâm chú ý của mọi người dân không chỉ trong nước mà cả quốc tế. Kyoto lại tiếp tục phát huy chức năng văn hóa của mình trong việc bảo tồn và phát triển những kỹ năng làm gốm truyền thống. Bên cạnh những Hội, Nhóm gốm sứ truyền thống cũ tiếp tục được đẩy mạnh hoạt động thì cũng có rất nhiều tổ chức mới ra đời. Năm 1952, Kusubei Yaichi (1897 – 1984)³³ – đã tập hợp các thợ gốm trẻ tài năng ở Kyoto vào “Thanh Đào Hội” (Seitoukai) và tổ chức các cuộc triển lãm gốm sứ hàng năm. Tuy đến nay, hội đã giải tán nhưng nó cũng góp

³³ Kusubei Yaichi (1897 – 1984) là thợ gốm nổi tiếng thời Showa. Sau chiến tranh thế giới II, ông đã cùng với một thợ gốm nổi tiếng khác là Ito Touzan phục hồi thành công dòng gốm sứ Awata ở Kyoto (Một trong những dòng gốm Kiyomizu cổ vào thế kỷ XVII ở khu vực Awatguchi). Ông cũng là một trong những thành viên chủ chốt của Tổ chức hợp tác nghệ thuật lớn nhất Nhật Bản Nitten (1907~). Đặc biệt, ông còn được trao tặng huân chương cống hiến văn hóa - Là một trong những tác gia gốm sứ đạt giải thưởng danh giá nhất. Đáng tiếc là dòng gốm sứ Awata ông cùng Touzan phục hồi đã bị thất truyền sau khi Touzan qua đời năm 1970 ở tuổi 70 và Yaichi mất năm 1984 ở tuổi 87.

phần rất lớn vào phong trào phát triển sản xuất gốm sứ truyền thống ở Kyoto lúc bấy giờ.

Thêm nữa, các hội nhóm nhỏ như “Nhật Bản công nghệ hội” (Nihon kougeikai) ; “Hiệp hội các tác gia gốm sứ truyền thống Kyoto” (京都伝統陶芸家協会); “Nhóm các tác gia gốm nữ”(女流陶芸集団); “Hội thanh niên gốm sứ Kyoto” (京都陶磁器青年会)...đồng loạt ra đời cùng với việc tổ chức các cuộc triển lãm gốm sứ truyền thống thường niên ở Kyoto cũng khiến cho phong trào bảo tồn và phát triển gốm sứ truyền thống ở Kyoto phát triển mạnh mẽ.

Năm 1981, Hiệp hội thủ công dân gian Kyoto đã khai trương Bảo tàng tư liệu nghệ thuật dân gian Kyoto (京都民芸資料館) – Là nơi lưu giữ rất nhiều sản phẩm thủ công truyền thống – trong đây có rất nhiều sản phẩm gốm Kyo truyền thống. Cho đến nay, bảo tàng vẫn hoạt động và mở cửa đều đặn vào ngày chủ nhật thứ ba mỗi tháng (trừ mùa xuân và mùa thu).

Như vậy, từ sau thời kỳ Minh Trị, cùng với sự ra đời và phát triển của rất nhiều các Hội, Nhóm tập hợp các thợ thủ công truyền thống Kyoto nói chung và thợ gốm Kyoto nói riêng đã tạo nên một bầu không khí bảo tồn nghề gốm sứ truyền thống rất sôi động ở Kyoto. Đây là điều kiện rất thuận lợi để nghề gốm sứ truyền thống ở Kyoto tiếp tục phát triển – đi đầu phong trào bảo tồn và phát triển gốm sứ truyền thống trên cả nước. Thế hệ các thợ gốm sứ mới ở Kyoto cùng với các sản phẩm sáng tạo của mình đã thổi một luồng gió mới vào nền sản xuất gốm sứ thủ công mỹ nghệ truyền thống. Những tác phẩm gốm Kyo được tạo ra trong thời kỳ này không chỉ giành được các giải thưởng lớn trong nước mà còn đem gốm sứ Kyoto đến với thị trường thế giới.

2.2. Chính sách bảo tồn và phát triển gốm sứ Kyo truyền thống

2.2.1. Cơ sở pháp lý bảo tồn và phát triển gốm sứ Kyo truyền thống

Từ cuối thời Minh Trị, cùng với sự phát triển của các hội, nhóm, đoàn thể tập hợp các thợ thủ công ở Kyoto đã tạo nên một môi trường thuận lợi cho công tác bảo

tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống nói chung và gốm sứ nói riêng ở địa phương. Trên cơ sở đó, Phủ và thành phố Kyoto cũng đã sớm có những động thái nhằm bảo tồn và phát triển nguồn lực nghề truyền thống tại địa phương mình. Vào năm 1896, thành phố Kyoto đã thành lập “Viện thử nghiệm gốm sứ thành phố Kyoto” (京都市陶磁器試験所) – Đây là nơi tiến hành các nghiên cứu kỹ thuật gốm sứ, vật liệu gốm và thử nghiệm sản phẩm ...Hay Viện đào tạo gốm sứ thành phố Kyoto (京都市陶磁器講習所) được thành lập từ năm 1926 dưới sự chỉ đạo của thành phố Kyoto - Là cơ quan giữ vai trò đào tạo đội ngũ kế cận cho công nghiệp gốm sứ truyền thống... Tuy nhiên, giai đoạn này, công tác bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống nói chung và gốm sứ truyền thống nói riêng được tiến hành ở Phủ và thành Phố Kyoto vẫn còn khá rời rạc, chưa có những cơ sở pháp lý để xây dựng những kế hoạch cụ thể dài hơi. Các công tác chi viện, hỗ trợ về kỹ thuật, vốn và giáo dục đào tạo... của chính quyền Kyoto với công tác bảo tồn và phát triển thủ công truyền thống vẫn chủ yếu dựa trên sự kết hợp, hỗ trợ cho các phong trào bảo tồn nghề truyền thống do các cá nhân hoặc đoàn thể thủ công truyền thống ở địa phương. Phải đến những năm 1950 Luật bảo tồn di sản văn hóa ra đời và nhất là sự ra đời của Luật Phát triển nghề thủ công truyền thống năm 1974 thì công tác bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống nói chung và gốm Kyo nói riêng mới thực sự nhận được sự quan tâm đúng mức.

2.2.1.1. Luật bảo tồn di sản văn hóa

Những năm sau chiến tranh, do đất nước bị tàn phá nặng nề, mọi nguồn lực đều dồn vào việc phục hồi nền kinh tế nước nhà đã khiến những nghề thủ công truyền thống ở Nhật Bản lần lượt bị rơi vào quên lãng. Bước sang những năm 1950, cuộc chiến tranh Triều Tiên như những cơn gió thần kỳ thổi vào nền kinh tế Nhật Bản khiến Nhật Bản hồi phục nhanh chóng. Cùng với nền kinh tế phát triển cao, đời sống của người dân Nhật Bản cũng dần dần được cải thiện. Tuy nhiên, sự sản xuất hàng loạt và tiêu dùng ồ ạt của nền kinh tế thị trường đang đe dọa nghiêm trọng tới các nghề thủ công truyền thống Nhật Bản. Nhu cầu về hàng thủ công truyền thống ngày càng giảm sút. Các kỹ thuật thủ công vốn được truyền từ thế hệ này qua thế hệ

khác cũng dần bị mai một do không có người thừa kế. Các nghề thủ công truyền thống ở Nhật Bản đang lâm vào tình trạng khó khăn.

Thế nhưng, trong lúc sự ảnh hưởng mạnh mẽ của văn hóa Âu Mỹ đang bao trùm lên toàn xã hội Nhật Bản thì phong trào tìm hiểu về nền văn hóa truyền thống ở các nước Á Đông như Nhật Bản lại đang dâng cao mạnh mẽ tại Mỹ và các nước châu Âu khác. Trước thực trạng đó, chính phủ Nhật Bản đã dần dần nhận thức được vị thế quan trọng của các nghề thủ công truyền thống đang bị mai một. Không chỉ có vậy, phong trào thủ công dân gian do những tri thức trẻ Nhật Bản như Yanagi Muneyoshi, Kawai Kanjiro hay Hamada Shoji...khởi xướng từ những năm 1926 đã thực sự trở thành một phong trào mạnh mẽ trong cả nước, thu hút được sự chú ý của đông đảo quần chúng nhân dân.

Chính vì nhận thức được vai trò của nghề thủ công truyền thống trong thời kỳ mới và cũng để đáp ứng nhu cầu nguyện vọng của nhân dân, chính phủ Nhật Bản đã có những chính sách và biện pháp thích hợp nhằm bảo tồn và phát triển các nghề thủ công truyền thống ở Nhật Bản.

Năm 1950, ***Luật bảo tồn di sản văn hóa*** đã được ban hành với việc xếp các tác phẩm thủ công truyền thống có giá trị vào hạng mục tài sản văn hóa hữu hình, được bảo hộ theo quy định của "***Luật bảo tồn các báu vật quốc gia***" từ thời Minh Trị. Bên cạnh đó, luật cũng đưa ra thêm khái niệm về di sản văn hóa tinh thần và theo đó, các kỹ nghệ thủ công truyền thống được công nhận sẽ nhận được kinh phí hỗ trợ để bảo tồn: "Kịch, âm nhạc, kỹ nghệ thủ công và các hình thức văn nghệ truyền thống khác là những tài sản văn hóa có giá trị cao về mặt lịch sử và nghệ thuật - được gọi là " di sản văn hóa tinh thần" (Điều 2 của Luật). [8, tr.109]. Đến luật sửa đổi ban hành năm 1954 đã bổ sung thêm những quy định về tiêu chuẩn công nhận di sản văn hóa tinh thần quan trọng của quốc gia. Quy định này gồm 3 yếu tố sau: 1) Có giá trị nghệ thuật cao; 2) Có vị trí quan trọng trong lịch sử văn nghệ dân gian hoặc nghề thủ công truyền thống; 3) Bên cạnh giá trị về mặt nghệ thuật và vị trí lịch sử, đó phải là những kỹ năng nghệ thuật hoặc kỹ xảo nghề thủ công mang tính đặc sắc của một trường phái nào đó hoặc một địa phương nào đó.

Đồng thời, luật sửa đổi cũng công nhận danh hiệu "Người làm công tác bảo tồn" hay "Nghệ nhân quốc bảo" (人間国宝). Và đến bộ luật bổ sung năm 1975 đã cho phép thực hiện chế độ "Đoàn thể làm công tác bảo tồn". Theo đó, những người làm công tác bảo tồn và đoàn thể làm công tác bảo tồn sẽ được hỗ trợ chi phí để thực hiện công việc bảo tồn. Dựa trên Luật, cho tới 1/3/2007, có 43 nghệ nhân thủ công truyền thống được nhận danh hiệu "người làm công tác bảo tồn di sản văn hóa tinh thần quan trọng" và 14 đoàn thể được công nhận là "đoàn thể làm công tác bảo tồn kỹ nghệ thủ công truyền thống". Đến năm 2012 đã có 140 thợ thủ công truyền thống được nhận danh hiệu "Nghệ nhân Quốc bảo"³⁴ - Trong đó có hai nghệ nhân gồm Kyo là KondoYuzo³⁵ và Kusubei Yaichi³⁶. Ngoài ra còn có nhiều tác phẩm gốm sứ, trong đó có các tác phẩm gốm Kyo được công nhận là tài sản văn hóa quốc gia quan trọng và Quốc Bảo như tác phẩm bình đựng nước pha trà họa tiết hoa tử đằng của Nonomura Ninsei được công nhận là Quốc bảo hiện đang được lưu giữ và trưng bày tại Bảo tàng Quốc gia Tokyo....

Luật bảo tồn di sản văn hóa ra đời năm 1950 và các Luật sửa đổi cùng với việc đưa ra khái niệm "Di sản văn hóa tinh thần" thực sự đã tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo lưu và kế thừa một bộ phận di sản văn hóa quý báu của dân tộc. Đây cũng là điều kiện rất thuận lợi để trên cơ sở đó, Chính quyền Phủ Kyoto đã sớm thể hiện vai trò của mình trong việc ban hành *Quy định về bảo tồn di sản văn hóa của Phủ Kyoto*³⁷ dựa trên Luật bảo tồn di sản văn hóa – theo đó có nêu rõ về thẩm quyền của Phủ trong việc chỉ định tài sản văn hóa hữu hình và tài sản văn hóa phi vật thể (trong đó có bao gồm các kỹ nghệ thủ công truyền thống); Chỉ định về Đoàn thể bảo tồn và người làm công tác bảo tồn của Phủ Kyoto. Theo chương 2, điều 7 của bản Quy định, Phủ cũng giao cho Hội đồng giáo dục Kyoto (京都府教育委員会)³⁸ chịu trách nhiệm trực tiếp về vấn đề này. Ngoài ra, theo

³⁴ <http://www.mext.go.jp/>

³⁵ 近藤悠三 (1902 – 1985) : Là nghệ nhân gốm sinh ra ở Kyoto – nổi tiếng với kỹ thuật tạo hình gốm bằng bàn xoay

³⁶ 楠部 彌式 (1897- 1984): Là nghệ nhân gốm sinh ra ở Kyoto – được coi là bậc thầy về men gốm và trang trí trên men sứ Kyo. Ông được nhận huân chương văn hóa năm 1978

³⁷ http://www.pref.kyoto.jp/reiki/reiki_honbun/a3000872001.html

³⁸ <http://www.pref.kyoto.jp/>

điều lệ sửa đổi năm 2005, điều 24 có quy định về việc Hội đồng giáo dục Phủ Kyoto sẽ là đơn vị ra thông báo cũng như lên kế hoạch về hỗ trợ kinh phí bảo tồn các di sản văn hóa hữu hình và công tác đào tạo kỹ nghệ truyền thống trong đó có các nghề thủ công truyền thống. Theo như quy định, các khoản kinh phí hỗ trợ này không vượt quá 1/2 chi phí cho công tác bảo tồn hay đào tạo thể hệ kế cận – sẽ được trích từ kinh phí bảo tồn tài sản văn hóa Quốc Gia và một phần từ quỹ bảo tồn văn hóa của Phủ Kyoto. Phủ Kyoto cũng chỉ định hai cơ quan bảo vệ tài sản văn hóa của Phủ là Bảo tàng quốc gia Kyoto (京都国立博物館) và Bảo tàng mỹ thuật cận đại quốc gia Kyoto (京都国立近代美術館). Đây chính là những nền tảng ban đầu tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống nói chung và gốm sứ truyền thống nói riêng tại Kyoto. Cũng từ đây, rất nhiều chính sách, kế hoạch, văn bản... đã được Phủ và thành phố Kyoto đưa ra nhằm phát huy nguồn lực thủ công truyền thống của địa phương, đóng góp vào sự phát triển của Phủ Kyoto nói chung và thành phố Kyoto nói riêng.



Hình 2.2: Bình đựng nước pha trà họa tiết hoa tử đằng của Nonomura Ninsei³⁹

2.2.1.2. Luật phát triển nghề thủ công truyền thống

Tuy Luật bảo tồn di sản văn hóa đã đặt cơ sở cho việc bảo tồn các di sản văn hóa quan trọng, trong đó có các sản phẩm thủ công truyền thống có giá trị nghệ

³⁹ 絵藤花茶壺, <http://www.moaart.or.jp/collection/japanese-ceramics170/>.

thuật cao và các kỹ nghệ thủ công truyền thống, nhưng các biện pháp chấn hưng và phát triển các nghề thủ công truyền thống vẫn chưa được nhắc tới. Nhằm góp phần đẩy mạnh hơn nữa công tác bảo tồn và phát triển các nghề thủ công truyền thống ở Nhật Bản và cũng là để nâng cao đời sống văn hóa của người dân địa phương, đồng thời góp phần thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển, vào năm 1974, Luật Phát triển nghề thủ công truyền thống, gọi tắt là Luật nghề truyền thống (伝産法) đã được ban hành. Luật gồm 32 điều nêu rõ mục đích, nguyên tắc xác định sản phẩm thủ công truyền thống, những hướng dẫn cơ bản, các kế hoạch khôi phục, phát triển và hỗ trợ các nghề thủ công truyền thống. Ngoài ra còn có các quy định về kinh phí hỗ trợ, đảm bảo tài chính, thuế và những hình phạt với những ai vi phạm luật...

Đóng góp quan trọng nhất của Luật Phát triển nghề thủ công truyền thống trước hết phải kể tới 5 quy tắc xác định sản phẩm thủ công truyền thống theo điều 2 khoản 1 bao gồm:

- 1) Các sản phẩm thủ công truyền thống là những sản phẩm được sử dụng trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày.
- 2) Các công đoạn sản xuất chính của sản phẩm thủ công phải được làm bằng tay.
- 3) Là những sản phẩm được làm ra bằng những phương pháp hoặc kỹ thuật truyền thống có lịch sử 100 năm trở lên.
- 4) Nguyên liệu dùng để chế tạo các sản phẩm là nguyên liệu có tính truyền thống.
- 5) Là những sản phẩm được sản xuất ở một khu vực nhất định, trong đó có ít nhất mười cơ sở trở lên hoặc ít nhất 30 người theo nghề.

Dựa trên những quy tắc này, Bộ Công thương Nhật Bản đã công nhận 31 loại gốm sứ ở 22 tỉnh tại Nhật Bản là sản phẩm thủ công truyền thống.⁴⁰ Đây cũng chính là cơ sở cho các địa phương trong việc thực hiện các kế hoạch, biện pháp nhằm bảo tồn và phát triển nghề gốm sứ truyền thống tại địa phương mình. Ngày 30 tháng 3 năm 1977 sản phẩm gốm Kyo – Kiyomizu cũng đã được bộ công thương Nhật Bản công nhận là sản phẩm thủ công truyền thống.

⁴⁰ <http://www.kougei.or.jp/>

Ngoài ra thì luật cũng đưa ra danh hiệu Thợ thủ công truyền thống (伝統工芸士). Cho đến năm 2016 thì 78 thợ gồm Kyo được nhận danh hiệu này (Trong đó có 17 người đã qua đời) (xem danh sách phụ lục 2)



Hình 2.3: Con dấu xác định sản phẩm thủ công truyền thống theo quy định của Bộ công thương Nhật Bản⁴¹

Bên cạnh đó, Luật cũng nêu rõ rằng các sản phẩm thủ công truyền thống đều mang đậm nét đặc trưng của địa phương và là nhân tố quan trọng trong việc phát triển kinh tế ở địa phương hiện nay. Do vậy, chính quyền địa phương chính là người bảo lãnh cho các sản phẩm thủ công truyền thống ở địa phương mình. Cơ chế này được tạo lập chính là để có sự phối hợp chặt chẽ giữa Chính quyền trung ương và địa phương.

Điều 6 của luật cũng nêu lên kế hoạch phát triển nghề thủ công truyền thống và dựa trên cơ sở này, các biện pháp cụ thể như hỗ trợ kinh phí, đào tạo người kế nghiệp hay những hoạt động tiếp cận thị trường... đã được đưa ra nhằm phát triển hơn nữa các nghề thủ công truyền thống ở Nhật Bản. Kế hoạch phát triển nghề thủ công truyền thống theo Luật định bao gồm những hoạt động chủ yếu sau đây:

- 1) Những hoạt động liên quan đến đào tạo đội ngũ kế nghiệp và đảm bảo số người theo nghề.
- 2) Những hoạt động liên quan đến kế thừa và cải tiến các phương pháp, kỹ thuật truyền thống nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm.

⁴¹ <http://kougeihin.jp/>

- 3) Tiến hành những hoạt động nghiên cứu về nguồn nguyên liệu và đảm bảo nguồn nguyên liệu.
- 4) Những hoạt động liên quan đến khai thác nhu cầu
- 5) Những hoạt động liên quan đến cải thiện môi trường sản xuất và nơi sản xuất.
- 6) Những hoạt động hợp tác trong sản xuất, kinh doanh và thu mua nguyên vật liệu.
- 7) Những hoạt động nhằm cung cấp những thông tin chính xác cho người tiêu dùng về chất lượng sản phẩm.
- 8) Những hoạt động liên quan tới phúc lợi xã hội của những người thợ thủ công đang theo nghề, những thợ thủ công cao tuổi và những nghệ nhân khác.
- 9) Những hoạt động khác nhằm phát triển nghề thủ công truyền thống ở Nhật Bản.

Ngoài ra, **Hiệp hội nghề thủ công truyền thống** (gọi tắt là Hiệp hội nghề truyền thống - 伝産協会) cũng đã được thành lập vào năm 1975 theo điều 23 và 24 của **Luật phát triển nghề thủ công truyền thống**. Hội chính là cơ quan hạt nhân của sự nghiệp khôi phục và phát triển các nghề thủ công truyền thống hiện nay ở Nhật Bản.

Năm 1992 và năm 2001, luật sửa đổi Phát triển nghề thủ công truyền thống cũng có quy định thêm về các kế hoạch hợp tác phát triển giữa các cơ sở sản xuất, giữa các địa phương... các kế hoạch chi viện và các chính sách trợ giúp cho vay vốn cũng được mở rộng hơn. Tổng mức bao cấp quy định để phát triển ngành nghề thủ công truyền thống vào khoảng 1 tỷ yên / 1 năm. [8, tr.124]

Như vậy, cùng với Luật Bảo tồn di sản văn hóa, Luật Phát triển nghề thủ công truyền thống ở Nhật Bản ban hành năm 1974, qua hai lần bổ sung và chỉnh sửa vào năm 1992 và 2001, cho đến nay đã hơn ba mươi năm, Luật vẫn có hiệu lực và chứng tỏ được vai trò quan trọng của nó trong việc phát triển và bảo tồn nghề thủ công truyền thống ở Nhật Bản hiện nay. Luật Bảo tồn di sản văn hóa cùng với Luật phát triển nghề thủ công truyền thống chính là cơ sở pháp lý vững chắc để từ đây, các địa phương trên khắp nước Nhật nói chung và địa phương sản xuất gốm sứ như Kyoto nói riêng bắt đầu đưa ra những điều lệ, chính sách, các kế hoạch... phù hợp nhằm phát triển các sản phẩm thủ công truyền thống mang nét đặc trưng của địa

phương mình. Đây cũng là nhân tố quan trọng trong việc góp phần phát triển năng động kinh tế ở địa phương Nhật Bản hiện nay.

2.2.2. Hoạt động bảo tồn và phát triển gốm Kyo truyền thống tại địa phương: Chính sách và thực hiện

2.2.2.1. Về phía Phủ Kyoto

Công tác bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống nói chung và nghề gốm sứ truyền thống nói riêng vốn đã được Phủ Kyoto chú trọng từ rất sớm, khi còn chưa có Luật bảo tồn di sản văn hóa hay Luật phát triển nghề thủ công truyền thống.

Về giáo dục, Phủ Kyoto từ năm 1946 đã thành lập Trường chuyên đào tạo thợ gốm của Phủ Kyoto (京都府立陶工専修訓練校) nhằm phổ biến các kỹ thuật làm gốm cơ bản cho thợ gốm Kyoto. Cho đến nay, trường đã cung cấp hàng nghìn thợ gốm có tay nghề cao tại địa phương. Do chính sách của Phủ miễn học phí cho người theo học tại trường nên hàng năm, trên cả nước, số lượng đơn xin ứng tuyển gửi đến trường đều gấp 3, 4 lần số lượng yêu cầu. Trong cùng năm này, Phủ Kyoto cũng đã chỉ đạo thành lập “Viện gốm sứ Phủ Kyoto” (京都府陶工補導所). Đây là nơi thực hiện chức năng giáo dục, đào tạo đội ngũ kế cận cho công nghiệp gốm sứ truyền thống của Phủ. Viện qua nhiều lần cải cách và thay đổi cơ cấu chính là tiền thân của trường cao đẳng kỹ thuật gốm phủ Kyoto (京都府立陶工高等技術専門校) – Cơ quan chức năng về giáo dục đào tạo thợ gốm truyền thống hiện nay của Phủ. Cùng với Trường chuyên đào tạo thợ gốm của Phủ Kyoto (京都府立陶工専修訓練校) và khoa gốm sứ của Trường đào tạo nghề truyền thống Kyoto (京都伝統工芸大学校) sau này đã tạo thành cơ sở giáo dục, đào tạo thế hệ thợ gốm kế cận của Kyoto ngày nay.

Về công tác phát triển kỹ thuật thì từ năm 1947, Phủ đã thành lập “Viện nghiên cứu mỹ thuật công nghệ tổng hợp phủ Kyoto” (京都府工芸美術総合研究所 – hiện nay viện đã giải thể) với chức năng chính là hướng dẫn, chỉ đạo sản xuất, lập kế hoạch bảo tồn và phát triển công nghiệp truyền thống ở địa phương. Đến năm 1950 Hội liên hiệp hợp tác xã gốm sứ Kyoto (京都陶磁器協会組合連合会) lập xưởng làm đất gốm dưới sự chi viện của Phủ. Những cơ sở này đã đóng góp rất

lớn cho công tác phục hồi công nghiệp sản xuất gốm Kyo truyền thống sau chiến tranh.

Cần phải đề cập đến vai trò rất lớn của Phủ trong việc ứng phó với tình trạng ô nhiễm môi trường bằng việc thay thế lò nung bậc thang thành lò gas và lò điện vào năm 1971 với việc thi hành điều luật chống ô nhiễm ở địa phương. Kết quả là ở các phố gốm sứ ở Kyoto bắt đầu là khu Gojo, Hiyoshi và tennyuji .. các lò nung leo dần tắt lửa. Đây cũng là một bước ngoặt rất lớn về kỹ thuật lò nung đối với công nghiệp gốm sứ truyền thống ở địa phương.

Về mặt thành lập tổ chức hỗ trợ Phủ cũng đóng góp vai trò rất lớn trong việc đứng ra hợp nhất Hợp tác xã gốm Kiyomizu (清水陶磁器協同組合 – Thành lập tháng 7 năm 1949); Hợp tác xã gốm sứ Touzan (東山陶磁器協同組合 – Thành lập năm 1949 và Hợp tác xã Tougi (陶技協同組合) vào tháng 9 năm 1951 thành hợp tác xã gốm sứ phủ Kyoto (京都府陶磁器協同組合) – Tổ chức ra đời nhằm mục đích hỗ trợ thiết bị, nguyên vật liệu, vốn và thị trường thông qua sự hỗ trợ của Phủ Kyoto cho các cơ sở sản xuất vừa và nhỏ, nhằm thúc đẩy sản xuất gốm Kyo truyền thống ở địa phương.

Về công tác chi viện nguyên vật liệu cho các cơ sở sản xuất gốm, Phủ đã hỗ trợ Hội liên hiệp hợp tác xã gốm sứ Kyoto (京都陶磁器協同組合連合会)⁴² xây dựng xưởng tinh chế đất gốm ở phía nam khu Hiyoshi vào năm 1950. Đến năm 1952, nhờ tiền viện trợ của Chính Phủ và Phủ Kyoto mà xưởng gia công bột đất tại Fukakusha, khu Fushimi, thị trấn Hirata cũng được xây dựng. Các hội liên hiệp đã tiến hành sản xuất, tinh chế đất gốm cũng như tái chế, tiêu hủy rác thải và tạo ra thuốc nhuộm gốm chất lượng tốt để cung cấp cho Hội viên. Cũng thông qua đó, nhiều đơn vị là Hội viên đã trở thành trung gian cung cấp nguyên vật liệu gốm sứ cho các cơ sở sản xuất để kiếm lời. Hiện nay, việc cung cấp này vẫn diễn ra thường xuyên và những hiệp hội, hợp tác xã này cung cấp đến 80% nguyên liệu cho các cơ sở sản xuất gốm sứ ở Kyoto – góp phần tạo nên sự ổn định thị trường đất gốm ở Kyoto. [36, tr.193]

⁴² <http://www.kyoyaki.com/kamamoto/4-1-8.htm>

Đối với công tác phát triển thị trường, vào năm 1956, nhằm mục đích tạo mối liên kết chặt chẽ giữa sản xuất và phân phối sản phẩm gốm sứ mà hợp tác xã gốm sứ công thương (京都陶磁器商工協同組合)⁴³ đã được thiết lập ở khu Hiyoshi. Nhằm mục đích đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm thì mỗi năm, triển lãm mẫu mã gốm sứ cũng được tổ chức tại Kyoto do Hợp tác xã gốm sứ Kyoto đứng ra tổ chức (京都陶磁器後協同組合). Dưới sự viện trợ của phủ Kyoto và thành phố Kyoto, trên cơ sở đối tượng là các cơ sở sản xuất gốm sứ nhỏ lẻ trên toàn quốc, các nhà buôn gốm Kyo đã kết hợp với nhau để tổ chức các hội chợ giới thiệu mẫu gốm sứ mới. Những nhà buôn này lấy khu vực dốc Gojo làm trung tâm gồm khoảng 40 hộ sản xuất và buôn bán nhỏ.

Sự phát triển của nền kinh tế thị trường cùng với sự sản xuất hàng loạt, tiêu dùng ồ ạt và lối sống đô thị hiện đại hiện nay đã dần làm mất đi ý thức tiêu dùng truyền thống trong phần lớn dân chúng và làm ảnh hưởng không nhỏ tới ngành công nghiệp truyền thống nói chung và gốm sứ truyền thống nói riêng tại Kyoto. Trước tình hình này, trong những năm gần đây, dựa trên cơ sở pháp lý là Luật Nghề truyền thống qua hai lần bổ sung và chỉnh sửa vào năm 1992 và 2001, Phủ Kyoto đã đưa ra những chính sách mới nhằm phát triển năng động các ngành nghề truyền thống nói chung và gốm sứ truyền thống nói riêng của Phủ như sau:

1. Trẻ hóa các ngành nghề thủ công truyền thống của địa phương

Nhằm phát triển năng động nghề thủ công truyền thống ở địa phương, Phủ Kyoto đã đưa ra chính sách “Trẻ hóa nghề thủ công truyền thống” nhằm mở rộng nguồn nhân lực; Đa dạng mẫu mã sản phẩm; Kết hợp thủ công truyền thống địa phương với các ngành kinh tế khác như du lịch, dịch vụ để mở rộng thị trường; Mở rộng thêm các loại hình kinh doanh mặt hàng truyền thống mới và ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực công nghiệp truyền thống.

Về vấn đề nuôi dưỡng thế hệ trẻ cho công nghiệp truyền thống địa phương trước hết phải nói đến công tác đào tạo đội ngũ kế nghiệp của Phủ Kyoto. Vào tháng 10 năm 1989, Phủ Kyoto đã chỉ đạo thành lập “Xưởng thủ công Kyoto” (京都

⁴³ <http://www.eonet.ne.jp/~tougiki/>

職人工房 . Đây được coi là nơi nuôi dưỡng các nghệ nhân trẻ của phủ Kyoto trong hoạt động sáng tạo thủ công truyền thống trên nhiều lĩnh vực, tạo nên một mạng lưới liên kết giữa các nghệ nhân thủ công truyền thống ở Kyoto. Hiện nay, Xưởng thủ công phủ Kyoto còn là nơi cung cấp các dịch vụ đa dạng về đào tạo, tổ chức hội thảo, các buổi giảng, triển lãm các sản phẩm thủ công truyền thống...Xưởng thủ công Kyoto cũng liên kết chặt chẽ với các Hội, Nhóm, Đoàn thể và các tổ chức Chính Phủ trong việc hỗ trợ công tác bồi dưỡng, đào tạo và cung cấp nhân lực cho công nghiệp truyền thống trong đây có công nghiệp gốm sứ. Ta có thể tìm thấy trong danh sách hội viên của Xưởng có rất nhiều nghệ nhân gốm sứ trẻ tiêu biểu cùng các cửa hàng kinh doanh gốm Kyo – liên kết với nhau qua mạng lưới các trang Facebook cá nhân như Asano Yukiko; Noguchi Toshinobu; Hasegawa Tetsuya; Wakunami Madoka; Okayama Takahiro hay Hibata Yasuhisa...

Nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm thủ công truyền thống, mạng lưới bán hàng thủ công truyền thống được phát triển trên cơ sở kết hợp với các ngành dịch vụ, du lịch. Hiện nay, phủ Kyoto đã xây dựng được một mạng lưới các quầy hàng, cửa hàng giới thiệu sản phẩm thủ công truyền thống tại các khách sạn, chung cư, cửa hàng tiện lợi...trên khắp địa bàn Phủ. Đồng thời, Phủ cũng đưa ra chính sách nhằm thúc đẩy các hoạt động kinh doanh sản phẩm thủ công truyền thống theo hình thức mới như việc tổ chức các buổi bán đấu giá sản phẩm thủ công Kyoto. Loại hình này cũng góp phần tạo ra cơ hội cho các nghệ nhân trẻ tuổi và khiến họ có trách nhiệm hơn đối với việc kế tục kỹ nghệ thủ công truyền thống ở địa phương. Bên cạnh đó, tổ chức đấu giá các sản phẩm thủ công Kyoto còn giúp phổ biến văn hóa truyền thống Kyoto nói riêng và Nhật bản nói chung ra thế giới. Hoạt động này được Tổ chức lần đầu vào năm 2013 và được duy trì liên tục cho đến nay. Trong sự kiện tổ chức năm 2015 với chủ đề “ Những đồ vật kinh đô – Một dấu vết – một cuộc đời”⁴⁵ dưới hình thức đấu giá công khai với hai thợ gốm Kyo trẻ

⁴⁴ <http://www.krp.co.jp/outline/>

⁴⁵ “京もの、一点もの、一生もの”

tham gia là Shibata Yasuhisa⁴⁶ và Inaba Shinichi⁴⁷

Một loại hình nữa được đưa ra nhằm phổ biến về các sản phẩm thủ công truyền thống Kyoto là việc phát hành các “Phiếu quà tặng Kyoto” với các mức giá khác nhau. Dựa trên catalog, người dân Kyoto và khách du lịch trong và ngoài nước có thể lựa chọn các sản phẩm truyền thống của Kyoto – trong đó không thể thiếu những sản phẩm gốm Kyo - làm quà tặng người thân, bạn bè.

Ngoài ra, cùng với việc nâng cao nhận thức của người dân về công nghệ thông tin, Phủ Kyoto cũng tiến hành triển liên kết với trang Web thương mại điện tử Rakuten của hãng thương mại điện tử lớn nhất Nhật Bản hiện nay để mở cửa hàng bán các sản phẩm của Kyoto (Kyoto collection Shop)⁴⁸ – Trong đó có các gian hàng bán các sản phẩm thủ công truyền thống.

2. Phổ cập nghề thủ công truyền thống

Dựa trên *Quy định về phát triển công nghiệp sản xuất các sản phẩm văn hóa và truyền thống Phủ Kyoto* ban hành năm 2005, Phủ đã ra chính sách “Phổ cập thủ công truyền thống” với việc tiến hành các biện pháp tích cực nhằm đào tạo thợ thủ công truyền thống – Tạo ra công việc cho nghề truyền thống và tạo ra môi trường để nghề thủ công truyền thống phát triển.

Thứ nhất là công tác hỗ trợ hình thành thể hệ thợ thủ công mới ở Kyoto lấy đối tượng là những thợ thủ công trẻ của Phủ. Với việc thực hiện xác nhận danh hiệu “Thợ thủ công của kinh đô” (京もの工芸士) đã tạo ra cơ sở để phát triển thể hệ kế cận của Thủ công nghiệp truyền thống Kyoto.

Phủ cũng thực hiện các hoạt động nhằm bảo hộ, hỗ trợ các doanh nghiệp thủ công truyền thống về nguyên vật liệu và công cụ sản xuất. Liên đoàn hợp tác xã gốm sứ Kyoto (京都陶磁器協同組合連合会) chính là đơn vị đại diện bảo trợ cho công nghiệp gốm sứ truyền thống của Phủ. Liên đoàn có sự liên kết chặt chẽ với các

⁴⁶ 柴田恭久 – Sinh năm 1977 – Tốt nghiệp Trường cao đẳng kỹ thuật gốm Phủ Kyoto năm 2001. Năm 2014, ông đã được chứng nhận danh hiệu “Thợ thủ công Kinh đô” (京もの工芸士)

⁴⁷ 稲葉信一 Sinh năm 1978 tại Kagoshima – Tốt nghiệp Khoa gốm nghệ thuật trường Nghề Công nghệ truyền thống Kyoto (京都伝統工芸専門学校)

⁴⁸ <http://www.rakuten.co.jp/kyoto-collection>

đoàn thể, Hiệp hội, tổ chức nghề thủ công truyền thống nói chung và nghề gốm nói riêng trên toàn quốc và trong Phủ như: Hiệp hội nghề thủ công truyền thống (伝産協会); Trường cao đẳng gốm sứ phủ Kyoto (京都府立陶工高等技術専門校); Trung tâm ý tưởng gốm sứ Nhật Bản 公益財団法人 日本陶磁器意匠センター ; Hiệp hội thợ thủ công bậc thầy Kyoto (京都府匠会 … Liên đoàn hợp tác xã gốm sứ Kyoto có sứ mệnh tạo điều kiện tốt nhất cũng như hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh gốm sứ truyền thống hội viên về giá nguyên vật liệu, nguồn cung ứng công cụ sản xuất, hỗ trợ thông tin về kỹ thuật, thị trường và vốn...

Thứ hai là về công tác tạo việc làm. Phủ Kyoto thông qua việc tổ chức các sự kiện, hoạt động kỷ niệm của Phủ, các hoạt động phát triển du lịch... nhằm giới thiệu rộng rãi các nghề thủ công truyền thống đến quan khách bốn phương. Với nghề thủ công gốm sứ truyền thống, các loại hình tổ chức cũng rất đa dạng như: Tổ chức triển lãm giới thiệu sản phẩm gốm sứ; Các buổi giảng về kỹ thuật làm gốm mới hay mời các nghệ nhân trình diễn các kỹ năng tạo hình và trang trí gốm Có thể nói đến ở đây như hoạt động Triển lãm thợ thủ công xuất sắc (京の名工) được tổ chức thường niên ở Kyoto từ năm 2005 do Phủ Kyoto và Hiệp hội thợ thủ công bậc thầy Kyoto (京都府匠会) tổ chức thu hút hàng nghìn thợ thủ công Kyoto và khách bốn phương tham dự mỗi năm. Đây là cơ hội lớn trong năm để giao lưu với các nghệ nhân gốm Kyo nổi tiếng cũng như chiêm ngưỡng những bộ sưu tập gốm sứ xuất sắc của các nghệ nhân gốm và những kỹ năng làm gốm tuyệt vời từ tạo hình cho đến trang trí hoàn thành sản phẩm.

Thứ ba là tạo ra môi trường giúp thủ công truyền thống tiếp cận với người dân Kyoto nói riêng và người dân Nhật Bản nói chung hay du khách Quốc tế. Cho đến nay, Phủ Kyoto với chính sách phổ cập nghề thủ công truyền thống đã tổ chức rất nhiều hoạt động nhằm tôn vinh văn hóa truyền thống của Phủ nói chung và thủ công truyền thống hay nghề gốm sứ truyền thống nói riêng. Ví dụ như lễ hội Văn hóa Quốc gia được tổ chức thường niên là dịp để giới thiệu đến mọi người các sản phẩm cũng như kỹ nghệ truyền thống. Lễ hội năm 2011 tổ chức ở Kyoto đã giới thiệu bộ sưu tập búp bê Mayumaro – Linh vật của Kyoto làm bằng các kỹ thuật gốm

sứ do trường cao đẳng kỹ thuật gốm sứ Phủ Kyoto thực hiện. Đây là sự kết hợp nhuần nhuyễn và sáng tạo giữa văn hóa truyền thống và hiện đại, góp phần đưa thủ công truyền thống Kyoto nói chung và nghề gốm sứ truyền thống nói riêng tiếp cận gần hơn với quần chúng nhân dân.



Hình 2.4: Bộ sưu tập búp bê Mayumaro được trưng bày tại sự kiện Lễ hội Văn hóa Quốc gia lần thứ 26 – Tổ chức tại Kyoto⁴⁹

Ngoài ra, Phủ Kyoto cũng rất quan tâm tới việc phổ biến thủ công truyền thống và tạo điều kiện giúp người dân tiếp cận với thủ công truyền thống nói chung và gốm truyền thống nói riêng thông qua việc chỉ đạo và hỗ trợ các đơn vị liên quan phát hành các văn hóa phẩm đào tạo, hướng dẫn các kỹ năng gốm sứ. Ví dụ như các sản phẩm DVD hướng dẫn cách làm gốm Kiyomizu do trường cao đẳng kỹ thuật gốm sứ Phủ Kyoto phát hành.

3. Giáo dục thế hệ trẻ - chú trọng đến đối tượng học sinh trung học

Phủ đặc biệt chú trọng tới công tác giáo dục giới trẻ về văn hóa thủ công truyền thống trong đó nhấn mạnh đến đối tượng học sinh trung học – là đối tượng đặc biệt cần nhắm tới của hoạt động hướng nghiệp. Trong các trường từ cấp tiểu học đến trung học ở Phủ đều tổ chức rất nhiều câu lạc bộ, hội nhóm tìm hiểu, nghiên cứu văn hóa truyền thống của Phủ trong đó có nghề gốm sứ truyền thống. Cùng với chính sách tập trung phổ biến nghề thủ công truyền thống với đối tượng học sinh trung học phổ thông – là đối tượng sắp ra trường thì trường cao đẳng kỹ thuật gốm sứ truyền thống phủ Kyoto – đơn vị chịu trách nhiệm giáo dục, đào tạo thế hệ thợ gốm sứ truyền thống kế cận cho Phủ mỗi năm đều tiến hành công tác

⁴⁹ <http://www.pref.kyoto.jp/tokgs/1313039113858.html>

tuyển sinh đối với đối tượng học sinh trung học vừa tốt nghiệp vào các khóa học cơ bản đến nâng cao. Đồng thời Trường cũng thường xuyên tổ chức các khóa học lẻ mang tính chất hướng nghiệp, giới thiệu chung về nghề gốm sứ cùng những kỹ năng làm gốm cơ bản cho học sinh trung học vào mùa hè.

4. Phát triển mạng lưới thông tin, học hỏi kinh nghiệm kinh doanh từ những doanh nghiệp lâu đời ở Kyoto

Phủ Kyoto chủ trương dựa vào mạng lưới thông tin, học tập kinh nghiệm kinh doanh từ những doanh nghiệp lâu đời ở địa phương để phát triển nghề thủ công truyền thống của Phủ. “*Câu lạc bộ doanh nghiệp lâu đời Kyoto*” (京の老舗) là nơi tập hợp những thông tin hữu ích về trí tuệ và kinh nghiệm kinh doanh của các doanh nghiệp. Dựa trên việc hợp tác với các trường đại học nghiên cứu về đường lối kinh doanh của các doanh nghiệp và tạo dựng mạng lưới thông tin mở rộng với các doanh nghiệp trong và ngoài nước, Câu lạc bộ là nơi giúp các cơ sở kinh doanh và sản xuất thủ công truyền thống phát huy những thế mạnh của mình, khắc phục tình trạng kinh doanh xuống dốc của sản xuất thủ công truyền thống trong những năm gần đây do ảnh hưởng của lối sống thực dụng mới ở đô thị. Hiện nay có 13 cơ sở, công ty cổ phần chuyên sản xuất mặt hàng gốm sứ truyền thống Kyo là hội viên câu lạc bộ, chưa kể đến hàng trăm cơ sở kinh doanh mặt hàng thủ công truyền thống ở Kyoto trong đây có mặt hàng gốm Kyo. Có thể kể ra ở đây một vài cơ sở lớn như: Công ty cổ phần gốm sứ Asahido (朝日焼窯元) – Là công ty chuyên kinh doanh mặt hàng gốm sứ Kyo – Kiyomizu và hệ thống các xưởng học nghề gốm lâu đời (được thành lập từ năm 1870) ở dốc Gojo⁵⁰; Hay công ty cổ phần gốm sứ Touden 陶泉窯 – tiền thân là lò gốm Touden được thành lập từ đầu những năm Minh Trị và chính thức trở thành công ty cổ phần gốm sứ Touden vào năm 1944 – được biết đến như một trong những công ty kinh doanh gốm sứ Kyo lâu đời nhất ở địa phương⁵¹....

5. Viện trợ tổng hợp cho các ngành nghề thủ công truyền thống

Trong chính sách này, Phủ chỉ rõ cần phải đẩy mạnh công tác hỗ trợ phát

⁵⁰ <http://www.asahido.co.jp/about/>

⁵¹ <http://www.kiyomizuyaki.net/html/introduce.html>

triển các kênh bán hàng và phát triển nguồn nhân lực với các sản phẩm dệt may và thủ công truyền thống của phủ trong đó có gồm Kyo – Kiyomizu .⁵²

Về công tác hỗ trợ phát triển các kênh bán hàng chú trọng đến việc hợp tác với các chuyên gia, các nhà thiết kế trong và ngoài nước tiến hành lên kế hoạch cải thiện mẫu mã cho các sản phẩm mới. Đồng thời công tác đào tạo nhân tài, mở rộng các khóa đào tạo kỹ thuật nghề truyền thống cũng rất được chú trọng.

Nhằm hỗ trợ mở rộng thị trường thì Phủ chỉ rõ chính quyền các địa phương có sản phẩm truyền thống như dệt, kim khí, sơn mài, gốm Kyo – Kiyomizu ... cần có các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hội nhóm... phát triển các hoạt động giới thiệu sản phẩm, hội thảo thương mại, các hoạt động triển lãm các sản phẩm truyền thống địa phương.

Phủ giao về cho các địa phương có sản phẩm truyền thống thực hiện các hoạt động chi viện, hỗ trợ công tác giáo dục nâng cao kỹ thuật sản xuất các sản phẩm thủ công và nghiên cứu phát triển các kỹ thuật, nguyên vật liệu mới cũng như phương pháp kinh doanh các sản phẩm truyền thống ở các xí nghiệp, Hội liên hiệp ...

6. Thúc đẩy giao lưu giữa các cơ sở sản xuất kinh doanh thủ công truyền thống vừa và nhỏ ở địa phương với các nước châu Âu

Năm 1992, sau khi luật Phát triển nghề thủ công truyền thống được cải cách với việc bổ sung thêm về các kế hoạch chi viện, hỗ trợ phát triển thủ công truyền thống tại các địa phương, Phủ đã thành lập Trung tâm hỗ trợ công nghiệp thủ công truyền thống Kyoto (京都伝統工芸産業支援センター) Ngoài ra, về đào tạo, Phủ cũng chỉ định thêm trường nghề thủ công truyền thống của Phủ là Trường dạy nghề thủ công truyền thống Kyoto (京都伝統工芸大学校) Thông qua hai đơn vị này, các kế hoạch chi viện, hỗ trợ tài chính, kỹ thuật, trao đổi thông tin công nghệ, giao lưu văn hóa và phát triển thị trường cho ngành thủ công truyền thống của Phủ với các địa phương khác và quốc tế cũng được thực hiện.

Với thị trường Italia : Dựa trên hiệp định giao lưu kinh tế giữa vùng Toscana (Italia), Phủ Kyoto đã hoạch định chính sách phát triển thị trường các sản

⁵² <http://www.pref.kyoto.jp/senshoku/>

phẩm thủ công truyền thống của địa phương sang các nước châu Âu thông qua các kế hoạch giao lưu kinh tế, kỹ thuật, văn hóa giữa các phái đoàn doanh nghiệp thủ công vừa và nhỏ cũng như sinh viên chuyên ngành thủ công truyền thống ở các địa phương trong Phủ với nước bạn. Định kỳ hàng năm, Phủ thông qua hoạt động của Trung tâm hỗ trợ công nghiệp thủ công truyền thống Kyoto và Trường dạy nghề thủ công truyền thống Kyoto cử các phái đoàn sang Toscana đào tạo về kỹ thuật nghề thủ công và marketing. Đồng thời, công tác mời các nhà thiết kế sản phẩm thủ công Toscana đến Kyoto đào tạo cho thợ thủ công của Phủ về phát triển mẫu mã sản phẩm mới cũng được tiến hành thường xuyên. Bên cạnh đó cũng không thể không nhắc đến những cuộc triển lãm giới thiệu sản phẩm thủ công truyền thống tại địa phương hai nước cũng được triển khai.

Mỗi năm, trường dạy nghề thủ công truyền thống Kyoto đều tổ chức cho các học viên của trường sang thăm Italia để tìm hiểu văn hóa, thị trường nước bạn và tham gia cá khóa tạo hình, thiết kế sản phẩm thủ công truyền thống – trong đó có nghề gốm. Tại đây, các học viên có cơ hội được chính các thợ thủ công địa phương làm việc và hướng dẫn thực hiện các tác phẩm gốm truyền thống trong vùng.

Ngoài ra, cuộc thi gốm sứ dành cho sinh viên các trường gốm ở thành phố Lodi – Italia – nơi được coi là trung tâm của các ngành thủ công nghiệp ở Ý - cũng được tổ chức định kỳ hàng năm. Mỗi trường đến với cuộc thi được mang theo 5 tác phẩm tham gia triển lãm. Cho đến nay, cuộc thi đã tổ chức được 11 lần và thu hút được rất nhiều học viên chuyên ngành gốm sứ phủ Kyoto tham gia. Bên cạnh đó cũng có thể nói đến triển lãm ADI – cuộc triển lãm nổi tiếng do Hiệp hội thiết kế công nghiệp Italia tổ chức hàng năm cũng có tham gia với các tác phẩm của học viên trường dạy nghề thủ công truyền thống Kyoto. Những tác phẩm gốm được đánh giá cao trong triển lãm này sẽ được trực tiếp bày bán tại Hội chợ thương mại thủ công Quốc tế tổ chức hàng năm ở Milano với sự tham gia của 4 trường đại học lớn ở Italia và thu hút 30 vạn khách tham quan trên toàn thế giới. Đây là cơ hội lớn để học hỏi và nâng cao tay nghề của các học viên gốm sứ và giới thiệu văn hóa thủ công truyền thống của Phủ Kyoto đến bạn bè quốc tế.

Với thị trường Pháp : Năm 2011 - Trung tâm hỗ trợ công nghiệp thủ công truyền thống Kyoto, Trường dạy nghề thủ công truyền thống Kyoto và Hội liên hiệp phát triển thủ công truyền thống Pháp đã ký kết hiệp định “ Phát triển hỗ trợ thị trường thủ công nghiệp Nhật – Pháp”. Dựa trên hiệp định này, các công tác triển lãm giới thiệu các sản phẩm thủ công truyền thống của các thợ thủ công trẻ tuổi ở Phủ Kyoto diễn ra tại Pari – Pháp cũng được triển khai.

Về mặt hợp tác kỹ thuật, dựa trên sự tương đồng về phương châm giáo dục giữa trường dạy nghề thủ công truyền thống Kyoto và Trường công lập công nghệ nổi tiếng nhất nước Pháp là Ecole Boulle – Tháng 10 năm 2011, hiệp định hợp tác phát triển giữa Hội liên hiệp công nghệ quốc lập Pháp Atelier art de France với Trung tâm hỗ trợ công nghiệp thủ công truyền thống Kyoto đã được ký kết. Thông qua đó, các hoạt động trao đổi kỹ thuật, lưu học sinh và tiếp xúc văn hóa, hội thảo nghề truyền thống... giữa hai trường cũng được thực hiện.

7. Quy định về phát triển ngành sản xuất các sản phẩm văn hóa và truyền thống Phủ Kyoto

Đến năm 2005 Phủ cũng ra thêm “*Quy định về phát triển ngành sản xuất các sản phẩm văn hóa và truyền thống phủ Kyoto*” gồm 4 chương và 19 điều nhằm phát triển công nghiệp truyền thống của Phủ. Trong đó điều 1 chỉ rõ: Sản xuất các sản phẩm văn hóa truyền thống phủ Kyoto là ngành tạo ra những sản phẩm mang trong mình văn hóa và truyền thống Kyoto; Dựa trên những kỹ thuật, phương pháp và nguyên liệu truyền thống⁵³. Từ điều 6 đến 16 là những chính sách cơ bản của Phủ Kyoto nhằm phát triển công nghiệp sản xuất các sản phẩm văn hóa truyền thống như: Chính sách về phát triển giáo dục đội ngũ kế cận; Chính sách phát huy tính sáng tạo trong công tác sản xuất các sản phẩm thủ công truyền thống dựa trên hợp tác chặt chẽ với các cơ quan thử nghiệm nghiên cứu, các trường đại học...; Chính sách phát triển hệ thống thông tin về các sản phẩm văn hóa truyền thống của Phủ dựa trên nhu cầu ngày càng tăng của du khách trong và ngoài nước đến văn hóa Phủ Kyoto; Chỉ định các sản phẩm của kinh đô (京もの) cũng như danh hiệu “Thợ thủ

⁵³ 京都府伝統と文化のものづくり産業振興条例; <http://www.pref.kyoto.jp/>

công của kinh đô” (京もの工芸士) và “Thợ thủ công xuất sắc của kinh đô” (京の名工); Chính sách về khen thưởng với các cá nhân, tổ chức có công hiến trong phát triển nghề thủ công truyền thống ở địa phương; Chính sách về hỗ trợ kinh phí cũng như lập các kế hoạch tài chính liên quan đến phát triển nghề thủ công truyền thống. Ngoài ra, Quy định còn ghi rõ về việc thành lập *Hội đồng thẩm định công nghiệp truyền thống Phủ Kyoto* gồm 15 ủy viên, có nhiệm kỳ 2 năm. Hội đồng sẽ tiến hành các phiên họp, ra các quyết định cũng như thông qua các kế hoạch nhằm thực hiện chính sách của Phủ.

Về việc chỉ định các sản phẩm của kinh đô (京もの) – Trị sự Phủ Kyoto ra quyết định dựa trên những điều kiện sau :

- + Được làm bằng tay
- + Được làm bằng những phương pháp và kỹ thuật truyền thống
- + Sử dụng chất liệu truyền thống để sáng tạo ra những sản phẩm mới mang trong mình văn hóa cổ đô.

Theo những điều kiện này, gốm Kyo – Kiyomizu đã được chỉ định là sản phẩm của kinh đô vào cùng năm. Ngoài ra, Phủ cũng chỉ định Liên đoàn hợp tác xã gốm sứ Kyoto (京都陶磁器協同組合連合会) làm đơn vị chịu trách nhiệm về sản phẩm gốm Kyo truyền thống của địa phương.

Về danh hiệu Thợ thủ công truyền thống (工芸士) thì đến năm 2016 đã có 129 thợ thủ công truyền thống của Phủ được chỉ định. Trong đấy có 13 thợ gốm Kyo. (danh sách xem phụ lục 3). Về tiêu chí để xác nhận danh hiệu gồm có :

+ Những thợ thủ công đang nắm giữ những kỹ năng tạo ra các sản phẩm thủ công truyền thống thuộc nhóm sản phẩm truyền thống của Kyoto được trị sự tỉnh Kyoto công nhận

- + Người ứng tuyển phải chưa đến 40 tuổi và có ít nhất 5 năm kinh nghiệm
- + Những người có tâm huyết với việc duy trì sản xuất thủ công truyền thống ở địa phương

+ Những người đủ điều kiện trên phải gửi tác phẩm tiêu biểu của mình cùng hồ sơ ứng tuyển vào đợt nhận hồ sơ từ tháng 7 đến tháng 9 hàng năm. Sau khi hồ sơ

được thông qua thì phải tham gia kỳ thi sát hạch trực tiếp tổ chức từ tháng 1 đến tháng 2 năm kế tiếp.⁵⁴

Như vậy, đáp ứng lại Luật phát triển nghề thủ công truyền thống cũng như nhận thấy tính cấp thiết của việc bảo tồn và phát triển công nghiệp truyền thống tại địa phương, Phủ Kyoto đã có những chính sách và hành động phù hợp hỗ trợ nghề thủ công truyền thống ở Kyoto không chỉ về kỹ thuật, thị trường, vốn... mà công tác giáo dục, đào tạo những thế hệ kế cận cũng rất được coi trọng. Đây được coi là kim chỉ nam trong công tác bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống tại địa phương. Cùng với những chính sách, chỉ đạo của Phủ đến từng địa phương có nghề thủ công truyền thống nói chung và gồm Kyo nói riêng, Phủ còn ban hành “Điều lệnh về phát triển công nghiệp sản xuất các sản phẩm văn hóa và truyền thống phủ Kyoto” với những chính sách, chế độ bổ sung. Việc chỉ định danh hiệu Thọ thủ công kinh đô hay Thọ thủ công xuất sắc kinh đô – Đặc biệt là việc chỉ định gồm Kyo – Kiyomizu truyền thống là sản phẩm văn hóa của kinh đô cần được bảo tồn và phát triển đã tạo thêm những cơ sở vững chắc để từ đó, thành phố Kyoto – là nơi trực tiếp bảo hộ loại gồm Kyo đặc sắc sẽ ra những kế hoạch, biện pháp và hành động phù hợp nhằm phát huy tiềm lực văn hóa truyền thống của cố đô Kyoto.

2.2.2.2. Về phía thành phố Kyoto

Như đã được đề cập trong Luật phát triển nghề truyền thống, các sản phẩm thủ công truyền thống đều mang đậm nét đặc trưng của địa phương và là nhân tố quan trọng trong việc phát triển kinh tế. Do vậy, cùng với Phủ Kyoto, chính quyền thành phố Kyoto chính là người bảo trợ cho sản phẩm gồm Kyo đặc sắc của địa phương mình.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường chạy theo lợi nhuận và lối sống đô thị hiện đại đang đặt các nghề thủ công truyền thống ở Kyoto nói chung và gồm Kyo truyền thống nói riêng trước muôn vàn khó khăn. Cùng với những can thiệp của chính quyền Phủ và thành phố Kyoto dưới sự chỉ đạo của chính quyền trung ương Nhật Bản, đến năm 2005 thành phố Kyoto dựa

⁵⁴ <http://www.pref.kyoto.jp/senshoku/>

trên tình hình thực tế với cơ sở pháp lý là Luật phát triển nghề truyền thống đã ban hành bản “Quy định phát triển năng động công nghiệp truyền thống thành phố Kyoto” gồm 5 chương và 19 điều. Trong đó từ chương 9 đến 18 nêu rõ những chính sách và kế hoạch đổi mới công nghiệp truyền thống ở địa phương. Trong chương 4 (từ điều 16 đến điều 18) cũng quy định về việc thành lập Hội đồng thúc đẩy phát triển năng động công nghiệp truyền thống thành phố Kyoto gồm các nhà chuyên môn, những người đứng đầu các doanh nghiệp nghề truyền thống, các nghệ nhân thủ công thuộc các lĩnh vực khác nhau...cùng tiến hành các phiên họp triển khai kế hoạch theo chính sách đã nêu trong bản quy định.

Về chính sách, Quy định ghi rõ 6 chính sách nhằm phát triển năng động công nghiệp truyền thống Kyoto như sau:

1. Hỗ trợ, chi viện cho công tác sáng tạo về kỹ thuật, mẫu mã sản phẩm, thành lập các doanh nghiệp mới kinh doanh mặt hàng thủ công truyền thống ...

Đối với công tác hỗ trợ phát triển kỹ thuật nghề thủ công truyền thống, thành phố Kyoto, ngay từ năm 1950 đã chỉ đạo thành lập “Viện hướng dẫn công nghệ thành phố Kyoto” (京都市工芸指導所). Xuất phát điểm của “Viện hướng dẫn công nghệ thành phố Kyoto” chỉ là nơi nghiên cứu phát triển công nghiệp chung của thành phố. Đến năm 1955, nhận thấy nhu cầu cấp thiết về việc bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống của địa phương nên thành phố Kyoto đã chỉ đạo thành lập bộ phận chịu trách nhiệm về nghiên cứu kỹ thuật sản xuất thủ công nghiệp cũng như cung cấp các ý tưởng, các dịch vụ thiết kế, giáo dục đào tạo các kỹ nghệ truyền thống ở các nhóm nghề mây tre đan, sơn mài, điêu khắc đá, gốm sứ, dệt ...Riêng đối với nghề gốm truyền thống, thành phố Kyoto đã sớm chỉ đạo thành lập các cơ quan hỗ trợ phát triển công nghiệp truyền thống từ những năm đầu thời kỳ Đại Chính. Đối với công nghiệp gốm sứ truyền thống, “Viện thử nghiệm gốm sứ thành phố Kyoto” (京都市陶磁器試験所) đã được thành lập từ 1896. Đến năm 1919 thì kết hợp với “Viện Thử nghiệm gốm sứ quốc gia” (国立陶磁器試験所) trở thành cơ quan hỗ trợ về mặt kỹ thuật cho các ngành công nghiệp gốm sứ Kyoto. Đến nay, trải qua rất nhiều lần sát nhập và chia tách với các viện nghiên cứu nghề thủ công truyền thống

khác thì “Viện thử nghiệm gốm sứ thành phố Kyoto” đã trở thành một bộ phận của “Viện nghiên cứu kỹ thuật công nghiệp thành phố Kyoto” (京都市産業技術研究所). Năm 2003, nhóm nghiên cứu công nghệ gốm (窯業系チーム) đã được thành lập. Nhóm đã và đang tích cực tiến hành các hoạt động nghiên cứu sản xuất gốm sứ theo công nghệ mới như nghiên cứu về vật liệu gốm mới; Cách nung gốm mới và men mới như men hạt thủy tinh; Hay nghiên cứu sử dụng kỹ thuật phân tích để tạo men mới cho gốm Kyo- Kiyomizu mà không cần chì. Nhóm cũng thực hiện công tác lưu trữ các thông tin liên quan đến kỹ thuật sản xuất gốm sứ dưới dạng công nghệ số; Mở các khóa học kỹ thuật gốm sứ truyền thống....

Ngoài ra, theo kế hoạch thực hiện phát triển năng động ngành công nghiệp truyền thống của thành phố Kyoto từ năm 2006 đến năm 2011 cũng chỉ rõ vai trò quan trọng của các cơ quan nghiên cứu như Sở nghiên cứu kỹ thuật cao Kyoto (京都高度技術研究所) và Sở nghiên cứu kỹ thuật công nghiệp thành phố Kyoto (京都市産業技術研究所) cùng phối hợp với các trường đại học, trường nghề đào tạo thợ thủ công truyền thống, các tổ chức phi lợi nhuận....nhằm nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật mới vào sản xuất các sản phẩm gốm sứ truyền thống và phát triển đa dạng mẫu mã sản phẩm. Ví dụ như dự án về nghiên cứu phát triển sản phẩm sứ màu cao cấp với lõi trang trí trên men sử dụng thuốc vẽ không chứa chì có thể sử dụng trong máy rửa bát công nghiệp được Sở nghiên cứu kỹ thuật cao Kyoto thực hiện từ năm 2008 đến năm 2011.⁵⁵

Bên cạnh việc chi viện về kỹ thuật, các công tác hỗ trợ phát triển sản phẩm gốm mới, phát triển mẫu mã thiết kế hay công tác marketing, phát triển thị trường gốm Kyo trong và ngoài nước cũng rất được chú trọng. Từ năm 2001, chế độ công nhận Oscar doanh nghiệp nhằm thúc đẩy ý tưởng kinh doanh sáng tạo từ các doanh nghiệp Kyoto do Trung tâm hỗ trợ công nghiệp vừa và nhỏ thành phố Kyoto 市中小企業支援センター phối hợp với Sở nghiên cứu kỹ thuật cao Kyoto tổ chức. Đây là một trong những chế độ nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp Kyoto nói chung và cũng là cơ hội để các doanh nghiệp thủ công truyền thống và gốm truyền thống nói

⁵⁵ <http://www.astem.or.jp/>

riêng đưa ra các ý tưởng kinh doanh, phát triển. Cho đến nay, đã có hai doanh nghiệp sản xuất gốm sứ màu Kyo là Touan⁵⁶ và Kumagai⁵⁷ đạt được chứng nhận này với giải thưởng lên đến 1 triệu yên và rất nhiều cơ hội được các chuyên gia hỗ trợ để phát triển sản phẩm trong nước và ra nước ngoài.

2. Đẩy mạnh công tác giáo dục về các ngành nghề truyền thống (nhất là ở bậc tiểu học và phổ thông)

Chính sách phát triển năng động các ngành nghề truyền thống thành phố Kyoto cũng nêu rõ về việc thực hiện mô hình giáo dục thực nghiệm thủ công truyền thống ở bậc Trung học cơ sở và Trung học phổ thông. Trong đó cần tăng cường các hoạt động hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ, các cơ quan giáo dục tổ chức các tiết học tìm hiểu về văn hóa thành phố và nghề thủ công truyền thống nhằm tăng sự hiểu biết và quan tâm của học sinh về nghề truyền thống địa phương. Bên cạnh đó, chính sách cũng nhấn mạnh vai trò cả giáo dục thủ công truyền thống ở bậc Trung học phổ thông cùng các hoạt động hướng nghiệp trên cơ sở hợp tác với các cơ quan giáo dục nghề truyền thống của Phủ và thành phố.

Trong các trường học của thành phố Kyoto từ cấp tiểu học đến cấp Trung học phổ thông đều có các câu lạc bộ nghiên cứu nghề gốm sứ truyền thống. Các trường cũng phối hợp với các viện bảo tàng, Hội, Nhóm và doanh nghiệp gốm sứ truyền thống để tổ chức các buổi tham quan, tiếp xúc nghề nhân nhằm tăng thêm sự hiểu biết và quan tâm của các em học sinh đến nghề gốm truyền thống.

3. Thực hiện các công tác nhằm tăng thêm sự hiểu biết và quan tâm về nghề thủ công truyền thống trong bộ phận dân cư

Chương 4 bản điều lệ về phát triển năng động công nghiệp truyền thống thành phố Kyoto đã quy định về ngày của nghề thủ công truyền thống (伝産産業の日) là ngày Xuân phân hàng năm với hàng loạt các hoạt động xoay quanh như: Biểu diễn kỹ nghệ thủ công; Triển lãm các tác phẩm thủ công hay công tác điều tra bảng hỏi về các nghề thủ công truyền thống Kyoto... cũng được thực hiện. Trong

⁵⁶ <http://www.touan.co.jp>

⁵⁷ <http://www.kyoto-kumagai.co.jp/>

phiên họp thứ nhất của *Hội đồng phát triển năng động ngành nghề truyền thống Kyoto* năm 2005 thì sản xuất gốm Kyo – Kiyomizu đã được xếp vào danh mục 74 nghề thủ công truyền thống địa phương. Đây chính là cơ sở để nghề gốm truyền thống ở Kyoto tiếp cận gần hơn nữa với người dân thành phố cũng như khách du lịch trong và ngoài nước thông qua các hoạt động trong khuôn khổ ngày của nghề thủ công truyền thống thành phố Kyoto. Trong dịp lễ hội diễn ra tại Kyoto vào tháng 3 vừa qua, tại Bảo tàng mỹ thuật thành phố Kyoto – Phòng trưng bày mỹ thuật công nghệ tầng 2 đã diễn ra các khóa học về gốm sứ ứng dụng từ ngày mùng 4 đến ngày mùng 6 hoàn toàn miễn phí.

Nhằm nâng cao nhận thức cũng như sự quan tâm của người dân Kyoto và khách du lịch trong và ngoài nước, Chính quyền thành phố cũng nỗ lực tạo ra môi trường mà mọi người có thể tiếp xúc với nghề gốm sứ truyền thống. Vào năm 2011, trường tiểu học và trung học thành phố Kyoto cũng được dời đến khu phía Đông của thành phố - nơi gắn liền với lịch sử phát triển 400 năm của gốm Kiyomizu. Trong khu vực cũng có lò gốm Fujihira – một trong những lò gốm quy mô lớn nhất đã được chính quyền thành phố mua lại. Những ống khói vươn cao của lò gốm như chứng tỏ sức sống mạnh mẽ trường tồn của ngành công nghiệp truyền thống nổi tiếng lâu đời tại con dốc Gojo. Thành phố Kyoto đang ngày ngày nỗ lực nhằm bảo tồn để không làm tổn hại đến những di sản lịch sử quý giá mang hơi thở ngành công nghiệp gốm sứ truyền thống tại địa phương. Không chỉ bảo tồn mà còn phải biến nó thành không gian tràn đầy sáng tạo của người dân Kyoto. Cụ thể như việc mở trường tiểu học và trung học của thành phố tại khu vực này không chỉ hữu ích trong việc giáo dục truyền thống cho các thế hệ trẻ, nó còn có ích trong quy hoạch cảnh quan đô thị ở địa phương khi đẩy mạnh được công nghiệp truyền thống ở địa phương với gốm Kiyomizu là trung tâm và giúp thu hút lượng khách du lịch lớn trong và ngoài nước.

Ngoài ra, công tác khảo sát và báo cáo tình trạng lò gốm Fujihira và các lò nung leo khác trong thành phố cũng được diễn ra thường niên từ năm 2015 để phục vụ nghiên cứu giảng dạy gốm sứ ở các trường học thành phố Kyoto.

4. Đào tạo thế hệ kế nghiệp về kỹ thuật, các phương pháp thủ công truyền thống

Cùng với việc thực hiện những chính sách giáo dục về nghề thủ công truyền thống, thành phố Kyoto rất quan tâm đến việc đào tạo đội ngũ kế cận duy trì các kỹ thuật nghề gốm truyền thống. Bên cạnh việc kết hợp với các cơ quan giáo dục đào tạo nghề thủ công truyền thống của Phủ Kyoto như trường dạy nghề thủ công truyền thống (京都伝統工芸大学校) và trường cao đẳng kỹ thuật gốm sứ Phủ Kyoto (京都市立陶工高等技術専門校), thành phố đã thành lập “Hội lá non của nghề thủ công truyền thống” (京の伝統産業わかば会) với những hoạt động từ tổ chức giảng dạy về thiết kế mẫu mã; Trải nghiệm thực tế đến triển lãm các tác phẩm của hội viên các nghề thủ công như mây tre đan; kim khí; đúc tượng; sơn màu; dệt; búp bê; quạt giấy và nghề gốm dưới sự quản lý của Phòng công nghiệp truyền thống – Bộ phận Công thương nghiệp - Cục cảnh quan công nghiệp – Thành phố Kyoto. Về các hoạt động liên quan đến nghề gốm sứ có thể ví dụ một sự kiện tiêu biểu như Buổi triển lãm nghệ thuật gốm với chủ đề “*Thế giới của gốm và vườn cảnh*” mà “Hội lá non của nghề thủ công truyền thống” đứng ra tổ chức vào cuối năm 2014...

Công tác chi viện, hỗ trợ học bổng và kinh phí cho các cá nhân xuất sắc, các doanh nghiệp sản xuất, các hiệp hội, Hội nhóm liên quan đến nghề thủ công truyền thống nói riêng và gốm truyền thống nói chung cũng được thông qua bởi Phòng Công nghiệp truyền thống. Theo bản tóm tắt sơ lược về phân bổ trợ cấp cho phát triển nghề truyền thống địa phương được thực hiện từ ngày mùng một tháng 4 năm 2010 thì các đối tượng xin cấp phát kinh phí với các hoạt động giáo dục đào tạo, phát triển thị trường, mẫu mã sản phẩm, nguyên vật liệu kỹ thuật ... hỗ trợ nghề thủ công truyền thống có thể gửi đơn thông qua Phòng công nghiệp truyền thống. Đơn sẽ được phê duyệt bởi Thị trưởng thành phố Kyoto sau 14 ngày và số tiền trợ cấp không vượt quá ½ tổng kinh phí.⁵⁸ Đây cũng là một trong những nguồn lực góp phần phát triển công tác đào tạo giáo dục đội ngũ kế cận nghề truyền thống nói chung và gốm truyền thống nói riêng ở thành phố Kyoto.

⁵⁸ <http://www.city.kyoto.lg.jp/sankan/page/0000154829.html>

5. *Đẩy mạnh vai trò các cơ quan chức năng quan trọng trong công tác thúc đẩy các nghề thủ công truyền thống phát triển năng động.*

Trong công tác thực hiện chính sách đẩy mạnh vai trò của các cơ quan chức năng quan trọng nhằm thúc đẩy các nghề thủ công truyền thống phát triển năng động, thành phố Kyoto nhấn mạnh đến vai trò của 3 cơ quan chính là *Viện tiếp xúc nghề thủ công truyền thống Kyoto* (京都伝統産業ふれあい館)⁵⁹; Viện phát triển nghề thủ công truyền thống thành phố Kyoto (京都市伝産業振興館) và Trung tâm nghiên cứu kỹ thuật công nghiệp thành phố Kyoto (京都市産業技術研究所). Trong đó, *Viện tiếp xúc nghề thủ công truyền thống Kyoto* là tổ chức phi lợi nhuận do trung tâm giao lưu công nghiệp truyền thống Kyoto (京都伝統産業交流センター) vận hành. Thành lập từ năm 1977 dưới sự tài trợ của thành phố Kyoto với mục đích là:

- + Ủy thác vận hành và quản lý hội trường triển lãm và bảo tàng Okazaki thành phố Kyoto.
- + Giới thiệu và triển lãm các sản phẩm thủ công truyền thống
- + Hợp tác trong việc bảo tồn và thu thập các tư liệu liên quan đến thủ công truyền thống.
- + Tiến hành các nghiên cứu và điều tra liên quan đến công nghiệp truyền thống.

Với những chức năng trên, Viện chính là nơi cung cấp thông tin chính xác và kịp thời đến người dân và du khách có quan tâm đến nghề truyền thống nói chung và gốm Kyo nói riêng. Bên cạnh đó, với các hoạt động triển lãm sản phẩm gốm sứ đương đại do Viện tổ chức cũng góp phần tạo ra không gian để mọi người có cơ hội tiếp xúc với gốm và nghệ thuật truyền thống Kyoto.

Phối hợp cùng với *Viện tiếp xúc nghề thủ công truyền thống Kyoto* là hai cơ quan có vai trò hỗ trợ về mặt kỹ thuật cho công nghiệp truyền thống là Viện phát triển công nghiệp truyền thống thành phố Kyoto và Trung tâm nghiên cứu kỹ thuật công nghiệp thành phố Kyoto. Đây cũng là những cơ quan góp phần trong công tác đào tạo về kỹ thuật của các ngành nghề truyền thống ở thành phố Kyoto.

⁵⁹ <http://www.miyakomesse.jp/fureaika/>

Cũng như các nghề thủ công truyền thống khác trong khu vực, các Hội nhóm, tổ chức phi lợi nhuận, các đoàn thể xí nghiệp gốm sứ truyền thống thành phố Kyoto cũng có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan này và nhận được sự hỗ trợ hiệu quả về mọi mặt từ thông tin thị trường, các hoạt động liên quan nghề gốm truyền thống hay viện trợ về mặt kỹ thuật, thiết kế, nguyên vật liệu và đào tạo...Ta có thể kể ra một vài tổ chức tiêu biểu sau:

- **Hiệp hội các tác gia gốm Kyoto (京都伝統陶芸家協会)⁶⁰**

Hiệp hội được thành lập vào năm 1960 - Lấy những tác gia bảo tồn kỹ thuật gốm sứ truyền thống được quốc gia chỉ định làm trung tâm để phát triển. Hiệp hội ra đời nhằm truyền bá, giới thiệu những kỹ thuật gốm sứ truyền thống cũng như nét đặc sắc của gốm kyo nhằm phát triển sản xuất gốm sứ truyền thống Kyoto nói chung cũng như chấn chỉnh lại sự lệch hướng trong sản xuất gốm sứ hiện nay của các thợ gốm truyền thống, hướng tới mục tiêu chung phát triển gốm sứ nghệ thuật Nhật Bản. Trên đầu trang web của hội, ta thấy một ký hiệu chữ “kỹ” (技) ở trong hình tròn – Đây chính là ký hiệu rút ngắn chỉ “người bảo tồn các kỹ thuật công nghệ truyền thống” (工芸技術保存者). Chức danh này được chỉ định lần đầu tiên trên cả nước vào năm 1943. – cho đến nay đã có 570 người được chỉ định trên toàn quốc. Những người được chỉ định làm người bảo tồn kỹ thuật gốm sứ truyền thống ở Kyoto chính là tiền thân của hiệp hội. Những hội viên của Hội cũng là những người gánh vác trọng trách kế nghiệp công việc của những bậc tiền nhân đã làm và đối đầu với cuộc khủng hoảng hiện nay để bảo tồn các giá trị văn hóa của gốm Kyo truyền thống cho các thế hệ kế tiếp.

- **Khu liên hiệp công nghiệp gốm Kiyomizu (清水焼団地)⁶¹**

Khu liên hiệp công nghiệp gốm sứ Kiyomizu được đặt tại quận Yamashina, thành phố Kyoto - Là khu liên hiệp công nghiệp của gốm sứ Kiyomizu. Được xây dựng trên diện tích là 82500 m² bao gồm các lò gốm, các xưởng sản xuất, các công

⁶⁰ <http://k-dentosan.org/welcome/>

⁶¹ <http://www.kiyomizuyaki.or.jp/>

ty cung cấp nguyên vật liệu sản xuất gốm Kyo, các thương nhân hay các cửa hàng bán gốm Kyo... Trước đây, do khu vực sản xuất gốm sứ Kiyomizu gần khu vực chùa Thanh Thủy ở khu Tozan - dốc Gojo vương phải vấn đề ô nhiễm môi trường nên khu vực sản xuất cũng bị thu hẹp lại. Vào năm 1965 thì các cơ sở sản xuất gốm được chuyển đến khu liên hiệp này và khu liên hiệp chính thức thành lập vào năm 1974 dưới sự xác nhận của Trị sự phủ Kyoto và hỗ trợ của thành phố Kyoto. Đến năm 2006 thì Khu liên hiệp gốm sứ đã có tới 71 hội viên. Khu liên hiệp gốm Kiyomizu chính là một trong những đơn vị đi đầu trong cuộc chiến bảo vệ gốm sứ truyền thống, bảo tồn văn hóa và phát triển cách tân gốm sứ ở ở Kyoto. Năm 2011 Khu liên hiệp vừa đón mừng 50 năm thành lập.

- **Hợp tác xã gốm sứ khu Hiyoshi – Kyoto (京都日吉製陶協同組合)⁶²**

Được thành lập năm 1960 nhờ sự hỗ trợ của chính quyền thành phố Kyoto và sự phê chuẩn của phủ Kyoto. Hiện nay Hợp tác xã có 21 cơ sở sản xuất gốm sứ thành viên. Hội thường xuyên tiến hành các hoạt động như :

- + Phổ cập kiến thức và thông tin liên quan đến kỹ thuật và kinh doanh gốm sứ cho các thành viên

- + Tổ chức hội chợ triển lãm hoặc giới thiệu sản phẩm mới

- + Tổ chức hội thảo nghiên cứu kỹ thuật sản xuất gốm sứ mới

- + Tổ chức mô hình khu phố gốm sứ với các hoạt động xã hội hóa hoạt động sản xuất gốm sứ truyền thống nhằm thu hút lực lượng lao động trong khu vực

- + Nhập nguyên vật liệu và phân phối nguyên liệu

- + Hợp tác phát triển phân phối sản phẩm gốm sứ

- Ngoài ra còn có thể kể đến nhiều hội nhóm, tổ chức về nghề thủ công truyền thống khác như: Hội gốm Seiyou (青窯会 Hội công nghệ công nghiệp truyền thống Kyoto (京都伝統産業工芸会); Hội nghiên cứu công nghệ Kyoto (京都工芸研究会); Hội nghiên cứu gốm sứ Kyoto (京都陶磁器研究会)...Các tổ chức này đều có sự liên hệ, trao đổi thông tin, hợp tác với 3 cơ quan chính là Viện tiếp xúc công nghiệp truyền thống Kyoto; Viện phát triển nghề thủ công truyền thống thành

⁶² <http://hiyoshikumiai.com/>

phố Kyoto và Sở nghiên cứu kỹ thuật công nghiệp thành phố Kyoto. Bên cạnh đó, các Hội, Nhóm, Tổ chức, Doanh nghiệp sản xuất gốm sứ Kyoto còn cố gắng duy trì sự liên hệ, trao đổi với Hiệp hội nghề truyền thống - 伝産協会 - cơ quan hạt nhân của sự nghiệp khôi phục và phát triển các nghề thủ công truyền thống hiện nay ở Nhật Bản; Hiệp hội phát triển mẫu mã Nhật Bản (日本産業デザイン振興会 - gọi tắt là JIDPO) - cơ quan nòng cốt trong việc thiết kế mẫu mã cho các ngành thủ công truyền thống ở Nhật Bản; Hiệp hội gốm sứ Nhật Bản (日本陶磁器協会).. nhằm tăng cường sự phối hợp giữa trung ương và địa phương – vì mục tiêu phát triển công nghiệp gốm sứ truyền thống Nhật Bản nói chung và Kyoto nói riêng.

6. *Đẩy mạnh công tác khuyến khích, khen thưởng những cá nhân, tổ chức có công hiến cho ngành công nghiệp truyền thống ở địa phương.*

Thành phố Kyoto cho đến nay đã thực hiện rất nhiều chế độ khen thưởng, trao danh hiệu ghi nhận cho các cá nhân, tổ chức có công hiến cho sự phát triển của các nghề thủ công truyền thống địa phương nói chung và gốm Kyo nói riêng. Tiêu biểu ta có thể kể đến Hoạt động trao danh hiệu Thợ thủ công xuất sắc Kyoto (京の名匠) đã được thực hiện từ năm 1967. Cho đến nay ở thành phố Kyoto đã có 1050 nghệ nhân thủ công truyền thống được trao danh hiệu này⁶³, trong đó có rất nhiều thợ gốm truyền thống. Thợ gốm truyền thống gần đây nhất được trao danh hiệu này vào năm 2015 là Dobuchi Zenju (土淵 善樹) - được coi là nghệ sỹ tạo hình gốm sứ bậc thầy. Những người được công nhận sẽ được trao chứng nhận cùng giải thưởng hiện kim là 20 vạn yên và được trưng bày các tác phẩm tiêu biểu tại Bảo tàng mỹ thuật Kyoto.

Từ năm 2010 thành phố Kyoto đã thực hiện cấp giấy chứng nhận nghệ nhân tương lai (未来の名匠) cho các cá nhân xuất sắc hoạt động trong ngành công nghiệp truyền thống địa phương. Theo đó, tiêu chí để được công nhận danh hiệu này là: Tuổi không được vượt quá 60; Có trên 11 năm kinh nghiệm với nghề thủ công truyền thống. Giải thưởng khi được công nhận danh hiệu lên đến 10 vạn yên. Đồng thời người đạt

⁶³ <http://www.city.kyoto.lg.jp/>

đánh hiệu sẽ được tài trợ mở các triển lãm giới thiệu sản phẩm và trình diễn kỹ năng nghề truyền thống trong ngày hội công nghiệp truyền thống của thành phố vào những năm kế tiếp. Cho đến năm 2014 đã có 58 thợ thủ công thuộc 7 lĩnh vực được công nhận (trong đó có 6 thợ gốm Kyo).⁶⁴ Hoạt động này đã góp phần tạo nguồn lực hạt nhân cho ngành sản xuất gốm truyền thống hiện nay ở Kyoto.

Các chính sách phát triển năng động công nghiệp truyền thống ở Kyoto trong Bản kế hoạch xây dựng thành phố Kyoto giai đoạn 2 – “*Kinh đô Kyoto – cất cánh tương lai*” chỉ rõ vai trò của thủ công nghiệp truyền thống là một trong những mũi nhọn không thể thiếu trong việc đưa Kyoto đến với thế giới trong giai đoạn từ 2011 đến năm 2020. Trong phần phát triển năng động công thương nghiệp của thành phố (trang 66) nhấn mạnh vào việc tận dụng các nguồn lực văn hóa, cảnh quan cổ đô dựa trên vốn lịch sử văn hóa 1200 năm của Kyoto để phát triển công nghiệp truyền thống thông qua kết hợp ngành dịch vụ và sản xuất; Đẩy mạnh dịch vụ thương mại, tạo nên sức hút của Kyoto – là nơi mua sắm thoải mái các sản phẩm truyền thống văn hóa phục vụ mọi lứa tuổi từ già đến trẻ; Nhấn mạnh công tác chi viện từ các cơ quan ban ngành để áp dụng kỹ thuật cao vào sản xuất nhằm tạo ra những sản phẩm chất lượng tốt nhất. Bản kế hoạch cũng chỉ rõ việc kết hợp các ngành dịch vụ với sản xuất truyền thống cùng công tác khai thác phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường sẽ tạo thêm việc làm cho mọi đối tượng người dân (từ già, trẻ tới người khuyết tật...) - giúp tận dụng nguồn lực lao động tại địa phương.

Cho đến nay, thành phố Kyoto đã triển khai rất tốt công tác phát triển du lịch, dịch vụ kết hợp với kinh doanh các sản phẩm thủ công truyền thống nói chung và gốm Kyo nói riêng. Kyoto vốn được biết đến như mảnh đất của những buổi hội trà và các lễ hội trải dài quanh năm. Từ những tiệc trà đầu năm với sự mở đầu của hai trường phái trà đạo nổi tiếng nhất Kyoto là Omote Senke và Ura Senke⁶⁵, tiếp theo

⁶⁴ <http://www.city.kyoto.lg.jp/sankan/>

⁶⁵ Omote Senke là con trai trưởng của Sen no Rikkyu. Sau này, con cháu của ông đã lập ra nhiều môn phái Trà đạo khác nhau nhưng nổi tiếng nhất là ba môn phái: Omote Senke, Ura Senke và Mushakooji Senke.

đó là các trường phái trà đạo khác cũng mở các buổi tiệc trà. Những buổi tiệc trà truyền thống này chính là cơ hội quý giá để chúng ta được thưởng lãm những món đồ gốm trà Kyo được trân quý của chủ nhà. Không chỉ có các buổi tiệc trà, trong các lễ hội nổi tiếng tại đây như lễ hội Gion hay Kamogawa cũng là dịp phô bày ra mọi khía cạnh hào hoa phong nhã chốn kinh đô – mà ở đó không thể thiếu những món đồ trà, những chiếc đĩa gốm dùng để bày wagashi. Thậm chí từ thời Minh Trị trở đi, đã có những lò gốm nổi tiếng ở Kyoto chuyên sản xuất những đĩa bày wagashi này. Nổi tiếng nhất phải kể đến Lễ hội gốm sứ dọc Gojo được tổ chức từ mùng 7 đến mùng 10 tháng 8 hàng năm. Lễ hội này có từ năm 1920 – Được coi như hoạt động mở đầu cho lễ hội Bon ở Kyoto nên thu hút được rất đông lượng khách du lịch đến dự lễ hội tham gia mua sắm các sản phẩm gốm. Đến nay, cùng với chính sách xây dựng Kyoto hướng tới xứng tầm trung tâm văn hóa của cả nước, quy mô lễ hội đc mở rộng với 400 sạp gốm khắp con dốc Gojo và trở thành lễ hội gốm sứ mùa hè của cả nước. Tiếp nữa là lễ hội gốm sứ thường niên do Hợp tác xã gốm sứ Kiyomizu tổ chức từ ngày 18 đến ngày 20 tháng 7 từ năm 1975. Đến nay, ngày của lễ hội đã chuyển sang thứ 6, thứ 7 và chủ nhật của tuần thứ 4 tháng 7 hàng năm thu hút hàng nghìn người tham gia. Ngoài ra cũng không thể không kể đến lễ hội gốm sứ mùa xuân của hợp tác xã gốm sứ Hiyoshi được tổ chức từ năm 1999 vào đúng mùa hoa anh đào nở nhằm thu hút khách du lịch thập phương... Hay ta cũng có thể bắt gặp tại đây lễ hội gốm sứ ở điện thờ Wakamiya Hachimangu thờ ông tổ nghề gốm. Trong điện thờ cũng trưng bày nhiều tác phẩm gốm Kyo của các thợ gốm nổi tiếng. Hàng loạt các lễ hội diễn ra quanh năm chính là một trong những ưu thế góp phần đưa các sản phẩm gốm sứ truyền thống đến gần người dân hơn và cũng là dịp để quảng bá gốm sứ địa phương với khách du lịch khắp mọi nơi. Hiện nay, thậm chí có rất nhiều các lò gốm địa phương cũng đến Kyoto mua đồ gốm sứ về bán khiến lượng người biết đến danh tiếng gốm Kyo ngày càng tăng.

Bên cạnh các hoạt động lễ hội gốm sứ, các hoạt động triển lãm thường niên nghề thủ công truyền thống cũng là nơi mà các sản phẩm gốm Kyo thu hút được sự quan tâm của đông đảo người tham dự. Kể từ năm 2011, thành phố Kyoto mở các cuộc triển lãm thường niên vào mùa xuân và thu là “Triển lãm các tác phẩm của các tác giả có kỹ thuật thủ công truyền thống xuất sắc thành phố Kyoto” và Triển lãm các tác phẩm đạt giải thưởng trong cuộc triển lãm mùa xuân cùng năm. Đây là nơi có các màn trình diễn kỹ thuật thủ công truyền thống, giới thiệu sản phẩm và giới thiệu các kỹ thuật thủ công mới....Với các cuộc triển lãm riêng của gốm sứ cũng được các hợp tác xã, hội nhóm.. phối hợp với bảo tàng mỹ thuật Kyoto, *Viện tiếp xúc nghề thủ công truyền thống Kyoto* hay các trường đại học, trường dạy nghề truyền thống tổ chức quanh năm. Đáng chú ý là cuộc triển lãm trong khuôn khổ các hoạt động kỷ niệm “ 50 năm phát triển khu liên hiệp công nghệ gốm sứ Kiyomizu – một thế giới mới của gốm Kyo” ở bảo tàng văn hóa Kyoto....

Cùng với các hoạt động hội trợ triển lãm, các hoạt động sáng tạo nhằm phát triển thị trường cho mặt hàng gốm truyền thống phối hợp với thu hút khách du lịch cũng rất được chú trọng. Năm 2010, Hợp tác xã gốm sứ Kiyomizu đã cho ra đời linh vật đại diện cho sản phẩm gốm Kiyomizu tên là Kiyomaru với hình dáng chiếc bát úp ngược thu hút được đông đảo sự quan tâm của người tiêu dùng.



Hình 2.5: Linh vật Kiyomaru của Hợp tác xã gốm sứ Kiyomizu ra đời vào năm 2010⁶⁶

Từ gốm Kiyomizu cổ cho đến gốm Kyo thời hiện đại – Sản xuất gốm sứ truyền thống Kyoto đã trải qua biết bao thăng trầm. Nhưng cùng với sự phát triển

⁶⁶ <http://www.pref.kyoto.jp/tokgs/>

của xã hội thông tin hiện nay, sản xuất gốm sứ địa phương đang trên đà phát triển thay da đổi thịt – không chỉ về chất lượng mà còn đổi mới về mẫu mã sản phẩm và ngày càng chứng tỏ được vị trí của mình trong nước cũng như quốc tế.

Tiểu kết chương 2:

Như vậy, thời kỳ Minh Trị đã đánh dấu một bước chuyển biến mới cho sản xuất gốm sứ Kyoto truyền thống với sự xuất hiện của những sản phẩm gốm sứ màu mang vẻ đẹp hiện đại và cũng nhẹ nhàng hơn trước rất nhiều. Danh tiếng của gốm sứ cổ đô cũng không còn giới hạn ở một vài địa phương lân cận mà đã được biết đến trên khắp nước Nhật và bước đầu tạo được tiếng vang tại thị trường quốc tế.

Bước sang thời kỳ Đại Chính và Chiêu Hòa, hai cuộc Đại chiến thế giới khiến công nghiệp truyền thống Nhật Bản nói chung và nghề gốm sứ Kyoto nói riêng gặp rất nhiều khó khăn như: Thiếu hụt nguồn nguyên liệu; Thị trường thu hẹp và cơ sở vật chất kỹ thuật bị chiến tranh tàn phá.... Thế nhưng, với tình yêu và lòng tự hào luôn hướng về cổ đô – Nơi hội tụ tinh hoa văn hóa của Nhật Bản, người dân Kyoto đã từng bước khắc phục khó khăn, phát huy những thế mạnh về lực lượng lao động và kỹ thuật để tiếp tục duy trì và phát triển nghề thủ công truyền thống nói chung và nghề gốm sứ nói riêng ở địa phương. Phong trào thủ công truyền thống do Kawai Kanjiro xiển dương ở Kyoto là mở đầu cho làn sóng phục hồi các nghề thủ công dân gian ở nơi đây. Trong bầu không khí sôi động đó, phong trào bảo tồn và phát triển nghề gốm truyền thống ở Kyoto cùng hàng loạt Hội, Nhóm nghiên cứu về gốm Kyo đã ra đời góp phần nâng cao nhận thức của người dân Nhật Bản nói chung và Kyoto nói riêng về giá trị của gốm sứ Kyo truyền thống. Để từ đó, dưới sự viện trợ của Chính Phủ Nhật Bản và trên hết là sự bảo hộ của chính quyền Phủ và thành phố Kyoto, nghề gốm sứ truyền thống ở Kyoto đã và đang không ngừng phục hồi và phát triển mạnh mẽ.

Chương 3: KINH NGHIỆM BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN GÓM KYO TRUYỀN THỐNG Ở NHẬT BẢN VÀ MỘT VÀI GỢI Ý CHO VIỆT NAM

3.1. Khái quát về nghề gốm truyền thống ở Việt Nam.

3.1.1. Sự hình thành và phát triển nghề gốm truyền thống ở Việt Nam

Việt Nam vốn là nước có nền văn minh lúa nước lâu đời. Phương thức sản xuất truyền thống là nông nghiệp thủ công theo mùa vụ. Hai yếu tố này chính là nền tảng sớm làm nảy sinh các ngành nghề thủ công truyền thống ở nước ta. Trong đó, nghề làm gốm chính là một trong những nghề thủ công xuất hiện đầu tiên tại Việt Nam. Theo các tài liệu nghiên cứu khảo cổ học thì vào thời kỳ văn hóa Phùng Nguyên (cách đây khoảng hơn 4000 năm), người Việt cổ đã biết làm ra những món đồ đựng bằng đất nung. Và đến thời Văn Lang dựng nước (từ giữa thiên niên kỷ thứ III trước công nguyên), khi người Việt biết cấy lúa nước thì nghề làm gốm bằng bàn xoay cũng ra đời.⁶⁷ Sự xuất hiện của những đồ gốm đầu tiên này có tầm quan trọng đặc biệt đối với đời sống tổ tiên chúng ta thời nguyên thủy. Nó chính là thành quả trí tuệ của người Việt Nam cổ đối với nhu cầu đời sống: nông nghiệp, chăn nuôi và đánh cá sơ khai.

Đến thế kỷ thứ hai trước công nguyên, việc bị rơi vào ách thống trị của phong kiến phương Bắc đã tạo điều kiện cho nghề gốm tiếp thu những phong cách và kỹ thuật của Trung Quốc. Phong cách gốm thời kỳ này mang phong cách Hán hoặc kết hợp giữa hoa văn Việt - Hán.

Bước sang thời nhà Lý vào thế kỷ thứ X, sau khi thoát khỏi sự đô hộ của Trung Hoa cũng chính là thời kỳ văn hóa nghệ thuật Việt Nam đạt được những thành tựu rực rỡ và mang dấu ấn cá nhân rõ nét. Thời kỳ này cũng đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của nghề gốm truyền thống về cả quy mô sản xuất, chất liệu.... Ngoài loại men tro và men đất quen thuộc, men trắng đã xuất hiện cùng với sự phát triển của kỹ thuật gốm và trình độ thẩm mỹ cao đã tạo nên ba loại gốm nổi tiếng nhất trong thời kỳ này là: gốm men trắng ngà chạm đắp nổi, gốm hoa nâu và gốm men ngọc. Trong đó nổi tiếng Nhất phải nói tới gốm men ngọc với hoa văn khác

⁶⁷ Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb GD, HN, tr.40-41.

chìm hoặc in nổi chủ yếu trong lòng bát, lòng đĩa dưới màu men ngọc trong suốt, cho ta một vẻ đẹp dịu dàng sâu đậm.

Thời Lý Trần, cùng với đời sống kinh tế, xã hội phát triển cũng chính là điều kiện cho các làng nghề thủ công ra đời và phát triển bên cạnh những làng thuần nông nghiệp. Đây chính là thời kỳ các trung tâm sản xuất thủ công nghiệp có sự chuyên môn hóa mạnh mẽ và nghề gốm truyền thống của nước ta cũng không phải ngoại lệ. Các làng gốm truyền thống như làng gốm Bát Tràng, Thổ Hà, Phù Lãng... nối tiếp nhau ra đời và tồn tại cho tới ngày nay. Các làng gốm đều phát triển dọc theo các triền sông gần nguồn đất sét quý giá để làm gốm sứ, vừa thuận tiện cho việc chuyên chở hàng hóa. Nếu như gốm men ngọc vốn rất thịnh hành ở những thế kỷ XI đến thế kỷ XIII, thì tới nửa đầu thế kỷ XIV khi có gốm hoa lam - một loại gốm có màu men trắng đục vẽ trang trí màu lam và gốm nhiều màu vẽ trên men, thì gốm men ngọc, cũng như gốm hoa nâu, phải nhường bước cho những loại gốm mới này. Cũng từ thế kỷ XIII – XIV, khi đồ gốm Việt Nam bắt đầu cạnh tranh với hàng hóa xuất khẩu Trung Hoa trên thị trường quốc tế thì gốm hoa lam Việt Nam có sức cạnh tranh rất cao, đặc biệt trong khu vực Đông Nam Á. Đồ gốm miền bắc Việt Nam trong thời kỳ này cũng cho thấy những nét ảnh hưởng của Hồi giáo, điển hình như những mâm khay lớn.



Hình 3.1: Từ trái qua phải: Đĩa men ngọc thời Lý; Bình gốm hoa nâu và đĩa gốm hoa lam thời Lê Sơ

Cũng từ thế kỷ XIV, đồ gốm sứ Việt cổ truyền đã phát triển với tinh thần bản sắc dân tộc hết sức mạnh mẽ sau bao nhiêu thăng trầm biến cố của lịch sử. Người thợ Việt Nam đã tạo nên những dáng kiêu, sắc men và hoa văn rất thuần Việt, thể

hiện một tinh thần sáng tạo vừa bay bổng phóng túng lại vừa đảm bảo tính hữu dụng trong đời sống hàng ngày. Nhiều thử nghiệm về sắc men, dáng kiêu, nhiều hoa văn đẹp lạ không thể thấy được ở văn hoá các nước trong khu vực mà tiêu biểu là gốm sứ Trung Hoa vốn nhiều khuôn khổ gò bó. Đây cũng là thời kỳ của những phát kiến địa lý – Khi các nước phát triển của Tây Âu tràn sang phương Đông. Các nước Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp... thành lập công ty, xây dựng căn cứ ở phương Đông để buôn bán. Các công ty phương Tây, nhất là công ty Đông Ấn Hà Lan đã mua nhiều đồ gốm Việt Nam bán sang thị trường các nước Đông Nam Á và rất được ưa chuộng vì vẻ đẹp hài hòa, độc đáo của hình dáng, màu men, nét vẽ. Ngoài ra, vào thời gian này các thương gia Nhật Bản cũng đã đến Việt Nam qua các cảng biển phố Hiến ở miền Bắc và Hội An ở miền Trung Nam Bộ ngày nay. Theo “Phủ biên tạp lục” của Lê Quý Đôn thì các thuyền buôn của Nhật Bản đã đến giao dịch tại các thương cảng ở Việt Nam với số lượng khá lớn. Mặt hàng nhập khẩu thường là đồ đồng, xuất khẩu hương liệu, gốm sứ, thổ sản. Trong các gia đình quý tộc, thương gia và một số bảo tàng Nhật Bản cho tới ngày nay vẫn còn lưu giữ nhiều di vật gốm Việt Nam như đồ gốm Bát Tràng, Chu Đậu... mà họ hay gọi là Kochi (có nghĩa là Giao Chỉ). Theo một số nhà nghiên cứu nhận xét, nhiều nghệ nhân gốm Nhật Bản đã học tập và làm theo các mẫu lọ, lộc bình, bát uống trà... của gốm Bát Tràng.

Như vậy, cùng với sự phát triển của kỹ nghệ chế tác đồ gốm, Việt Nam đã chính thức trở thành quốc gia xuất khẩu đồ gốm quan trọng trong hệ thống thương mại quốc tế trên biển vào thế kỷ XV đến XVII. Nếu xét gốm sứ Việt Nam trong dòng chảy của ba thế kỷ này, qua tham khảo các nghiên cứu của các học giả, ta thấy thế kỷ XIV là giai đoạn mở đầu, thế kỷ XV là giai đoạn hưng thịnh, đỉnh cao và thế kỷ XVII là giai đoạn sau cùng

Bước sang thế kỷ XVIII, việc xuất khẩu và buôn bán đồ gốm Việt Nam ở Đông Nam Á bị giảm sút nhanh chóng vì triều Thanh bãi bỏ chính sách cấm vượt biển buôn bán với nước ngoài. Từ đó, gốm sứ chất lượng cao của Trung Quốc tràn xuống thị trường Đông Nam Á và đồ gốm Việt Nam không đủ sức cạnh tranh. Bên

cạnh đó thì Nhật Bản, một thị trường lớn của gốm Việt Nam bấy giờ sau một thời gian đóng cửa đã đẩy mạnh được sự phát triển các ngành kinh tế trong nước như tơ lụa, đường, gốm sứ... mà trước đây phải nhập sản phẩm của nước ngoài.

Cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, cuộc cách mạng công nghiệp ở phương Tây với những hàng hoá mới cần thị trường tiêu thụ rộng lớn. Tình hình kinh tế đó cùng với chính sách hạn chế ngoại thương của các chính quyền Trịnh, Nguyễn trong thế kỉ XVIII và của nhà Nguyễn trong thế kỉ XIX đã làm cho quan hệ mậu dịch đối ngoại của Việt Nam sa sút, do đó việc xuất khẩu đồ gốm cũng bị suy giảm.

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, các làng gốm truyền thống ở Việt Nam không có điều kiện để phát triển nghề gốm. Thời gian này, nghề gốm bị sa sút và tưởng chừng như có lúc mất nghề. Sau ngày hòa bình lập lại ở miền Bắc (năm 1954), đánh giá đúng vai trò của làng nghề truyền thống trong quá trình phát triển kinh tế nước nhà, Đảng và nhà nước ta đã có những biện pháp thúc đẩy các nghề thủ công truyền thống nói chung và nghề gốm sứ truyền thống nói riêng khiến các làng nghề truyền thống phát triển mạnh mẽ, đóng góp phần lớn vào sự phát triển kinh tế nước nhà lúc bấy giờ. Tuy nhiên, thời kỳ này xuất khẩu hàng thủ công truyền thống của Việt Nam chủ yếu là vào thị trường các nước Xã hội chủ nghĩa, dựa trên hiệp định tương trợ thương mại, vì vậy mà chất lượng sản phẩm ít được chú ý tới. Chính điều này đã dẫn tới thói quen làm việc cầu thả, ít coi trọng tay nghề cao của các nghệ nhân, làm giảm sức sáng tạo - là đặc điểm quan trọng nhất của những nghề thủ công truyền thống như gốm sứ. Không những thế, phương thức sản xuất tập thể đã biến những người thợ thủ công thành xã viên hợp tác xã chuyên làm nghề phụ bổ sung cho nông nghiệp, phá vỡ kết cấu gia đình trong tổ chức sản xuất thủ công nghiệp truyền thống, gây nên sự thất truyền các bí quyết nghề nghiệp. Một số các làng nghề gốm sứ truyền thống cũng không tránh khỏi tình cảnh này và bị mai một, suy tàn dần. Có thể đưa ra một số ví dụ như: Làng gốm Thổ Hà - một trong ba trung tâm gốm cổ xưa nhất của người Việt bên cạnh gốm Phù Lãng (Quế Võ - Bắc Ninh) và gốm Bát Tràng (Gia Lâm - Hà Nội) - vốn nổi tiếng với loại gốm sành chất lượng tốt, được nung ở nhiệt độ cao

mà dân gian vẫn truyền lại là: "... gõ trên gôm tiếng kêu koong koong như thép, mảnh gôm có cạnh sắc như dao, đục chất lỏng không bao giờ thấm qua, đục chất rắn đầy chặt không bao giờ ẩm mốc".[25, tr.30] Vào những năm 1940 nghề làm gôm ở Thổ Hà rất phát triển. Nhưng đến giữa những năm 60 do các lò gôm tốn nhiều diện tích đất và gây ô nhiễm nên nhà nước thành lập Xí nghiệp gôm Đá Vang trên vùng đồi núi của làng Lát cách Thổ Hà 3 km về hướng Bắc, toàn bộ dân làm gôm của Thổ Hà thành công nhân của xí nghiệp, ăn lương nhà nước. Đầu những năm 80 kinh tế của thời bao cấp vô cùng khó khăn, dân làng chuyển sang nghề mới là làm bánh đa nem và nấu rượu từ sắn khiến cho nghề gôm ở đây cũng dần tàn lụi.

Tuy nhiên, bước vào thời kỳ đổi mới sau năm 1986, với các chính sách quản lý mới nhằm xây dựng một nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã làm cho nhiều làng nghề thủ công truyền thống, trong đó có nghề gôm sứ truyền thống dần được khôi phục. Nhiều trung tâm gôm trở lại hoạt động sôi nổi và rất năng động để thích ứng với nền kinh tế mới như Bát Tràng, Đông Triều, Phù Lãng...

Như vậy, nghề gôm truyền thống của Việt Nam với nguồn nguyên liệu là những vĩa đất sét tốt ở ven sông tạo cơ sở thuận lợi cho các làng nghề truyền thống phát triển từ bao đời nay. Những sản phẩm gôm sứ truyền thống nước ta không chỉ có giá trị về mặt vật chất, văn hóa tinh thần lớn lao mà với giá trị thẩm mỹ cao, nó còn là một mặt hàng được ưa chuộng ở nhiều nước trên thế giới. Bước vào thời kỳ đổi mới, cùng với sự quan tâm của Chính phủ sẽ tạo cơ hội cho nghề gôm sứ truyền thống vượt qua giai đoạn khó khăn, phát huy tiềm lực của nghề không chỉ trong kinh tế mà còn trong cuộc sống văn hóa. Nhất là trong giai đoạn hiện nay, khi mà xu hướng toàn cầu hóa đang diễn ra một cách mạnh mẽ thì việc bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống càng phải được quan tâm hơn trước. Nghề thủ công truyền thống nói chung và nghề gôm sứ truyền thống nói riêng chính là một trong những yếu tố văn hóa quan trọng, góp phần giới thiệu nền văn hóa Việt Nam tới thế giới, thúc đẩy ngành du lịch và dịch vụ phát triển, góp phần đưa kinh tế, văn hóa Việt Nam hội nhập với khu vực và quốc tế.

3.1.2. Vài nét về thực trạng nghề gốm truyền thống ở Việt Nam hiện nay.

Bước vào những năm 1990, sự sụp đổ của chế độ Xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô cũ đã ảnh hưởng rất nhiều tới các hoạt động thương mại của Việt Nam lúc bấy giờ. Các mặt hàng thủ công nghiệp trong đó có các sản phẩm gốm sứ truyền thống mất đi thị trường xuất khẩu chính khiến nhiều làng nghề bị sa sút. Điển hình trong đó là hai làng gốm Hương Canh và Thổ Hà (như đã đề cập ở trên) đều là hai làng gốm cổ thuộc hàng lâu đời nhất ở miền Bắc nước ta cùng với gốm Bát Tràng. Tuy nhiên, có một số lò gốm truyền thống đã tìm ra được hướng đi mới, chuyển mục tiêu sang thị trường trong nước và nhanh chóng phát triển điển hình là làng gốm Bát Tràng ở phía Bắc nước ta.

Từ sau những năm 1990, cùng với chính sách mở cửa giao lưu rộng rãi với các nước trên thế giới khiến thị trường xuất khẩu của mặt hàng gốm sứ truyền thống nước ta khởi sắc với những thị trường mới như: Nhật Bản, Đài Loan, Hồng Kông, Thái Lan và Singapo... Những làng nghề gốm truyền thống ở nước ta cùng với những nghề thủ công truyền thống khác đã giải quyết việc làm cho nhiều lao động ở nông thôn, giúp cải thiện cuộc sống của nông dân nghèo, thúc đẩy kinh tế đất nước. Không những thế, hiện nay, để có thể thích ứng với nền kinh tế thị trường, các làng nghề năng động đang phát triển sang các làng bên cạnh hợp thành các cụm làng nghề, giúp giải quyết việc làm cho không chỉ người dân làng mình mà còn cả những làng khác nữa.

Không chỉ có vai trò lớn trong việc tăng giá trị xuất khẩu, các nghề thủ công truyền thống ở Việt Nam, trong đó có làng gốm truyền thống mà điển hình là làng gốm Bát Tràng Hà Nội còn góp phần đẩy nhanh ngành dịch vụ - du lịch của địa phương phát triển. Không chỉ đưa lại những lợi ích về mặt kinh tế mà còn góp một phần to lớn vào việc quảng bá hình ảnh của các làng nghề truyền thống tới bạn bè khắp nơi trên thế giới.

Những năm gần đây, cùng với nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển kéo theo những hệ lụy của nó đã khiến cho các làng gốm sứ truyền thống nước ta đang phải đứng trước rất nhiều khó khăn như:

Về tình hình đào tạo lao động tại các làng nghề gốm truyền thống: Tại các lò gốm truyền thống ở Việt Nam hầu hết vẫn theo hình thức là truyền nghề trong gia đình hay cho các thợ học việc. Tuy cách truyền dạy này có ưu điểm giúp cho người học việc có thể tiếp thu được những kỹ thuật thủ công lâu đời và rèn luyện tay nghề nhưng nó cũng có nhược điểm là số thợ được đào tạo quá ít ỏi, không đáp ứng được nhu cầu về số thợ gốm hiện nay. Không chỉ thế, với số lượng ít ỏi những người được truyền nghề như vậy còn chính là một trong những nguyên nhân khiến các bí quyết gốm bị thất truyền.

Việc đảm bảo các yêu cầu về yếu tố mỹ thuật: Trong thời đại ngày nay, không chỉ có những tác phẩm gốm sứ mỹ nghệ dùng để trang trí, mà ngay cả những sản phẩm gốm sứ dùng trong sinh hoạt hàng ngày như bát ăn cơm, chén uống trà... cũng đòi hỏi yếu tố thẩm mỹ rất cao mới đáp ứng được nhu cầu thị trường. Chính vì vậy mà các trường dạy nghề, các cơ sở đào tạo về gốm sứ mỹ nghệ là một yêu cầu không thể thiếu đối với nghề gốm truyền thống hiện nay ở nước ta.

Từ đó có thể thấy được thực tế là hiện nay ở nước ta đang thiếu hụt một cách trầm trọng các cơ sở dạy nghề gốm. Ngay như trường Đại học mỹ thuật công nghiệp - vốn là cái nôi đào tạo của các nghề truyền thống nước ta mỗi năm cũng chỉ có 10 sinh viên tốt nghiệp Khoa gốm. Hay như trường Cao đẳng trang trí mỹ thuật Đồng Nai mỗi năm cũng chỉ có từ 15 đến 30 sinh viên học Ngành gốm.

Tiếp nữa là về tình hình kỹ thuật tại các lò gốm cũng là một điều cần bàn tới. Trong những năm gần đây, Nhà nước và Chính quyền địa phương đã có những chính sách thiết thực nhằm cải thiện về mặt kỹ thuật ở các làng nghề. Tại nhiều cơ sở sản xuất gốm sứ truyền thống đã được trang bị các thiết bị máy móc hiện đại: như máy khử từ để tách sắt ra khỏi đất sét, các loại máy trộn đất... Và một trong những dự án tiêu biểu nhất phải nhắc đến là Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa (PECSME)⁶⁸ được thực hiện tại làng gốm Bát Tràng do Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện với sự tài trợ của Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF) và Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) trong 5

⁶⁸ <http://enternews.vn/du-an-pecsme-vao-bat-trang-sinh-khi-moi.html>

năm từ năm 2006 đến năm 2010. Được sự hỗ trợ của Dự án PECSME, tất cả các lò hộp trong làng đã được thay bằng các lò gas. Điều này không chỉ giúp nâng cao năng suất mà môi trường làng nghề cũng trở nên trong sạch hơn trước. Thành công của Dự án PECSME tại Bát Tràng đã có sức lan tỏa lớn. Gần đây các tổ chức như JICA Nhật Bản đã tiếp cận và cam kết tiếp tục nhân rộng mô hình này, Cộng hòa Sec cũng hỗ trợ 12 hộ sản xuất với tổng kinh phí 500 triệu đồng để bổ sung vốn đầu tư lò gas....

Tuy nhiên, việc cải thiện kỹ thuật ở các làng gốm thực chất vẫn còn rất khó khăn. Do đặc tính của thủ công nghiệp Việt Nam là sản xuất nhỏ lẻ, manh mún trong khi những thiết bị kỹ thuật thì khá tốn kém. Chỉ tính riêng việc thay lò hộp bằng lò gas ban đầu cũng khiến cho không ít hộ gia đình ở Bát Tràng lao đao do giá gas quá cao. Chính vì vậy, trừ một số các doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất có vốn đầu tư hoặc thông qua các dự án, còn đa số các hộ sản xuất nhỏ lẻ ở các làng gốm đều thực hiện các công đoạn phụ trợ một cách thủ công hoặc bằng các phương tiện thô sơ tự chế. Điều này đã gây ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng sản phẩm và làm tiêu tốn nhiều thời gian, công sức của người thợ gốm.

Tiếp theo là vấn đề về ô nhiễm môi trường làng nghề.

Đây vốn là vấn đề muôn thủa của các làng nghề nước ta. Đối với các làng nghề gốm sứ truyền thống thì tình trạng ô nhiễm không khí rất nghiêm trọng. Chỉ mới một thời gian ngắn trước đây, Bát Tràng vẫn còn chìm ngập trong khói bụi ô nhiễm của tro than từ các lò nung gốm với 70% dân số mắc bệnh rối loạn đường hô hấp và hơn 80% dân số bị đau mắt hột. Hiện nay, với việc thay thế các lò hộp ở Bát Tràng bằng các lò gas, vấn đề ô nhiễm làng nghề đã phần nào được cải thiện. Tuy nhiên, với thói quen của những hộ sản xuất nhỏ lẻ, những đồng rác thải phế liệu cùng những mảnh gốm vỡ vẫn bị vứt bừa bãi khắp làng gây mất cảnh quan khu vực làng nghề, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh du lịch của làng nghề.

Hay như làng gốm Phù Lãng (Bắc Ninh) vẫn chủ yếu đốt lò gốm bằng gỗ; Làng gốm cổ Kim Lan Hà Nội dù là đối tượng của Dự án LCEE – Dự án “Hỗ trợ đầu tư xanh” với quỹ đầu tư 110 tỷ đồng từ Chính phủ Đan Mạch phối hợp với Ủy

ban nhân dân xã Kim Lan, Hà Nội nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất gốm chuyển đổi từ mô hình sản xuất bằng lò than truyền thống sang lò gas thông qua bảo lãnh ngân hàng và trả thưởng bắt đầu từ đầu năm 2015 nhưng đến nay mới có 2 doanh nghiệp gốm Kim Lan nhận được nguồn vốn này...

Về thị trường tiêu thụ và vốn: Thị trường tiêu thụ là bài toán chung đối với các làng nghề gốm sứ truyền thống của nước ta. Nguyên nhân chính cũng do sản xuất nhỏ lẻ, mạnh ai nấy làm, việc xúc tiến, quảng bá, mở rộng thị trường còn rất hạn chế. Không những thế, những làng gốm sứ truyền thống nước ta còn phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của gốm sứ Trung Quốc với giá thành rẻ, mẫu mã lại đa dạng. Một trong những làng nghề gốm đang loay hoay tìm đường ra chính là làng gốm Phù Lãng. Phần lớn các sản phẩm gốm Phù Lãng đều được bán thông qua đại lý ở Hà Nội và các thành phố lớn. Không chỉ thế, hầu hết các lô hàng xuất ra nước ngoài của Phù Lãng cũng đều phải qua các doanh nghiệp gốm sứ Bát Tràng, chỉ có một số ít sản phẩm là được bán trực tiếp cho khách du lịch hoặc tham quan.

Nguồn vốn cũng là một vấn đề gây đau đầu cho các hộ gia đình có nghề gốm. Mặc dù các chính sách về vốn và đầu tư, tín dụng đã có nhiều đổi mới, góp phần tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình và các doanh nghiệp trong làng nghề phát triển nhưng do thủ tục hành chính quá phức tạp nên các hộ sản xuất ở các làng gốm như Bát Tràng, Phù Lãng, hay làng gốm gia dụng Lái Thiêu ở miền Nam...vẫn chưa thể nào tiếp cận được các khoản vay này.

Cuối cùng là vấn đề thương hiệu: Chẳng hạn, ở làng gốm Bát Tràng những năm gần đây, cùng với việc phát triển làng nghề thì những người lao động từ những vùng lân cận kéo về làng khá đông để lập nghiệp. Do mãi chạy theo nhu cầu của thị trường mà những sản phẩm làm ra theo phương thức "mì ăn liền" như các sản phẩm gốm đồ khuôn thạch cao tại các lò gốm Bát Tràng hay hấp Decan thay cho vẽ hoa văn trên gốm... ngày càng xuất hiện nhiều hơn. Không những thế, ta cũng có thể bắt gặp những sản phẩm gốm Bát Tràng nhái các mẫu gốm Phù Lãng, Trung Quốc... được bày bán ở khu vực phía gần cổng làng khiến cho thương hiệu gốm Bát Tràng cũng ít nhiều bị ảnh hưởng.

Đây chính là những khó khăn chính của các làng gốm truyền thống ở nước ta. Ngoài ra, sự suy thoái tài nguyên đất sét do khai thác quá mức cũng là một điều cần nói tới. Nhất là các mỏ đất sét ở ven bờ sông. Để có đất sét, không ít hộ sản xuất đã thuê người đi khai thác trộm đất sét ở nơi khác gây tình trạng sụt lở ven các bờ sông, ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt sản xuất của cư dân ven bờ.

Nhận thức được những khó khăn mà các làng nghề truyền thống đang gặp phải và cũng chính vì nhận thấy những lợi ích to lớn mà các làng nghề truyền thống nói chung và làng nghề gốm sứ truyền thống nói riêng đem lại, Đảng và Chính Phủ cùng Chính quyền địa phương đã có những chính sách, dự án kịp thời nhằm phục hồi và phát triển các làng nghề truyền thống ở nước ta nói chung và làng nghề gốm sứ truyền thống nói riêng.

Cho tới nay, nhằm thúc đẩy các làng nghề phát triển, các quy định có tính pháp lý liên quan đến làng nghề đã được soạn thảo, ban hành trong nhiều thời kỳ khác nhau. Tuy nhiên có một bất cập cần phải nhắc đến, đó là ta vẫn thiếu một bộ luật dành riêng cho nhóm nghề truyền thống mà mới chỉ có những điều khoản liên quan đến việc phát triển nghề thủ công truyền thống. Những chính sách này có nội dung khá phức tạp, rắc rối, phần lớn chưa đến được với các đối tượng cần hướng tới nên chưa thực sự giúp được gì nhiều cho các cơ sở sản xuất thủ công truyền thống nhỏ lẻ, vốn không hiểu biết nhiều về pháp luật. Phải đến năm 2001, khi Luật di sản văn hóa được ban hành mới tạo được cơ sở pháp lý cho các công tác bảo tồn và phát triển các di sản văn hóa Việt Nam nói chung và các nghề thủ công truyền thống ở Việt Nam nói riêng.

Cùng với Luật di sản văn hóa ban hành vào ngày 29/06/2001 và Luật sửa đổi ban hành vào 18/06/2009, khái niệm di sản văn hóa phi vật thể lần đầu tiên đã được định nghĩa một cách rõ ràng trong luật pháp Việt Nam: "Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, được lưu truyền bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu giữ, lưu truyền khác, bao gồm tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian, lối sống,

nếp sống, lễ hội, **bí quyết về nghề thủ công truyền thống**, tri thức về y, dược học cổ truyền, về văn hóa ẩm thực, về trang phục truyền thống dân tộc và những tri thức dân gian khác".⁶⁹ Không những thế, điều 24 của Luật Di sản văn hóa cũng quy định rõ Nhà nước phải có chính sách khuyến khích việc duy trì, phục hồi và phát triển các nghề thủ công truyền thống có giá trị tiêu biểu. Việc đưa các bí quyết nghề thủ công truyền thống vào khái niệm di sản văn hóa phi vật thể đã thực sự tạo cơ sở cho việc thực hiện các chính sách và dự án về bảo tồn và phát triển làng nghề thủ công truyền thống ở Việt Nam. Tuy nhiên, mặc dù đã nhắc tới các biện pháp nhằm khôi phục và phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống ở nước ta trong điều 9 - Nghị định 92/2002 NĐCP về thi hành Luật di sản văn hóa⁷⁰ như: Phân loại các nghề thủ công truyền thống; Công tác thuế, đầu tư khuyến khích phát triển các nghề truyền thống; Các quy định về nguyên vật liệu, thúc đẩy thị trường, hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo dạy nghề ... nhưng vấn đề công nhận các Nghệ nhân cũng như công tác thi đua khen thưởng vẫn chưa được nhắc tới. Điều thiếu sót này đã từng bước được khắc phục qua Luật sửa đổi của Luật Di sản văn hóa ban hành ngày 18/06/2009. Trong Luật sửa đổi đã có điều khoản nêu rõ về chế độ ưu đãi và khen thưởng, trao tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân và Nghệ nhân ưu tú cho các cá nhân Nghệ nhân của nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống cũng như các tiêu chuẩn để xét tặng danh hiệu Nghệ nhân và Nghệ nhân ưu tú. Không những thế, luật sửa đổi cũng đưa ra các biện pháp nhằm tôn vinh và có chính sách đãi ngộ với những Nghệ nhân có tài năng xuất sắc đã có công bảo vệ và phát huy những di sản văn hóa phi vật thể của dân tộc. Đây chính là một bước tiến quan trọng tạo tiền đề cho việc triển khai những chính sách của Chính phủ tại các địa phương có các làng nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống nhằm giúp đỡ, động viên những cá nhân xuất sắc trong công tác bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống ở nước ta.

Dựa trên Luật sửa đổi của Luật di sản văn hóa - Nghị định số 66/2006/ NĐ-CP⁷¹ về phát triển ngành nghề nông thôn - ban hành ngày 7/7/2006 đã đưa ra những

⁶⁹ Điều 4 Luật di sản văn hóa: http://laws.dongnai.gov.vn/2001_to_2010/

⁷⁰ <http://csdl.thutuchanhchinh.vn/>

⁷¹ <http://csdl.thutuchanhchinh.vn/>

tiêu chuẩn để được công nhận nghề truyền thống là những nghề. Cũng theo những tiêu chí này, các hoạt động xét duyệt làng thủ công truyền thống và nghề thủ công truyền thống đã diễn ra hàng năm tại các địa phương trên cả nước. Có nhiều làng gốm sứ truyền thống cũng đã được công nhận là làng nghề truyền thống như gốm sứ Bát Tràng, gốm sứ Kim Lan, gốm sứ Giang Cao ...

Ngoài ra, cũng theo quy định tại Nghị định 66/2006/NĐ-CP, Thông tư 113/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính, Thông tư 46/2011/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận sẽ được hưởng các chính sách ưu đãi về phát triển ngành nghề nông thôn. Đối với Nghề truyền thống được công nhận sẽ được thưởng 20 triệu đồng; Làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận được thưởng 50 triệu đồng.

Cùng với những tiêu chuẩn này, trong chương II điều 6 của bản Nghị định cũng nêu rõ chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với du lịch là một chiến lược nhằm thúc đẩy các nghề thủ công truyền thống ở nước ta.

Bản Nghị định này cũng với những tiêu chuẩn về nghề thủ công truyền thống và các làng nghề truyền thống chính là cơ sở cho công tác xét duyệt, hỗ trợ việc bảo tồn và phát triển các ngành nghề truyền thống ở nước ta hiện nay.

Với công tác trao tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân và Nghệ nhân ưu tú cho các cá nhân Nghệ nhân của nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống cũng như các tiêu chuẩn để xét tặng danh hiệu Nghệ nhân và Nghệ nhân ưu tú thì ngày 25/6/2014, Chính Phủ đã ra nghị định Số: 62/2014/NĐ-CP – Quy định về xét tặng danh hiệu “nghệ nhân nhân dân”; “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực Di sản văn hóa phi vật thể. Và đặc biệt là bản nghị định Số: 123/2014/NĐ-CP – ban hành ngày 25/12/2014 – Quy định về xét tặng danh hiệu “ Nghệ nhân nhân dân” và “ Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ. Đây cũng là cơ sở và nguồn động viên rất lớn để cá nhân các nghệ nhân – những “báu vật sống” của nghề thủ công truyền thống nói chung và nghề gốm sứ truyền thống ở Việt Nam nói riêng nỗ lực hơn nữa trong việc kế tục và phát triển nghề gốm sứ truyền thống của dân tộc.

Không chỉ có vậy, trong những năm gần đây, để thúc đẩy hơn nữa các làng

nghề truyền thống phát triển, rất nhiều dự án, kế hoạch...như kế hoạch đào tạo ngành nghề nông thôn tại địa phương, các kế hoạch hỗ trợ vay vốn, các chương trình về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn...đã được đưa ra tại các địa phương có các ngành nghề truyền thống nhằm hỗ trợ các làng nghề phát triển, hội nhập với nền kinh tế thị trường mà vẫn đảm bảo được về môi trường làng nghề.

3.2. Kinh nghiệm bảo tồn và phát triển gốm Kyo truyền thống ở Nhật Bản và một vài gợi ý cho Việt Nam.

Gốm Kyo truyền thống với vẻ đẹp của nó từ bao đời nay đã làm say mê không biết bao người yêu gốm sứ trên toàn thế giới. Những món đồ gốm tuy nhỏ bé nhưng nó chứa đựng tâm hồn và sự rung cảm nghệ thuật của những nghệ nhân tài hoa cố đô Nhật Bản. Nó không chỉ là những món đồ quen thuộc trên bàn ăn mà còn thực sự đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống văn hóa và tinh thần của người dân Nhật Bản nói chung và người dân Kyoto nói riêng. Từ thực tế bảo tồn và phát triển của nghề gốm Kyo truyền thống Nhật Bản, chúng ta có thể rút ra một vài bài học kinh nghiệm và gợi ý cho Việt Nam như sau:

Thứ nhất, nghề thủ công truyền thống nói chung và nghề gốm nói riêng chính là tài sản quý báu không chỉ của quốc gia mà còn của chính mỗi địa phương có nghề. Nó có giá trị văn hóa và kinh tế lớn lao, do đó, chính quyền và nhân dân mỗi địa phương có nghề đóng vai trò rất quan trọng trong công tác bảo tồn và phát triển các nghề thủ công truyền thống của địa phương mình.

Những món đồ gốm Kyo từ lâu vốn đã gắn liền với cuộc sống của mỗi người dân cố đô – nơi diễn ra những buổi hội trà và các lễ hội trải dài quanh năm suốt tháng. Chúng được làm nên bởi bàn tay tài hoa và thẩm mỹ của những nghệ nhân bậc thầy nên từ những món đồ gốm trà thô mộc Raku đến những món đồ sứ tinh xảo với màu sắc tươi tắn đều mang trong mình tinh túy của kinh đô Kyoto. Gắn bó với đời sống tinh thần của người dân kinh đô như vậy nên khi nghề gốm sứ truyền thống địa phương xuống dốc, chính những người dân Kyoto là những người đầu tiên phát động phong trào bảo tồn và phát triển nghề gốm sứ ở địa phương mình. Mở đầu với những hoạt động của nghệ nhân gốm Kawai Kanjiro với phong trào

“Thủ công dân gian”, hàng loạt các hội, nhóm, câu lạc bộ gốm sứ ra đời với sự tham gia của đông đảo thợ gốm Kyoto đã tạo nên một phong trào bảo tồn và phát triển gốm sứ sôi động tại địa phương. Và cũng không thể không kể đến vai trò của chính quyền Phủ và thành phố Kyoto khi nhận thức được tầm quan trọng của nghề gốm truyền thống với sự phát triển kinh tế và đời sống văn hóa địa phương nên đã có những động thái rất sớm nhằm bảo tồn và phát triển nghề gốm. Có thể kể ra một vài ví dụ ở đây như sự kiện thành phố Kyoto đã thành lập “Trung tâm thử nghiệm gốm sứ thành phố Kyoto” (京都市陶磁器試験所) vào năm 1896; Hay Trung tâm đào tạo gốm sứ thành phố Kyoto (京都市陶磁器講習所) được thành lập từ năm 1926Chính vì nhận thức được sớm vai trò và vị trí của nghề thủ công truyền thống nói chung và gốm nói riêng như vậy nên đến năm 1974, khi Chính phủ Nhật Bản ban hành Bộ Luật nghề truyền thống thì các công tác nhằm bảo tồn và phát triển nghề gốm ở Kyoto được chính quyền Phủ và thành phố nhanh chóng nắm bắt và triển khai ở địa phương kịp thời. Đây chính là cơ sở vững chắc nhất cho các hoạt động bảo tồn và phát triển nghề truyền thống nói chung và nghề gốm nói riêng ở Kyoto.

Ở Việt Nam có làng gốm Thổ Hà với lịch sử nghề làm nghề gốm gần 800 năm. Khi nước ta chuyển sang giai đoạn kinh tế thị trường, gốm Thổ Hà không thể cạnh tranh được với các làng gốm khác về mẫu mã, giá cả...nên không thể đứng vững. Người dân làng Thổ Hà ngày nay hầu hết đã chuyển qua nghề làm bánh đa nem và nấu rượu. Đầu năm 2014, khi Cố nghệ nhân gốm Trịnh Đắc Tân – người nghệ nhân cuối cùng của làng qua đời thì coi như nghề gốm Thổ Hà mất hẳn. Việc khôi phục lại làng gốm Thổ Hà là một việc rất cấp bách, cần có những chính sách và kế hoạch cụ thể của chính quyền địa phương cũng như sự hỗ trợ tích cực từ phía Chính Phủ về vốn, kỹ thuật, đào tạo...Để không làm mất đi một làng nghề văn hóa truyền thống – Một tài sản văn hóa lâu đời ở nước ta.

Thứ hai là công tác phát triển nghề thủ công truyền thống nói chung và nghề gốm nói riêng phải phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng địa phương nhằm phát huy thế mạnh và hạn chế, khắc phục những khuyết điểm của địa phương.

Một trong những khẩu hiệu về đặc điểm nổi bật của gốm Kyo mà ta có thể

thấy trên bất cứ trang web nào về gốm Kyo của Chính quyền Phủ và thành phố Kyoto hay các tổ chức nghề thủ công truyền thống là : “ *Sự đa dạng với số lượng hạn chế*”.

Như ta đã biết, một trong những hạn chế của loại gốm kinh đô này là nguồn nguyên liệu khan hiếm. Khác với những địa phương gốm khác ra đời dựa vào nguồn tài nguyên đất gốm dồi dào, Kyoto chủ yếu phải nhập đất gốm từ các địa phương gốm lân cận hoặc nước ngoài. Cũng vì thiếu nguồn nguyên liệu là cao lanh nên sứ ở Kyoto cũng ra đời khá muộn. Với sự thiếu hụt nguyên liệu như vậy, việc sản xuất gốm sứ hàng loạt với số lượng lớn như sứ Imari hay các địa phương gốm sứ khác là không thể. Việc sản xuất gốm với số lượng hạn chế sẽ phù hợp với điều kiện tài nguyên ở địa phương hơn.

Bên cạnh đó, trong những năm gần đây, nếu so sánh kim ngạch sản xuất gốm Kyo – Kiyomizu với các loại gốm sứ ở các địa phương khác thường kém hơn rất nhiều. Đó là vì gốm Kyo với chất lượng cao, các chi tiết được làm tỉ mỉ hầu hết bằng phương pháp thủ công chứ không phải bằng máy nên số lượng không thật nhiều. Nhưng bù lại đó, gốm sứ Kyoto nổi tiếng về độ tinh xảo với giá thành rất cao. Nếu nhìn bên ngoài, ta chỉ thấy giá thành cao là mặt hạn chế của đồ gốm Kyo. Nhưng nếu đặt sản xuất gốm Kyo vào toàn bộ nền kinh tế của địa phương thì lại rất phù hợp. Việc bảo tồn các phương pháp thủ công trong quy trình làm gốm với quy mô sản xuất nhỏ và vừa theo hình thức hộ gia đình là chủ yếu tuy khiến chi phí lao động cao do cần thợ lành nghề nhưng góp phần bảo tồn được các phương pháp, kỹ thuật gốm sứ truyền thống địa phương. Với Kyoto, nơi được coi là trung tâm văn hóa của Nhật Bản thì chọn lựa phương pháp phát triển này cho sản xuất gốm sứ không những giúp phát huy chức năng văn hóa của cố đô mà còn giúp tạo bản sắc riêng cho các sản phẩm gốm Kyo – để gốm Kyo không bị bão hòa vào các dòng gốm sứ khác trên thị trường.

Ngoài ra, để khắc phục về mặt kinh tế, Chính quyền phủ và thành phố Kyoto cũng đưa ra các chính sách nhằm phát triển các sản phẩm gốm sứ cao cấp Kyo gắn liền với thương hiệu cố đô – mà ta vẫn gọi là các đồ vật của kinh đô (Kyomono).

Cùng với đó là kết hợp hoạt động phát triển thị trường gốm sứ với các hoạt động của ngành du lịch, dịch vụ dựa trên lợi thế tận dụng được ưu thế bản sắc văn hóa của địa phương với các lễ hội trà đạo, hoa đạo... diễn ra quanh năm cũng sẽ góp giải quyết thêm nhiều việc làm cho mọi đối tượng người dân. Đây cũng là điểm mà trong quá trình phát triển, gốm sứ Việt không thể bỏ qua. Trên cả nước chúng ta có đến 53 làng nghề gốm truyền thống. Việc chúng ta phát triển những loại mặt hàng có hàm lượng văn hoá địa phương cao và học tập có chọn lọc chứ không chỉ đơn thuần là sự bắt chước sẽ giúp phát huy được nét văn hóa riêng của từng làng gốm nói riêng.

Thứ ba là coi trọng công tác giáo dục ý thức cho người dân về nghề thủ công truyền thống nói chung và nghề gốm truyền thống nói riêng.

Như ta đã thấy, một trong những công tác được chính quyền Phủ và thành phố Kyoto coi trọng nhất nhằm bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống nói chung và nghề gốm truyền thống nói riêng ở địa phương chính là công tác giáo dục thế hệ trẻ.

Tại các trường từ cấp tiểu học đến trung học ở Kyoto, công tác giáo dục về văn hóa truyền thống được chú trọng đặc biệt. Các trường còn thường xuyên phối hợp với các viện bảo tàng như Bảo tàng quốc gia Kyoto; Các tổ chức phi lợi nhuận về nghề thủ công truyền thống; Các trường dạy nghề truyền thống nói chung và trường đào tạo nghề gốm nói riêng để tổ chức các buổi học chuyên đề về văn hóa, lịch sử nghề gốm ở địa phương; Các lớp học trải nghiệm làm gốm sứ..Nhờ vậy mà các em học sinh thêm hiểu và quan tâm tới nghề gốm truyền thống ở địa phương hơn.

Ngoài ra, đối với người dân Kyoto nói chung cũng như khách du lịch từ các địa phương khác nói riêng, chính quyền địa phương chú trọng tạo không gian văn hóa truyền thống thông qua các buổi triển lãm; Giới thiệu sản phẩm mới; Các lễ hội gốm sứ ...kết hợp với trình diễn kỹ năng làm gốm; Giao lưu với các nghệ nhân gốm để tạo cho người dân có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với nghề gốm. Những hoạt động này góp phần to lớn làm tăng ý thức bảo tồn và phát triển vốn văn hóa truyền thống ở dân tộc và tình yêu, lòng tự hào về văn hóa truyền thống quê hương của mỗi người dân Kyoto. Đây cũng là nguồn nội lực giúp Kyoto phát triển hơn nữa công

tác bảo tồn vốn văn hóa truyền thống tại địa phương và đẩy mạnh việc giới thiệu văn hóa Kyoto tới khắp người dân Nhật Bản và thế giới.

Ở Việt Nam, xét cho cùng thì nguyên nhân dẫn đến nghề gốm sứ truyền thống ở nước ta bị mai một dần là do việc giáo dục ý thức chưa được đẩy mạnh, nhất là với các đối tượng học sinh, sinh viên. Công tác giáo dục, dạy nghề gốm sứ mới chỉ dừng ở việc giải quyết việc làm cho người lao động mà chưa thực sự chú ý đến khía cạnh văn hóa truyền thống của nó. Nhà nước nên có những chính sách nhằm chỉ đạo Chính quyền địa phương phối hợp với các cơ sở giáo dục để đưa công tác giảng dạy các kiến thức về gốm sứ truyền thống vào các giờ sinh hoạt ngoại khóa ở nhà trường. Đồng thời tổ chức các buổi thăm quan bảo tàng, làng nghề nhằm nuôi dưỡng tình yêu của các em với văn hóa truyền thống dân tộc.

Bên cạnh đó, cần thúc đẩy hơn nữa phong trào sử dụng các sản phẩm gốm sứ truyền thống thông qua các hội chợ hàng tiêu dùng Việt Nam, các chương trình truyền hình nhằm nâng cao vai trò của các sản phẩm gốm sứ truyền thống trong cuộc sống thường ngày. Qua đó tạo dựng cho người tiêu dùng thói quen "người Việt Nam dùng hàng Việt Nam".

Năm 2007, Hà Nội đã bắt đầu tiến hành dự án "con đường gốm sứ" với 27 đoạn tranh gốm sứ nối tiếp nhau dài 6km bắt đầu từ cửa khẩu An Dương quận Tây Hồ đến cửa khẩu Vạn Kiếp (quận Hai Bà Trưng) để mừng kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Những hoạt động thiết thực như vậy không chỉ tôn vinh vẻ đẹp của văn hóa gốm sứ truyền thống Việt Nam, mà còn góp phần làm tăng thêm niềm tự hào dân tộc, thêm yêu mến nghề thủ công truyền thống đã gắn bó từ lâu đời với người dân Việt Nam. Tuy nhiên, Chính Phủ cũng như Chính quyền thành phố nên có những biện pháp bảo vệ công trình thế kỷ để tránh xuống cấp chứ không nên chỉ chạy theo sửa chữa, nâng cấp với quy mô nhỏ lẻ, chắp vá khi đã xuống cấp khiến bức tranh gốm giàu ý nghĩa mất đi nét đẹp vốn có.

Thứ tư là Chú trọng tới công tác đào tạo thế hệ kế cận

Ta có thể thấy là công tác đào tạo dạy nghề thủ công truyền thống nói chung và gốm sứ nói riêng tại Kyoto rất được chú trọng. Tại Kyoto, Bên cạnh việc kết hợp với các cơ quan giáo dục đào tạo nghề thủ công truyền thống của Phủ Kyoto như

trường dạy nghề thủ công truyền thống (京都伝統工芸大学校) và trường cao đẳng kỹ thuật gốm sứ Phủ Kyoto (京都府立陶工高等技術専門校), “Hội lá non của công nghiệp truyền thống” của Thành phố Kyoto (京の伝統産業わかば会) thì chính quyền địa phương cũng thông qua các tổ chức phi lợi nhuận, các hội nhóm gốm sứ...thúc đẩy công tác giáo dục đào tạo nghề gốm từ các khóa học cơ bản đến nâng cao về kỹ thuật; Các khóa học thiết kế mẫu mã sản phẩm và thị trường...Đây là một công tác rất quan trọng, không chỉ góp phần tạo ra nguồn lao động có tay nghề cao, mà còn tận dụng được sức sáng tạo của những sinh viên trẻ, năng động sẽ đem lại sức sống mới cho nghề gốm truyền thống ở địa phương.

Ở nước ta, để giải quyết được vấn đề về đào tạo đối với các làng nghề gốm sứ truyền thống cần phải có sự đầu tư lâu dài từ nhà nước cũng như các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước, nhằm xây dựng cơ sở hạ tầng cho ngành đào tạo, góp phần tạo động lực thúc đẩy cho các làng gốm sứ truyền thống ở nước ta trong tương lai.

Thứ năm là chú trọng tới công tác bảo tồn kỹ thuật và phương pháp truyền thống thông qua việc tôn vinh các nghệ nhân gốm truyền thống

Kể từ năm 1954, Luật sửa đổi Luật di sản văn hóa đã công nhận danh hiệu "Người làm công tác bảo tồn " hay "Nghệ nhân quốc bảo" (人間国宝). Đến khi Luật phát triển nghề thủ công truyền thống ra đời thì danh hiệu Thợ thủ công truyền thống (伝統工芸士) cũng được đưa ra nhằm tôn vinh các nghệ nhân thủ công truyền thống có kỹ thuật xuất sắc. Không chỉ dừng ở cấp trung ương, chính quyền địa phương Kyoto cũng rất chú trọng tới công tác tôn vinh các nghệ nhân nghề truyền thống khi chỉ định một loạt danh hiệu như “Thợ thủ công của kinh đô” (京もの工芸士); “Thợ thủ công xuất sắc của kinh đô” (京の名工); chứng nhận nghệ nhân tương lai (未来の名匠). Bên cạnh đó, công tác khen thưởng với các cá nhân, tổ chức có công hiến trong phát triển nghề thủ công truyền thống ở địa phương cũng được chính quyền địa phương quan tâm thường xuyên. Những nghệ nhân nhận được danh hiệu bên cạnh bằng khen và phần thưởng hiện kim nhằm khuyến khích hoạt động lao động nghệ thuật thì còn nhận được sự hỗ trợ rất lớn từ từ quyền trong việc phát

triển sản phẩm; Tổ chức triển lãm cá nhân hay tham gia vào công tác giáo dục truyền nghề ở địa phương....

Trong khi đó, công tác khen thưởng nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú ở nước ta đã có từ khi luật di sản văn hóa sửa đổi năm 2006 nhưng đến năm 2014 mới có nghị định chính thức về xét tặng danh hiệu “nghệ nhân nhân dân” (NNND); “Nghệ nhân ưu tú” (NNUT) trong lĩnh vực Di sản văn hóa phi vật thể. Và đến cuối năm 2014 thì có Quy định về xét tặng danh hiệu NNND và NNUT trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ. Tuy nhiên, cho đến nay công tác xét tặng danh hiệu vẫn còn rất nhiều bất cập. Quy trình cũng vẫn nặng về thủ tục hành chính một cách cứng nhắc, mang màu sắc của cơ chế xin - cho.

Ngoài ra còn một vấn đề bất cập đó là chính sách ưu đãi với các nghệ nhân ở nước ta chưa thực sự thích đáng. Bên cạnh bằng chứng nhận và một khoản tiền thưởng thì những chính sách hỗ trợ nghệ nhân sống và cống hiến cho nghề vẫn chưa có. Các nghệ nhân vẫn phải nhọc nhằn lo lắng cho cuộc sống mưu sinh chứ không hoàn toàn được sống với nghề.

Thứ sáu là cải thiện mẫu mã và giải quyết vấn đề thị trường cho các sản phẩm gốm truyền thống

Một trong các vấn đề mà các làng gốm sứ truyền thống ở nước ta đang phải đau đầu tìm cách giải quyết chính là vấn đề thị trường. Trong một thời gian dài, gốm sứ Việt Nam đã bỏ quên mất thị trường rất tiềm năng trong nước cho các mặt hàng gốm sứ Trung Quốc mà chỉ chú trọng vào thị trường xuất khẩu nước ngoài. Tất nhiên với các thị trường nước ngoài tiềm năng sẽ tạo cơ hội tăng nguồn ngoại tệ cho đất nước, nhưng như thế không có nghĩa là bỏ qua nguồn nội lực dồi dào trong nước. Điển hình như ở Bát Tràng có thể thấy được các sản phẩm gốm sứ chất lượng kém, giá thành rẻ mạt lại được để dành để bán cho người tiêu dùng trong nước. Đó chính là do sự non kém, chưa nhìn thấy tiềm năng của thị trường nội địa tại các làng gốm sứ truyền thống ở nước ta. Tại Kyoto, dù các mặt hàng gốm sứ cao cấp với giá thành không hề rẻ nhưng vẫn được người tiêu dùng tại địa phương cũng như trên cả nước đón nhận. Đó là do chính quyền địa phương đã làm tốt công tác phát triển thiết

kế mẫu mã sản phẩm, khai thác tiềm năng của thị trường địa phương cũng như trong nước. Ta có thể thấy các lễ hội gốm sứ kết hợp với các lễ hội truyền thống ở Kyoto diễn ra quanh năm. Người dân Kyoto cũng dễ dàng tiếp cận với các sản phẩm gốm sứ với mẫu mã và kỹ thuật mới nhất thông qua các sự kiện triển lãm hay hội chợ gốm sứ tại địa phương... Không chỉ có chính quyền địa phương tổ chức các buổi triển lãm giới thiệu sản phẩm gốm sứ của địa phương mình mà ngay chính những người dân địa phương cũng tự đứng ra tổ chức các buổi triển lãm tại lò gốm, xưởng sản xuất của mình nhằm tạo cơ hội tiếp cận với khách hàng, quảng bá cho các sản phẩm của mình. Không những thế, các trang web giới thiệu sản phẩm của các xưởng gốm cũng rất công phu và chuyên nghiệp, thể hiện được nét riêng của các sản phẩm của doanh nghiệp. Thật không có gì khó hiểu khi mà Kyoto được coi là kinh đô gốm sứ của Nhật Bản dù số lượng sản phẩm không nhiều như các địa phương gốm khác. Trong khi các trang web bán các sản phẩm gốm sứ Việt Nam nội dung quá đơn giản, phần nhiều là sao chép của nhau và thông tin không được cập nhật thường xuyên nên không thu hút được số lượng người truy cập lớn. Như vậy, có thể thấy là để mở rộng thị trường, tạo đầu ra trong nước thì vấn đề đầu tiên chính là nâng cao chất lượng sản phẩm và nhận thức của các làng nghề về thị trường nội địa. Đồng thời, với các trung tâm sản xuất gốm sứ, bên cạnh các hoạt động hướng dẫn, vận động của Chính quyền địa phương phải tự tìm ra phương thức kinh doanh nhằm thúc đẩy thị trường trong nước phát triển.

Để cạnh tranh với hàng Trung Quốc giá rẻ đang tràn ngập trên thị trường thì vấn đề không thể không chú ý tới bên cạnh nâng cao chất lượng sản phẩm chính là mẫu mã. Tại Kyoto, cùng với sự phối hợp của Chính quyền địa phương thì các trung tâm thiết kế mẫu mã của các viện gốm sứ, khoa gốm các trường đào tạo nghề; Các doanh nghiệp gốm cũng nhận được sự hỗ trợ của Hiệp hội phát triển mẫu mã Nhật Bản (日本産業デザイン振興会 - gọi tắt là JIDPO) trong công tác thiết kế mẫu mã sản phẩm gốm cũng như đăng ký bản quyền thiết kế. Qua đó việc đưa các mẫu mã thiết kế sản phẩm mới tới các hội chợ triển lãm giới thiệu sản phẩm để điều tra về phản ứng của người tiêu dùng cũng được tiến hành thường xuyên. Đây là một

phương pháp hiệu quả nhằm kết hợp nghiên cứu ứng dụng, giúp sản xuất ra những sản phẩm có mẫu mã mới đặc sắc, đáp ứng nhu cầu thị trường. Nếu tại Việt Nam, các cơ sở sản xuất có thể kết hợp cùng với những viện nghiên cứu, các trường đại học cùng các nhà tổ chức sự kiện nhằm cải tiến mẫu mã và đồng thời đưa các mặt hàng mới tới người tiêu dùng thì sẽ góp phần đáng kể trong việc giải quyết đầu ra tại các làng gốm truyền thống nước ta hiện nay.

Thứ bảy là có sự phối hợp chặt chẽ giữa Chính quyền địa phương; Các Hiệp hội làng nghề ở địa phương có nghề gốm truyền thống; Các cơ sở sản xuất gốm sứ truyền thống với các tổ chức Hiệp hội làng nghề Việt Nam và Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ Phát triển các Làng nghề Thủ công truyền thống Việt Nam (HRPC)

Hiệp hội làng nghề Việt Nam và Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ Phát triển các Làng nghề Thủ công truyền thống Việt Nam (HRPC) chính là những tổ chức phi lợi nhuận, tập hợp của những làng nghề, những tổ chức và các cá nhân... có tâm huyết và giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực các nghề truyền thống và là chỗ dựa, giúp đỡ các làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam nói chung và các làng nghề gốm sứ truyền thống nói riêng trong việc tạo dựng thương hiệu, tiếp cận thị trường và những hỗ trợ sản xuất khác... Vì vậy, để giải quyết bài toán thương hiệu cũng như các vấn đề về thiết kế sản phẩm, kỹ thuật, nguyên vật liệu.... thiết nghĩ cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các địa phương có nghề gốm sứ truyền thống và các cơ sở sản xuất với những tổ chức này để kịp thời nắm được các thông tin về thủ tục pháp lý, thị trường, tìm nguồn vốn... Từ đó chủ động hơn trong việc sản xuất cũng như tìm đầu ra cho sản phẩm, không phải qua các doanh nghiệp trung gian, vừa gây tổn thất về kinh tế cho các cơ sở sản xuất, vừa không giữ được thương hiệu của gốm Việt Nam.

Thứ tám là việc cần thiết phải có một nhãn hiệu riêng cho các sản phẩm thủ công truyền thống nói chung và gốm sứ truyền thống nói riêng ở Việt Nam

Hiện nay, ở Việt Nam, các cơ sở sản xuất và kinh doanh các mặt hàng thủ công truyền thống nói chung và các mặt hàng gốm sứ truyền thống nói riêng đã chú

ý hơn tới vấn đề tạo dựng thương hiệu của mình trên trường Quốc tế. Các cơ sở sản xuất cũng chú trọng tới việc đăng ký nhãn hiệu về quyền sở hữu trí tuệ của các sản phẩm gốm sứ truyền thống như thương hiệu gốm Ngọc, gốm Nhung, gốm Thiều ... ở làng gốm Phù Lãng hay nhãn hiệu tập thể của các sản phẩm gốm sứ Thanh Hà, Bát Tràng... Đây cũng chính là cơ sở để đưa các mặt hàng gốm sứ truyền thống Việt Nam ra thế giới.

Thế nhưng, việc xác lập một nhãn hiệu chung cho các mặt hàng thủ công truyền thống ở Việt Nam bên cạnh nhãn hiệu riêng của từng cơ sở sản xuất cũng rất cần thiết. Nhãn hiệu này chính là sự đảm bảo tính chất truyền thống của những mặt hàng thủ công truyền thống nói chung và các sản phẩm gốm sứ truyền thống nói riêng với người tiêu dùng trong nước và quốc tế, góp phần khẳng định vị thế của các sản phẩm gốm sứ truyền thống so với các sản phẩm gốm sứ Trung Quốc giá rẻ hoặc gốm công nghiệp đang tràn ngập trên thị trường hiện nay.

Thứ chín là phát triển năng động làng nghề gốm truyền thống ở địa phương kết hợp sử dụng công nghệ thông tin một cách hiệu quả

Một trong những phương pháp hiệu quả mà chính quyền địa phương Kyoto sử dụng để góp phần đưa nghề gốm sứ địa phương đến gần với người dân hơn chính là sử dụng kênh thông tin điện tử. Thông qua trang web chính thức của Phủ Kyoto và thành phố Kyoto, người dân cũng như du khách có thể nắm được hầu hết thông tin từ chính sách chính quyền đến các làng nghề gốm sứ; Các nghệ nhân gốm địa phương cho tới các hoạt động lễ hội gốm sứ trong năm và thông tin các lò gốm trên địa bàn Kyoto. Không chỉ có vậy, chính quyền Kyoto còn chủ trương đẩy mạnh mở kênh bán hàng trên các website bán hàng lớn của Nhật như Rakuten nhằm tạo điều kiện thuận lợi để sản phẩm gốm Kyo đến được với khách hàng trong nước và nước ngoài.

Cuối cùng là kết hợp phát triển nghề gốm truyền thống với du lịch làng nghề và các ngành dịch vụ nhằm tận dụng được ưu thế về cảnh quan môi trường và văn hóa của địa phương có nghề gốm

Phát triển du lịch làng nghề không chỉ giúp phát triển kinh tế, tạo việc làm, cải thiện mức sống của người dân tại địa phương mà còn góp phần giới thiệu văn hóa làng nghề Việt Nam một cách rộng rãi.

Các làng nghề truyền thống nước ta có tiềm năng rất lớn để phát triển du lịch. Theo thống kê của Viện nghiên cứu phát triển du lịch, hàng năm có tới 800 triệu người đi du lịch. Con số này sẽ đạt 1,6 tỉ vào năm 2020. Trong số đó chiếm 60% dòng khách du lịch hiện nay chọn du lịch văn hóa - làng nghề. Nước ta có đến hơn 2000 làng nghề thủ công, nếu được quan tâm đúng mức thì tiềm năng phát triển du lịch sẽ rất lớn.[4, 6] Trong đó, các làng gốm sứ truyền thống ở nước ta vốn có tiềm năng rất lớn trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ. Một trong những mô hình làng gốm truyền thống phát triển du lịch thành công nhất tại nước ta hiện nay phải kể tới làng gốm Bát Tràng. Không chỉ có nghề gốm sứ truyền thống vốn nổi tiếng từ lâu đời, khách tham quan đến Bát Tràng còn có thể hòa mình vào trong khung cảnh của làng quê Việt Nam với những kiến trúc cổ kính như Đình làng Bát Tràng được xây dựng từ những năm 1720 dưới thời Vua Lê Dụ Tông hay các kiến trúc đền chùa mang những nét đặc trưng của làng quê Việt. Ngoài ra, trong những năm gần đây, các dịch vụ làng nghề cũng phát triển không ngừng như các dịch vụ nặn gốm, đem đến sự trải nghiệm mới mẻ cho khách du lịch; Hay dịch vụ đi thăm làng bằng xe trâu, với những hướng dẫn viên du lịch là người dân làng Bát Tràng rất nhiệt tình giới thiệu cho du khách về lịch sử phát triển cũng như các sản phẩm gốm sứ của làng Bát Tràng...

Tuy nhiên, hiện nay, các mô hình du lịch tại các làng nghề gốm sứ nước ta - kể cả ở những làng nghề mà du lịch, dịch vụ vốn rất phát triển như ở Bát Tràng - vẫn còn có rất nhiều bất cập. Hệ thống cơ sở hạ tầng tại các làng nghề gốm truyền thống chưa được phát triển đồng bộ. Cảnh quan môi trường làng nghề còn ô nhiễm, không tạo được thiện cảm với khách du lịch. Thêm nữa, các dịch vụ như quán ăn, nhà hàng... dành cho khách vẫn chưa có nhiều. Khách du lịch tới đây chỉ có thể dừng lại nghỉ ngơi ở những quán xá tự phát ven đường, vừa mất vệ sinh, vừa gây ảnh hưởng đến không gian của làng gốm truyền thống. Một điểm nữa cần lưu ý là các cơ sở sản xuất gốm sứ vẫn chưa giới thiệu được cho du khách sản phẩm đặc trưng của lò mình. Các bảng chỉ dẫn giới thiệu thông tin chi tiết về sản phẩm ở các quầy hàng cũng chưa được chú ý...

Để phát triển các làng nghề gốm sứ truyền thống nước ta theo hướng kết hợp du lịch dịch vụ, thiết nghĩ phải có sự đầu tư lâu dài của Nhà nước cũng như Chính quyền địa phương nhằm nâng cấp cơ sở hạ tầng cho làng nghề mà vẫn không làm mất đi vẻ đẹp vốn có của những làng nghề truyền thống. Hơn nữa, nên thành lập một Ban quản lý phụ trách phát triển du lịch, dịch vụ tại các làng nghề gốm sứ truyền thống nói riêng và các làng nghề thủ công truyền thống nói chung, chăm lo mọi mặt từ giáo dục đào tạo đội ngũ các nhân viên có chuyên môn về du lịch đến đẩy mạnh công tác quảng bá du lịch làng nghề...

Bên cạnh đó, các làng gốm cũng nên có sự phối hợp chặt chẽ với các công ty du lịch lữ hành nhằm thiết kế thêm nhiều tour du lịch làng nghề với nhiều chương trình đặc sắc để thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế.

Trong những năm gần đây, không chỉ có làng gốm Bát Tràng mà nhiều làng gốm khác như Đông Triều (Quảng Ninh), hay làng gốm Phù Lãng... cũng bắt đầu phát triển các dịch vụ du lịch làng nghề. Đến với các làng gốm Phù Lãng, du khách sẽ được đưa vào thăm các cơ sở sản xuất gốm sứ nổi tiếng, tận mắt chứng kiến các công đoạn sản xuất gốm và được giới thiệu mua những món đồ lưu niệm gốm sứ đặc sắc hay chiêm ngưỡng những ngôi nhà xinh xắn của người dân địa phương được trang trí bằng những bức tranh gốm theo phong cách rất riêng mà chỉ nơi đây mới có...

Tuy các làng nghề gốm truyền thống nước ta vẫn đang gặp rất nhiều khó khăn trong phát triển du lịch, dịch vụ như về cơ sở hạ tầng, ô nhiễm môi trường, thiếu nguồn nhân lực có chuyên môn về du lịch, dịch vụ...nhưng với sự nhận thức cũng như đầu tư đúng đắn của Nhà nước, Chính quyền địa phương và những người dân của làng nghề, chắc chắn du lịch làng nghề nói chung và du lịch làng gốm nói riêng sẽ ngày càng phát triển, góp một phần to lớn vào việc phát triển kinh tế địa phương trong tương lai.

Tiểu kết chương 3

Trong những năm gần đây, bảo tồn và phát triển các nghề thủ công Việt Nam đang là một vấn đề được Nhà nước và toàn xã hội quan tâm. Trong thời kỳ hội nhập kinh tế, văn hóa hiện nay, giữ gìn bản sắc của dân tộc thông qua các nghề thủ công truyền thống không những là để tạo cơ hội cho hội nhập, phát triển kinh tế mà còn là để khẳng định được bản sắc của dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế.

Cũng như gốm sứ Nhật Bản nói chung và gốm Kyo nói riêng, nghề gốm sứ truyền thống ở Việt Nam vốn là một trong những nghề thủ công truyền thống lâu đời nhất ở nước ta. Nó không chỉ là sự thể hiện những giá trị vật chất, mà còn trở thành một phần máu thịt, linh hồn của mỗi làng quê Việt Nam, tâm hồn Việt Nam. Ban đầu chỉ là những món đồ gốm vụng về thô mộc được dùng trong sinh hoạt sản xuất mà sau dần đã trở nên nổi tiếng, được người dân khắp vùng biết đến. Ví như loại gốm sành làng Phù Lãng, tuy chỉ với nước men da lươn khiêm tốn nhưng đậm đà và bền chắc, đồ sành ở đây đã trở thành vật dụng quen thuộc và gắn bó với người dân khắp nơi. Thậm chí, người ta còn kén cho được chậu sành da lươn làng Phù Lãng về để ngâm gạo, đồ xôi. Không những thế, cũng như các làng thủ công truyền thống khác ở nước ta, các làng gốm nước ta gồm những hộ gia đình sống quây quần trong tình làng nghĩa xóm. Giữa họ hiếm thấy có sự cạnh tranh mà luôn tương trợ, giúp đỡ nhau trong công việc kinh doanh. Hơn nữa, với lợi thế phân bố ở những khu vực ven sông, nơi có nguồn đất sét tốt để làm đồ gốm và cũng thuận tiện để vận chuyển hàng hóa, các làng nghề gốm sứ truyền thống đang và sẽ khai thác, tận dụng những tiềm năng sẵn có, phát triển sản xuất, tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống cho người dân địa phương có nghề. Đây chính là những ưu điểm nổi bật của các làng nghề gốm sứ truyền thống nước ta, là cơ sở để phát triển các làng gốm truyền thống trong thời buổi kinh tế thị trường hiện nay.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, cùng với nền kinh tế thị trường phát triển đã đặt ra rất nhiều những khó khăn cho các làng nghề gốm sứ truyền thống. Bên cạnh những làng gốm nắm bắt được xu thế thị trường và phát triển mạnh mẽ như gốm sứ Bát Tràng, Đông Triều thì cũng có những làng gốm lâm vào cảnh khó

khăn và dần tàn lụi như làng gốm Hương Canh hay Thổ Hà...Không những thế, những khó khăn nảy sinh từ chính sự phát triển ở một số làng gốm hiện nay như nạn ô nhiễm môi trường, sự xuống cấp của cơ sở vật chất, sự cầu thả trong chế tác gốm do các thợ gốm chạy theo những lợi ích kinh tế...cũng đang trở thành nỗi bức xúc cần tìm ra hướng giải quyết tại các làng nghề.

Chính vì vậy, qua những bài học từ Kyoto - Nơi nghề gốm xuất hiện khá muộn và không hề có nguồn tài nguyên đất gốm dồi dào nhưng đã nỗ lực không ngừng để vươn lên trở thành kinh đô gốm sứ của đất nước “Mặt trời mọc” - sẽ là những gợi ý góp phần giúp nước ta giải quyết được các vấn đề về đào tạo nguồn nhân lực, về thiết kế mẫu mã, tiếp cận thị trường, những công tác ghi chép hay công khai các kỹ thuật làm gốm truyền thống và nhất là bài học về tận dụng nguồn tài nguyên văn hóa, con người của mỗi địa phương trong công tác bảo tồn và phát triển các làng nghề gốm truyền thống của dân tộc.

Bên cạnh đó, mô hình phát triển các làng nghề năng động gắn với du lịch và các ngành dịch vụ tiêu biểu như làng gốm Bát Tràng cũng chính là một trong những hướng phát triển được chú trọng tại các làng nghề gốm sứ truyền thống nước ta hiện nay. Mô hình này không chỉ giúp tận dụng được những tiềm năng, thế mạnh ở mỗi làng nghề để tăng thu nhập cho người dân mà thông qua các hội chợ giới thiệu sản phẩm, các góc thực hành làm gốm... sẽ giúp đẩy mạnh các công tác thăm dò tiếp cận thị trường, giáo dục về nghề thủ công truyền thống tới lớp trẻ.

Tóm lại, dựa trên những đặc điểm riêng biệt của các làng nghề gốm sứ truyền thống nước ta cùng sự tiếp thu có chọn lọc từ những bài học kinh nghiệm trong công tác bảo tồn và phát triển nghề gốm Kyo truyền thống, hy vọng các làng nghề gốm sứ truyền thống Việt Nam sẽ khởi sắc hơn nữa, góp phần thúc đẩy kinh tế, cải thiện đời sống cho người dân địa phương trong tương lai.

KẾT LUẬN

Gốm Kyo là một trong những niềm tự hào của thủ công truyền thống Nhật Bản từ bao đời nay. Tuy ra đời muộn hơn các loại gốm sứ khác ở Nhật Bản do nguồn tài nguyên đất gốm hạn chế, nhưng người dân Kyoto với cảm quan nghệ thuật của mình đã tạo nên một loại gốm sứ vừa mang vẻ thanh nhã, tinh tế như Kiyomizu, lại có vẻ thô mộc nồng ấm của đất như gốm Raku mà hiếm có loại gốm sứ nào trên thế giới sánh bằng. Người dân Kyoto vốn đã quen thuộc với những buổi tiệc trà – nơi mà những chiếc đĩa, bát gốm, lọ hoa...được sử dụng một cách trân trọng nâng niu nên họ cũng sớm ý thức được vai trò của nghề gốm sứ truyền thống cũng như các sản phẩm gốm Kyo của địa phương mình. Chính vì có ý nghĩa như vậy mà công tác bảo tồn và phát triển nghề gốm sứ truyền thống ở Kyoto từ xưa tới nay luôn được Chính quyền Kyoto cũng như những người dân địa phương coi trọng.

Nếu như qua Phong trào Thủ công dân gian do Kawai Kanjiro phát triển tại Kyoto, nghề gốm sứ truyền thống đã dần được khôi phục và có thêm sức sống mới qua ý nghĩa "vẻ đẹp sử dụng" thì đến năm 1974, cùng với sự ra đời của Luật Nghề truyền thống, các chính sách, dự án cũng như những chương trình nhằm bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống nói chung và nghề gốm sứ truyền thống nói riêng đã lần lượt được đưa ra – là cơ sở để dựa vào đó, công tác bảo tồn và phát triển nghề gốm sứ truyền thống ở Kyoto đã được thực hiện một cách rất bài bản từ chính quyền Phủ tới thành phố Kyoto – nơi có nghề gốm truyền thống. Từ những công tác bảo tồn như ghi chép bằng văn bản, quay phim và tổ chức các buổi trình diễn công khai các kỹ thuật gốm cho tới công tác phát triển nghề gốm sứ như nghiên cứu vật liệu, mẫu mã, cải tiến kỹ thuật, thăm dò khai thác thị trường, kết hợp phát triển nghề gốm với du lịch, dịch vụ... đều được chú trọng. Điều này cũng thể hiện tư tưởng kết hợp giữa truyền thống với hiện đại, phát triển những kỹ thuật mới nhưng vẫn không quên việc bảo tồn các kỹ thuật truyền thống lâu đời của Chính phủ Nhật Bản nói chung và chính quyền Kyoto nói riêng. Nhờ có những biện pháp hỗ trợ đúng đắn dựa trên tinh thần phát huy thế mạnh của địa phương mà nghề gốm sứ truyền thống ở Kyoto sau chiến tranh đã được phục hồi và không ngừng phát

triển – là cầu nối để giới thiệu văn hóa cổ đô nói chung và văn hóa Nhật Bản nói riêng ra thế giới.

Cũng như Nhật Bản, sự ra đời những sản phẩm gốm Việt gắn liền với nhu cầu cuộc sống hàng ngày của nhân dân ta. Ban đầu chỉ là những sản phẩm vụng về thô mộc mà sau dần đã trở nên nổi tiếng, được người dân khắp vùng biết đến. Ví như loại gốm sành làng Phù Lãng, tuy chỉ với nước men da lươn khiêm tốn nhưng đậm đà và bền chắc, đồ sành ở đây đã trở thành vật dụng quen thuộc và gắn bó với người dân khắp nơi. Thậm chí, người ta còn kén cho được chậu sành da lươn làng Phù Lãng về để ngâm gạo, đồ xôi. Không những thế, cũng như các làng thủ công truyền thống khác ở nước ta, các làng gốm nước ta gồm những hộ gia đình sống quây quần trong tình làng nghĩa xóm. Giữa họ hiếm thấy có sự cạnh tranh mà luôn tương trợ, giúp đỡ nhau trong công việc kinh doanh. Hơn nữa, với lợi thế phân bố ở những khu vực ven sông, nơi có nguồn đất sét tốt để làm đồ gốm và cũng thuận tiện để vận chuyển hàng hóa, các làng nghề gốm sứ truyền thống đang và sẽ khai thác, tận dụng những tiềm năng sẵn có, phát triển sản xuất, tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống cho người dân địa phương có nghề. Đây chính là những ưu điểm nổi bật của các làng nghề gốm sứ truyền thống nước ta, là cơ sở để phát triển các làng gốm truyền thống trong thời buổi kinh tế thị trường hiện nay.

Tuy nhiên, hiện nay, các làng nghề gốm sứ truyền thống ở nước ta cũng đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức như thiếu nguồn nhân lực được đào tạo, kỹ thuật, vốn, thị trường cũng như các công tác thiết kế mẫu mã sản phẩm. Bên cạnh đó thì nguy cơ về ô nhiễm môi trường làng nghề, gây ảnh hưởng đến sức khỏe, cuộc sống sinh hoạt và sản xuất của những người dân tại các làng nghề gốm... cũng đang ở mức báo động.

Gặp phải những khó khăn này xét cho cùng cũng do các hộ sản xuất ở những làng nghề nước ta vẫn còn khá manh mún, manh ai nấy làm. Những chỉ đạo, chính sách từ Trung ương triển khai chậm, thủ tục hành chính rườm rà nên chưa thực sự đến được với người dân tại các làng nghề nói chung và làng nghề gốm nói riêng. Cũng chính sự sản xuất manh mún, phân tán và bảo thủ đã dẫn đến việc thất truyền

những kỹ thuật làm gốm. Kỹ thuật cũ thì thất truyền trong khi các kỹ thuật mới thì chưa thật sự đáp ứng được nhu cầu của thị trường xuất khẩu vốn rất bấp bênh khiến cho nhiều làng gốm như Phù Lãng...trong cơn suy thoái kinh tế phải lao đao giữ nghề. Hay có những làng nghề như Thổ Hà đã phải bỏ hẳn nghề gốm để xoay sang nghề làm bánh đa nem nhằm cải thiện cuộc sống.

Học tập từ những kinh nghiệm của Kyoto - Nhật Bản nhằm giải quyết các vấn đề đang đặt ra tại các làng nghề thủ công truyền thống nói chung và làng nghề gốm sứ truyền thống nói riêng, nước ta cần thiết phải xây dựng một bộ Luật dành riêng cho nhóm nghề thủ công truyền thống trong đó có nghề gốm sứ truyền thống. Đó sẽ là cơ sở vững chắc để dựa trên đó, mỗi địa phương có làng nghề gốm sẽ đưa ra những chính sách và kế hoạch phù hợp nhằm phát huy sản phẩm gốm sứ mang đậm bản sắc địa phương mình. Đồng thời cũng cần lập ra những Hiệp hội hay hợp tác xã gốm sứ truyền thống riêng tại các địa phương có nghề. Chính những Hiệp hội này sẽ là cầu nối để đưa những chính sách của Nhà nước cũng như của địa phương về vốn, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật hay các chính sách đào tạo nhân lực, ứng dụng công nghệ thông tin vào phát triển thị trường... đến được với những người thợ thủ công. Bên cạnh đó, việc giáo dục ý thức về các sản phẩm gốm sứ truyền thống trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày thông qua các cuộc triển lãm, các lễ hội gốm sứ chính là cách thiết thực và lâu dài nhất để góp phần giảm bớt sự phụ thuộc vào thị trường nước ngoài vốn bấp bênh, đồng thời củng cố thị trường trong nước của các sản phẩm gốm sứ truyền thống trước sự xâm nhập của hàng Trung Quốc giá rẻ trên thị trường.

Và cuối cùng, là tầm quan trọng của việc cải tiến mẫu mã sản phẩm trên cơ sở bảo tồn và phát huy những kỹ thuật gốm sứ truyền thống để tạo ra những sản phẩm vừa thân thiện với môi trường vừa đáp ứng được nhu cầu của cuộc sống hiện đại

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng việt

1. Anh Tuấn (2012), Chính sách của Nhật Bản trong phát triển ngành nghề thủ công truyền thống, *Tạp chí Công nghiệp*, số tháng 11 (Kỳ 1), tr. 58 – 59.
2. Dương Bá Phương (2001), *Bảo tồn và phát triển làng nghề trong quá trình công nghiệp hóa*, Nxb KHXH, HN.
3. Đào Thế Anh (2005), Phát triển cụm công nghiệp nông thôn từ làng nghề truyền thống, *Tạp chí Xưa và nay*, tập 245 (Số 10), tr. 23 - 28.
4. Đặng Thị Liên (2008), *Phát triển du lịch làng nghề truyền thống tại làng gốm Bát Tràng*, Khóa luận Cử nhân Cao đẳng du lịch, Trường Đại học Thành Đô, Hà Nội.
5. Eiichi Aoki (2006), *Nhật bản đất nước và con người*, NXBVH, HN.
6. Phạm Văn Điềm (2005), Chính quyền địa phương Nhật Bản, *Nhìn ra thế giới*, số 3, tr. 37 – 40.
7. Hà Văn Cẩn (2000), *Các trung tâm sản xuất gốm sứ cổ ở Hải Dương*, Luận án tiến sĩ khảo cổ học, Tư liệu Viện Khảo cổ học.
8. Hồ Hoàng Hoa (chủ biên) (2002), *Vấn đề bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống ở Nhật Bản*, Nxb KHXH, HN.
9. Hồ Hoàng Hoa (chủ biên) (2001), *Văn hóa Nhật - những chặng đường phát triển*, Nxb KHXH, HN.
10. Hiệp hội thông tin Giáo dục Quốc tế (2003), *Tìm hiểu Nhật Bản*, Nxb Văn hóa - thông tin, Hà Nội.
11. Liên Minh (2007), Bảo tồn và phát triển làng nghề - Thực trạng và giải pháp, *Tạp chí Xưa và nay*, số 293, tr. 23-35.
12. Lưu Ngọc Trinh (1998), *Kinh tế Nhật Bản - những bước thăng trầm trong lịch sử*, NXB Thống kê.

13. Nguyễn Đình Chiên (2007), Làng gốm Bát Tràng, *Tạp chí Xưa và nay*, số 275 + 276, tr.5 - 11.
14. Nguyễn Thị Tường Vân (2013), *Gốm sứ trong quan hệ giao thương Việt Nam – Nhật Bản thế kỷ XVII*, luận văn thạc sỹ Châu Á học, ĐH KHXH&NV, ĐH Quốc Gia Hà Nội.
15. Nguyễn Quốc Hùng (chủ biên) (2007), *Lịch sử Nhật Bản*, Nxb Thế Giới, Hà Nội.
16. Nguyễn Văn Kim (2003), *Quan hệ của Nhật Bản với Đông Nam Á thế kỷ XV - XVII*, NXB ĐHQGHN.
17. Nguyễn Văn Kim (2002), *Quan hệ thương mại Việt Nam - Nhật Bản thế kỷ XVI - XVIII*. Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, số 3 (286), tr.56 - 67.
18. Nguyễn Văn Kim (2002), *Việt Bản với những mối liên hệ lịch sử, văn hoá truyền thống*. Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản, số 4 (323), tr.58 - 69.
19. Noritake Tsuda (1990), *Sở tay nghệ thuật Nhật Bản*, Nxb KHXH, HN.
20. Phan Hải Linh (2010), *Bài giảng chuyên đề nghiên cứu Nhật Bản: Lịch sử văn hóa xã hội Nhật Bản*, NXB Thế giới.
21. Phan Huy Lê, Nguyễn Đình Chiên, Nguyễn Quang Ngọc (1995), *Gốm Bát Tràng*, NXB Thế Giới, Hà Nội.
22. Quang Thu (2000), *Làng gốm Bát Tràng - tương lai sẽ là một bảo tàng sống*- Thời báo kinh tế Sài Gòn, (số 9/2000), tr.21.
23. Takamasa Saito (2002), *Gốm Nhật Bản*, *Tạp chí Xưa và nay*, số 126 , tr. 34-35.
24. Trần Đức Anh Sơn (2008), *Đồ sứ kỹ kiều thời Nguyễn*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội
25. Trần Quốc Vượng - Đỗ Thị Hảo (2009), *Làng nghề phố nghề Thăng Long - Hà Nội*, Nxb KHXH, HN.
26. Trịnh Cao Tường (2002), “Tìm hiểu gốm cổ Nhật Bản”, *Tạp chí Xưa và nay*, số 107, tr. 47- 48.

Tài liệu tiếng Anh:

27. Frederick L. Olsen (2001), *The Kiln book: materials, specifications & construction Kiln Book*, Krause Publications.
28. Hazel H. Gorham (1971), *Japanese and Oriental Ceramics*, Charles E. Tuttle Company, Rutland, Vermont & Tokyo, Japan.
29. Herbert H. Sanders, Kenkichi Tomimoto (1967), *The world of Japanese ceramics*, Kodansha International.
30. Oliver R. Impey (1994), *The Early Porcelain Kilns of Japan*, Clarendon Press.
31. Penny Simpson, Kanji Sodeoka (2004) *The Japanese Pottery Handbook*, Kondasha International, Tokyo.
32. Richard L. Wilson (1995): *Inside Japanese Ceramics*, Weatherhill, New York.
33. Soame Jenyns (1965), *Japanese Porcelain*, Faber and Faber, London.

Tài liệu tiếng Nhật:

34. Đại học thiết kế nghệ thuật Kyoto (2015), *Báo cáo nghiên cứu điều tra giá trị lịch sử của lò gốm leo Fujihira* (藤平陶芸登り窯歴史的価値等調査研究), Hội đồng giáo dục Thành phố Kyoto.
35. Hiroko Adachi (2000), Gốm Kiyomizu (清水焼), *Tạp chí iichiko*, số 66, tr. 65-80.
36. Hội quán gốm sứ Kyoto (1962), *Gốm Kyo – Lịch sử 100 năm* (京焼百年の歩み), Nxb Nakanishi, Kyoto.
37. Kakino Kingo (1982), *Lịch sử và thực trạng ngành nghề gốm sứ Kyoto*, Hội Liên hiệp Hợp tác xã gốm sứ Kyoto.
38. Kawahara Masahiko, (1990), *Gốm Kyo – Gốm sứ Nhật Bản đại cương quyển số 26* (京焼一日本陶磁器大系 26), Nxb. Heipongsha, Nhật Bản.
39. Katayanagi Kusafu (2005), *Gốm sứ Nhật Bản* (日本人とやきもの), *Tạp chí Nipponia*, số 32, tr. 4-5.

40. Katayanagi Kusafu (2005), Gốm sứ Nhật Bản đa dạng và phong phú (多様性に富んだ日本のやきもの), *Tạp chí Nipponia*, số 32, tr. 6-8.
41. Nxb Youdensha (2010), Các tác gia gốm Nhật hiện đại (現代日本の陶芸家), Nhật Bản.
42. Oguro Kenji (2005), Bản đồ gốm sứ trên toàn nước Nhật (日本全国やきもの地図), *Tạp chí Nipponia*, số 32, tr. 10-11.
43. Sugawara Chiyoshi (2005), Đến xem và mua đồ gốm (やきものを見る, 買う), *Tạp chí Nipponia*, số 32, tr. 14-15.
44. Takamasa Saito (2002), Gốm Nhật Bản, *Tạp chí Xưa và nay*, 126 (10), tr. 34-35.
45. Taniguchi Ryouzo (1997), Gốm sứ Nhật Bản quyển số 5 – Gốm Kyo (日本の陶磁器5 - 京焼), Nxb. Hoikusha, Nhật Bản.
46. Torikai Shin-ichi (2005), Vẻ đẹp từ sự ngẫu nhiên (偶然が生み出す美), *Tạp chí Nipponia*, số 32, tr. 9.

Tài liệu từ các Website

47. Chính sách về ngành nghề thủ công truyền thống của Phủ Kyoto, <http://www.pref.kyoto.jp/senshoku/>.
48. Quy định về Phát triển năng động công nghiệp truyền thống thành phố Kyoto (2005), <http://www.city.kyoto.lg.jp/kyoiku/page/0000182621.html>.
49. Báo cáo kế hoạch Phát triển năng động công nghiệp truyền thống thành phố Kyoto (2006), <http://www.city.kyoto.lg.jp/sankan/page/0000073676.html>.
50. Quy định về phát triển ngành nghề thủ công truyền thống Phủ Kyoto (2005), <http://www.pref.kyoto.jp/senshoku/jourei.html>.

- 51.**Kế hoạch xây dựng Thành phố Kyoto 10 năm lần 2 – 2011 đến 2020, <http://www.city.kyoto.lg.jp/sogo/page/0000191691.html>.
- 52.**Lịch sử và thiết kế cơ bản lò nung gốm <http://www-01.glendale.edu/ceramics/kilns.html> cơ bản (Kiln – History and basic design),
- 53.**Quy định về Bảo hộ tài sản văn hóa Phủ Kyoto, http://www.pref.kyoto.jp/reiki/reiki_honbun/a3000872001.html

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Nguyên liệu làm gốm thành phố Kyoto nhập phân theo khu vực vào năm Chiêu Hòa thứ 28 (1953) [21, tr. 114]

<i>Tên địa phương</i>	<i>Kumamoto</i>	<i>Hyogo</i>	<i>Hyogo</i>	<i>Hyogo</i>	<i>Kyoto</i>	<i>Okayama</i>	<i>shimane</i>	<i>Nara</i>	<i>Saga</i>
<i>Tên nguyên liệu</i>	Đá Amakusa	Đá Kakitani	Đá Kirino	Đá Tsuka	Đá Mamebe	Đá Maruyama	Đá khoáng masuda	Đá khoáng Kawada	Đá khoáng Mikumo
<i>Khối lượng Nhập (tấn)</i>	29 tấn	360 tấn	129 tấn	30 tấn	45 tấn	10 tấn	73 tấn	200 tấn	544 tấn

<i>Tên địa phương</i>	<i>ishigawa</i>	<i>Nara</i>	<i>nigate</i>	<i>aichi</i>	<i>osaka</i>	<i>kumamoto</i>	<i>Shimane</i>	<i>Mie</i>	<i>Saga</i>
<i>Tên nguyên liệu</i>	Đá cuội	Đá taneishi ⁷²	Đá taneishi	Đá khoáng	Đá vôi	Bột đá amakusa	Cao lanh	Gairome gendo ⁷³	Đất sét trắng
<i>Khối lượng Nhập (tấn)</i>	99 tấn	9 tấn	13 tấn	20 tấn	32 tấn	134 tấn	60 tấn	85 tấn	20 tấn

⁷² Taneishi : loại đá hạt nhỏ, kích thước 5mm được nghiền ra trộn nhựa xi măng để giả làm đá cẩm thạch và granit

⁷³ Gairome gendo: (một loại đất gốm do phong hóa đá hoa cương thành cao lanh làm đất gốm)

Phụ lục 2: Danh sách thợ gốm Kyoto nhận danh hiệu Thợ thủ công truyền thống Phủ Kyoto đến năm 2016 (Năm Bình Thành thứ 28)⁷⁴

Số thứ tự	Tên	Lĩnh vực được công nhận
1	齊藤 武司 (Saito Takeshi)	Tổng hợp
2	手塚 大示 (Tezuka Taiji)	Tổng hợp
3	岩本 吉弘 (Iwamoto Yoshihiro)	Tạo hình
4	武内 敬吉郎 (Takeuchi Yoshiro)	Tổng hợp
5	西川 康彦 (Nishikawa Yasuhiko)	Tạo hình
6	荒井 和男 (Arai Kazuo)	Tổng hợp
7	中村 正機 (Nakamura Masaki)	Tổng hợp
8	長田 止夫 (Nagata Tomeotto)	Gia công trang trí
9	宮川 一三 (Miyagawa thứ XIII)	Tổng hợp
10	上山 善行 (Kamiyama Yoshiyuki)	Gia công trang trí
11	加藤 白次 (Kato Shiyori)	Tạo hình
12	今橋 逸夫 (Imakyo Itsuo)	Gia công trang trí
13	加藤 一世 (Kato Issei)	Gia công trang trí
14	小野山 昭三 (Shozo Onoyama)	Gia công trang trí
15	寺尾 智文 (Terao Tomofumi)	Gia công trang trí
16	伊藤 圭一 (Ito Keiichi)	Tổng hợp
17	西出 文雄 (Nishide Fumio)	Tạo hình
18	藤田 義孝 (Yoshikata Fujita)	Tạo hình
19	小関 弘子 (Hiroko Ozeki)	Gia công trang trí
20	山本 二郎 (Yamamoto Jiro)	Gia công trang trí
21	谷口 登志雄 (Taniguchi Toshio)	Gia công trang trí
22	伊藤 典哲 (Ito Noriakira)	Tạo hình
23	助田 敏隆 (Sukeda Toshikata)	Tạo hình
24	石田 滋圭 (Ishida shigerukei)	Tạo hình
25	村上 郁 (Murakami kaoru)	Tạo hình
26	吉村 重生 (Yoshimura Shigeo)	Tạo hình
27	宮川 日出夫 (Miyagawa Hideo)	Gia công trang trí
28	山岡 昇 (Yamaoka Noboru)	Gia công trang trí

⁷⁴ <http://www.kougeshi.jp/>

29	田中 啓介 (Tanaka Keisuke)	Gia công trang trí
30	清水 幹子 (Shimizu Motoko)	Tạo hình
31	入江 ヒロ子 (Irie Hiroko)	Gia công trang trí
32	寺田 嘉子 (Terada Yoshiko)	Gia công trang trí
33	巖田 亨 (Iwaota Toru)	Gia công trang trí
34	八木 徹 (Yagi Toru)	Gia công trang trí
35	竹内 滋 (Takeuchi Shige)	Tạo hình
36	春田 晋哉 (Haruta Ichisue)	Tạo hình
37	森里 秀夫 (Morisato Hideo)	Tạo hình
38	横山 武司 (Yokoyama Takeshi)	Tạo hình
39	清水 明 (Shimizu Akira)	Gia công trang trí
40	伊藤 聡 (Ito Satoshi)	Tạo hình
41	倉元 眞佐夫 (Kuramoto Makoto)	Tạo hình
42	山川 敦司 (Yamakawa Atsushi)	Tạo hình
43	釋 博史 (Hiroshi Hakushi)	Gia công trang trí
44	森 俊次 (Shunji Mori)	Tạo hình
45	山本 昌弘 (Yamamoto Masahiro)	Tạo hình
46	田中 正一 (Tanaka Soichi)	Gia công trang trí
47	富田 栄理 (Tomita Sakaeri)	Tạo hình
48	高島 慎一 (Takashima Manichi)	Gia công trang trí
49	高畑 直美 (Takahata Naomi)	Gia công trang trí
50	京谷 浩臣 (Kyotani Hiroshi)	Tạo hình
51	小野 多美枝 (Ono Tamie)	Gia công trang trí
52	木下 真貴 (Kishita Shincho)	Gia công trang trí
53	柴田 遊 (Murata Tabi)	Gia công trang trí
54	田中 聖子 (Tanaka Seiko)	Gia công trang trí
55	山本 美津子 (Mitsuko Yamamoto)	Gia công trang trí
56	杉村 陽子 (Sugimura Yoko)	Gia công trang trí
57	田中 宣夫 (Tanaka Nobuo)	Tạo hình
58	北川 宏幸 (Kitagawa Hiroyuki)	Tạo hình

59	小峠 行宏 (Kotoge Yukihiro)	Tạo hình
60	伊藤 毅 (Ito Tsuyoshi)	Gia công trang trí
<i>Những thợ gốm Kyo nhận danh hiệu thợ thủ công truyền thống đã qua đời</i>		
62	松本 昌巳 (Matsumoto Masami)	Tổng hợp
63	土谷 稔 (Minoru Tsuchiya)	Tổng hợp
64	河島 浩三 (Kozo Kawashima)	Tổng hợp
65	小倉 亨 (Ogura Toru)	Tạo hình
66	富田 新治 (Tomita Shinji)	Tổng hợp
67	中村 幸一 (Nakamura Koichi)	Gia công trang trí
68	加藤 丈夫 (Kato Otto)	Tạo hình
69	高木 隆司 (Takashi Takagi)	Tạo hình
70	東 則男 (Azuma norio)	Tạo hình
71	古川 清 (Furukawa Hiyoshi)	Tổng hợp
72	森里 良三 (Morisato Ryozo)	Tổng hợp
73	西村 徳一 (Nishimura Tokuitsu)	Tổng hợp
74	平野 之夫 (Hirano Noriyuki)	Tổng hợp
75	高島 昭雄 (Akio Takashima)	Tổng hợp
76	土山 隆三 (Doyama Ryouzo)	Tạo hình

**Phụ lục 3: Danh sách thợ gốm Kyoto nhận danh hiệu Thợ thủ công truyền thống
Phủ Kyoto đến năm 2016 (Năm Bình Thành thứ 28)⁷⁵**

Số thứ tự	Tên	Số hiệu nghệ nhân
1	宗村 太郎 (Munemura Taro)	7
2	岡山 高大 (Okayama Takahiro)	
3	並川 昌夫 (Namikawa Masao)	-
4	高畑 直美 (Naomi)	-
5	八木 進也 (Shinya Yagi)	-
6	柴田 遊 (Shibata Yu)	57
7	檜垣 良多 (Higaki Yoo)	-
8	杉村 陽子 (Yoko Sugimura)	-
9	古川 剛 (Tsuyoshi Furukawa)	-
10	柴田 恭久 (Yasuhisa Shibata)	94
11	西出 晴美 (Harumi Nishide)	-
12	宮里 絵美 (Emi Miyazato)	-
13	叶 具夫 (Kano Guotto)	-

⁷⁵ <http://www.pref.kyoto.jp/>

Phụ lục 4 . Bản đồ Kyoto (Các dấu sao màu xanh thể hiện các khu vực sản xuất gốm sứ Kyo)⁷⁶



⁷⁶ <http://kyoto.asanoxn.com/info/kyotomap.htm>